

THƯ MỜI BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/06/2023; được sửa đổi bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024, Luật số 90/2025/QH15 ngày 25/06/2025;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ nhu cầu khám, chữa bệnh các khoa và Kế hoạch phát triển của Bệnh viện.

Bệnh viện Đa khoa Hoà Bình có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, làm cơ sở xây dựng giá gói thầu dự toán mua sắm: Mua sắm thiết bị y tế (vật tư y tế) năm 2026 - 2027 với nội dung cụ thể như sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Đa khoa Hoà Bình, Địa chỉ: đường Cù Chính Lan, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ.

2. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Gửi qua đường bưu điện hoặc gửi trực tiếp văn thư theo địa chỉ: Tổ đấu thầu mua sắm, Bệnh viện Đa khoa Hoà Bình, đường Cù Chính Lan, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ. *(Trên bì thư ghi rõ: Báo giá cho thư mời báo giá số.... ngày ... tháng ... năm 2025).*

- Thông tin liên hệ: Tổ đấu thầu, Số điện thoại: 02183.896545 Số máy lẻ 126

3. Thời hạn tiếp nhận báo giá: 10 ngày kể từ ngày được đăng tải trên hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (<https://muasamcong.mpi.gov.vn>).

(Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét).

4. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 120 ngày kể từ ngày hãng sản xuất hoặc nhà cung cấp chào báo giá theo nội dung của Thư mời chào báo giá này.

II. Nội dung yêu cầu báo giá:

1. Danh mục thiết bị y tế (vật tư y tế) năm 2026-2027 yêu cầu báo giá: Chi tiết theo Phụ lục 1 đính kèm.

2. Hồ sơ báo giá gồm các tài liệu:

- Thư báo giá kèm thông số kỹ thuật của các mặt hàng theo Phụ lục 1 đính kèm.
- Giấy phép đăng kí kinh doanh, giấy phép hoạt động trong lĩnh vực thiết bị y tế.. của Công ty báo giá.

3. Địa điểm giao hàng: Bệnh viện Đa khoa Hoà Bình, Địa chỉ: đường Cù Chính Lan, phường Hòa Bình, tỉnh Phú Thọ.

4. Thời gian giao hàng dự kiến: 12 tháng kể từ ngày Hợp đồng ký kết có hiệu lực

5. Mẫu Báo giá: Chi tiết theo Phụ lục 2 đính kèm.

Lưu ý:

- Đơn giá của quý công ty đã bao gồm thuế, phí vận chuyển và các chi phí khác (nếu có), bên mua không phải trả bất kỳ một chi phí nào thêm.
- Bệnh viện xem xét không tổng hợp báo giá trong các trường hợp sau:
 - + *Không có báo giá bản cứng được ký bởi người có thẩm quyền;*
 - + *Không có thông tin rõ ràng như địa chỉ, số điện thoại, email hoặc ký bởi người không có thẩm quyền;*

Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình kính mời các hãng sản xuất, nhà cung cấp quan tâm có đủ năng lực, kinh nghiệm chào giá thiết bị y tế (vật tư y tế) theo yêu cầu nêu trên tại phụ lục đính kèm.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Ban Giám đốc;
- Các khoa, phòng BV;
- Lưu: VT, Tổ ĐT.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Hoàng Diệu

PHỤ LỤC 1
THIẾT BỊ Y TẾ (VẬT TƯ Y TẾ) NĂM 2026-2027 MỜI CHÀO GIÁ
(Kèm theo Thư mời chào báo giá số /TMBG-BVĐKHB ngày /02/2026 của Bệnh viện Đa khoa Hoà Bình)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật tham khảo	ĐVT	Khối lượng/ Số lượng dự kiến 12 tháng	Tùy chọn mua thêm 30%
I	Phần 1. Bông, dung dịch sát khuẩn, rửa vết thương				
1	Bông ép sọ não	Làm từ gạc không dệt hút nước và có độ thấm hút rất cao, có độ acid và độ kiềm (trung tính) Kích thước 1,5 x 5 cm.	Cái	6.897	2.069
2	Bông ép phẫu thuật sọ não	Làm từ gạc không dệt hút nước và có độ thấm hút rất cao. Độ acid và độ kiềm (trung tính) Kích thước 4 x 5cm.	Cái	10	3
3	Bông gạc đắp vết thương vải không dệt	Làm từ bông hút nước 100% cotton và gạc không dệt hút nước, màu trắng. Có 1 lớp bông ở giữa, 2 lớp gạc 2 bên, đóng trong túi đã tiệt trùng. Kích thước: 5 x 7cm.	Cái	150.000	45.000
4	Bông gạc đắp vết thương	Kích thước 6cm x 10cm. Nguyên liệu: bông hút nước 100% cotton và gạc không dệt hút nước.. Đặc tính: Gồm 3 lớp: 1 lớp bông ở giữa và 2 lớp gạc 2 bên. - Khả năng giữ nước 18.3 gam nước/gam bông. - Tốc độ hút nước: không quá 5 giây; - Chất tan trong nước: không quá 0,5%; - Giới hạn acid-kiềm: đạt trung tính; - Hàm lượng clorid: không quá 0,005%; - Hàm lượng sulfat: không quá 0,01%; - Hàm lượng chất béo: không quá 0,3%; - Chất màu: Dịch chiết không màu; - Độ ẩm: không quá 8%; - Phát quang: không có.	Cái	200	60
5	Bông gạc đắp vết thương	Kích thước 6cm x 15cm. Nguyên liệu: bông hút nước 100% cotton và gạc không dệt hút nước.. Đặc tính: Gồm 3 lớp: 1 lớp bông ở giữa và 2 lớp gạc 2 bên. - Khả năng giữ nước 18.3 gam nước/gam bông. - Tốc độ hút nước: không quá 5 giây; - Chất tan trong nước: không quá 0,5%; - Giới hạn acid-kiềm: đạt trung tính; - Hàm lượng clorid: không quá 0,005%; - Hàm lượng sulfat: không quá 0,01%; - Hàm lượng chất béo: không quá 0,3%; - Chất màu: Dịch chiết không màu; - Độ ẩm: không quá 8%; - Phát quang: không có.	Cái	10	3

6	Bông gạc đắp vết thương	Kích thước 6cm x 22cm. Nguyên liệu: bông hút nước 100% cotton và gạc không dệt hút nước.. Đặc tính: Gồm 3 lớp: 1 lớp bông ở giữa và 2 lớp gạc 2 bên. - Khả năng giữ nước 18.3 gam nước/gam bông. - Tốc độ hút nước: không quá 5 giây; - Chất tan trong nước: không quá 0,5%; - Giới hạn acid-kiềm: đạt trung tính; - Hàm lượng clorid: không quá 0,005%; - Hàm lượng sulfat: không quá 0,01%; - Hàm lượng chất béo: không quá 0,3%; - Chất màu: Dịch chiết không màu; - Độ ẩm: không quá 8%; - Phát quang: không có	Cái	10	3
7	Bông gạc đắp vết thương	Kích thước 7cm x 10cm. Nguyên liệu: bông hút nước 100% cotton và gạc không dệt hút nước.. Đặc tính: Gồm 3 lớp: 1 lớp bông ở giữa và 2 lớp gạc 2 bên. - Khả năng giữ nước 18.3 gam nước/gam bông. - Tốc độ hút nước: không quá 5 giây; - Chất tan trong nước: không quá 0,5%; - Giới hạn acid-kiềm: đạt trung tính; - Hàm lượng clorid: không quá 0,005%; - Hàm lượng sulfat: không quá 0,01%; - Hàm lượng chất béo: không quá 0,3%; - Chất màu: Dịch chiết không màu; - Độ ẩm: không quá 8%; - Phát quang: không có (hoặc tương đương)	Cái	2.000	600
8	Bông gạc đắp vết thương	Kích thước 8cm x 20cm. Nguyên liệu: bông hút nước 100% cotton và gạc không dệt hút nước.. Đặc tính: Gồm 3 lớp: 1 lớp bông ở giữa và 2 lớp gạc 2 bên. - Khả năng giữ nước 18.3 gam nước/gam bông. - Tốc độ hút nước: không quá 5 giây; - Chất tan trong nước: không quá 0,5%; - Giới hạn acid-kiềm: đạt trung tính; - Hàm lượng clorid: không quá 0,005%; - Hàm lượng sulfat: không quá 0,01%; - Hàm lượng chất béo: không quá 0,3%; - Chất màu: Dịch chiết không màu; - Độ ẩm: không quá 8%; - Phát quang: không có	Cái	2.000	600

9	Bông gạc đắp vết thương	Kích thước 8cm x 15cm.Nguyên liệu: bông hút nước 100% cotton và gạc không dệt hút nước.. Đặc tính: Gồm 3 lớp: 1 lớp bông ở giữa và 2 lớp gạc 2 bên. - Khả năng giữ nước 18.3 gam nước/gam bông. - Tốc độ hút nước: không quá 5 giây; - Chất tan trong nước: không quá 0,5%; - Giới hạn acid-kiềm: đạt trung tính; - Hàm lượng clorid: không quá 0,005%; - Hàm lượng sulfat: không quá 0,01%; - Hàm lượng chất béo: không quá 0,3%; - Chất màu: Dịch chiết không màu; - Độ ẩm: không quá 8%; - Phát quang: không có	Cái	10	3
10	Băng y tế vô trùng trong suốt có gel CHG	Băng vô trùng hàng khuẩn cao, chống thấm nước và vi khuẩn xâm nhập - Kích thước $\geq 7\text{cm} \times 8,5\text{cm}$ - Màng film Polyurethane 3-10%, phủ lớp keo Acrylate 5- 15%; chính giữa có Gel CHG 2% kháng khuẩn , kích thước 3 x 4cm; xung quanh viền vải không dệt, có rãnh xẻ sâu. - Đóng gói tiết khuẩn từng miếng, thời gian lưu 7 ngày. - Đạt tiêu chuẩn FDA Xuất xứ nhóm các nước G7	Cái	500	150
11	Tăm bông vô trùng dùng trong kỹ thuật kháng sinh đồ	Chuyên dụng để lấy vi khuẩn trên môi trường đĩa thạch để thực hiện kỹ thuật định danh hoặc kháng sinh đồ. Tăm bông chứa trong ống nhựa có chiều dài 170mm và đường kính 5mm. Chiều dài của que tăm bông là 55mm. Đóng gói: 50 que / Bịch. Đạt TCVN ISO 9001:2015/ISO 9001: 2015; TCVN ISO 13485: 2017/ISO 13485:2016	Cái	250	75
12	Tăm bông bệnh phẩm vô trùng	Lấy các loại bệnh phẩm khác nhau dùng trong xét nghiệm vi sinh. Tăm bông chứa trong ống nhựa có chiều dài 180mm và đường kính 10mm. Chiều dài của que tăm bông là 70mm Đóng gói: 50 que / Bịch. Đạt TCVN ISO 9001:2015/ISO 9001: 2015; TCVN ISO 13485: 2017/ISO 13485:2016.	Cái	4.777	1.433
13	Bông y tế thấm nước	- Sản xuất từ 100% bông xơ thiên nhiên, không lẫn sợi nylon, được dùng trong lĩnh vực y tế hoặc gia dụng (chăm sóc vết thương, thấm hút chất dịch, vệ sinh bề mặt da...). Bông mềm, mịn, không bụi,bông dạng dài được xếp thành hình trụ, để người sử dụng có thể tạo ra các miếng kích thước tùy ý. Đảm bảo vệ sinh an toàn, bông mềm, mịn, không gây kích ứng da. PH (dùng dịch 100g/ lít) : Từ 5,0 đến 8,0, Tốc độ hút nước ≤ 10 giây - Độ ẩm tối đa: 8,0 %, Chất màu: Dung dịch có màu trắng đến màu vàng nhạt, Hàm lượng Canxi tối đa 0.015%, Hàm lượng Clorua tối đa 0.005%, Hàm lượng Sunfat tối đa 0.01%, Tro toàn phần tối đa :0,5%, Hàm lượng chất tan tối đa 0.5%, Hàm lượng chất béo tối đa 0.3%. Tiêu chuẩn ISO	Kg	120	36
14	Bông y tế không thấm nước	100% Bông xơ thiên nhiên. Có màu trắng ngà, mịn, xốp, không mùi, sờ trơn tay.Không hút nước, không lẫn tạp chất. Độ ẩm tối đa: 8%, Tro toàn phần không quá: 2.5%. Khả năng thấm hút: không. Khô rộng 370mm, đường kính cuộn 180mm Tiêu chuẩn ISO	Kg	3	1

15	Chế phẩm sát khuẩn tay nhanh dùng trong gia dụng và y tế	Thành phần: 75%tt/tt Ethanol 8%tt/tt Isopropyl Alcohol 0.5%tt/tt Chlorhexidine Digluconate. Hàm lượng phụ gia vừa đủ 100% Chế phẩm có hiệu lực diệt 99,99% các vi khuẩn Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Shigella flexneri, Mycobacterium tuberculosis, Bacillus subtilis, nấm Candida albicans sau 30 giây tiếp xúc và 3 phút tiếp xúc Chai 1 lít	Chai	5.350	1.605
16	Dung dịch rửa tay thường quy	Chlorhexidine Digluconate 2% (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, Polyquatium 7, ...) vừa đủ 100%. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; ISO 9001 - Được kiểm nghiệm khả năng tiêu diệt nhanh 6 chủng khuẩn: Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Shigella flexneri, Bacillus subtilis, Candida albicans, Mycobacter tuberculosis trong vòng 30 giây Chai 500ml	Chai	2.456	737
17	Dung dịch rửa tay phẫu thuật	Chlorhexidine Digluconate 4% (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Alkyl Polyglycoside, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, Polyquatium 7 ...) vừa đủ 100%. - Đạt tiêu chuẩn: EN 1500; ISO 13485; ISO 9001 - Đáp ứng thử nghiệm kích ứng da tại đơn vị đạt tiêu chuẩn GLP - Được kiểm nghiệm khả năng tiêu diệt nhanh 6 chủng khuẩn: Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Shigella flexneri, Bacillus subtilis, Candida albicans, Mycobacter tuberculosis trong vòng 30 giây và 03 phút tiếp xúc.	Chai	78	23
18	Chế phẩm diệt khuẩn dùng trong y tế	Chlorhexidine Digluconate 4% (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Alkyl Polyglycoside, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, Polyquatium 7 ...) vừa đủ 100%. - Đạt tiêu chuẩn: EN 1500; ISO 13485; ISO 9001 - Đáp ứng thử nghiệm kích ứng da tại đơn vị đạt tiêu chuẩn GLP - Được kiểm nghiệm khả năng tiêu diệt nhanh 6 chủng khuẩn: Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Shigella flexneri, Bacillus subtilis, Candida albicans, Mycobacter tuberculosis trong vòng 30 giây và 03 phút tiếp xúc. Chai 500ml	Chai	10	3
19	Dung dịch tẩy rửa và làm sạch dụng cụ y tế	Enzyme Protease 5% (w/w); Enzyme Lipase 0.5% (w/w); Enzyme Amylase 0.3%(w/w); Enzyme Cellulase 0.05%; Enzyme Mannanase 0.05%; Alcohol Ethoxylate 8% (w/w), chất chống ăn mòn kim loại và các chất phụ gia vừa đủ 100% - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; ISO 9001	Chai	697	209

20	Dung dịch làm sạch và khử nhiễm dụng cụ nội khoa, ngoại khoa và dụng cụ nội soi	Didecyldimethylammonium chloride 7.5% (w/w); Polyhexamethylene Biguanide Hydrochloride 1.5% (w/w), Các enzyme (protease, lipase, amylase); chất hoạt động bề mặt nonionic; chất ức chế ăn mòn và các chất phụ gia vừa đủ 100%. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; ISO 9001 Được khảo nghiệm khả năng tiêu diệt 6 chủng khuẩn: Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Shigella flexneri, Bacillus subtilis, Candida albicans, Mycobacter tuberculosis trong vòng 10 phút.	Can	20	6
21	Dung dịch tẩy rửa và làm sạch dụng cụ y tế	-Thành phần: + Chứa 3 enzym: protease, lipase, amylase + 5-15 % chất điện hoạt không ion, < 5 % chất điện hoạt anion, chứa Enzymes , chất bảo quản (methylothiazolinone, octylisothiazolinone) PH : 8,4-8,6 - Tẩy rửa thủ công với độ bẩn trung bình : 1-2,5ml/lít - Tiêu chuẩn CE , ISO 13485 Can 5 lít	Lít	500	150
22	Chế phẩm sát khuẩn tay phẫu thuật dùng trong y tế	Thành phần: 4%kl/kl Chlorhexidine Digluconate. Hàm lượng phụ gia vừa đủ 100% Chế phẩm có hiệu lực diệt 99,99% các vi khuẩn Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Shigella flexneri, Mycobacterium tuberculosis, Bacillus subtilis, nấm Candida albicans sau 3 phút tiếp xúc Can 5 lít	Can	10	3
23	Chế phẩm sát khuẩn tay và tắm sát khuẩn dùng trong y tế	Thành phần: 2%kl/kl Chlorhexidine Digluconate. Hàm lượng phụ gia vừa đủ 100% Chế phẩm có hiệu lực diệt 99,99% các vi khuẩn Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Shigella flexneri, Mycobacterium tuberculosis, Bacillus subtilis, nấm Candida albicans sau 30 giây và 03 phút tiếp xúc	Chai	10	3
24	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao	1. Thành phần: 0,55% Ortho- Phthalaldehyde, 2. pH=7, dung dịch sẵn sàng sử dụng (không pha loãng). Khử khuẩn mức độ cao trong 5 phút. Tái sử dụng trong 14 ngày (tặng kèm test thử để kiểm tra nồng độ OPA). 3. Hiệu quả diệt khuẩn: - Diệt khuẩn EN 14561 (Pseudomonas aeruginosa, Staphylococcus aureus, Enterococcus hirae...) - Diệt nấm EN 14562 (Candida albicans, Aspergillus niger...) - Diệt vi khuẩn lao EN 14563 (Mycobacterium terrae, Mycobacterium avium...) - Diệt bào tử trong 30 phút theo EN 17126 (Clostridium difficile, Bacillus subtilis, Bacillus cereus) - Diệt virus EN 17111 (Adenovirus...) 4. Thời gian bảo quản dung dịch trong can sau khi mở nắp trên 3 tháng. 5. Có tài liệu chứng minh tương thích với ống nội soi hãng Olympus/Fujifilm/Pentax/Karl Storz 6. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485 Can 5 lít	Can	12	4

25	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao	Dung dịch khử khuẩn mức độ cao, thành phần ORTHO-PHTHALADEHYDE 0,55%, Benzotriazole 0,01% và các thành phần khác, pH 7.2 - 7.8, can 3,78lit, có que thử - Diệt được hầu hết các loại vi khuẩn, vi rút, nấm, Trùng khuẩn lao (Mycobacterium bovis), theo các tiêu chuẩn: EN 13727, EN 13624, EN 14348, EN 14563, EN 14476. - Thời gian ngâm khử khuẩn mức độ cao cho dụng cụ là 5 phút, tái sử dụng trong vòng 14 ngày. Thời gian bảo quản dung dịch trong can là 75 ngày tính từ khi mở nắp. - Không gây ăn mòn dụng cụ, tương thích với nhiều loại dụng cụ và vật liệu (kể cả Polystyrene, Cyanoacrylate, EPO - TEK 353 epoxy) - Tương thích với dụng cụ của các hãng sản xuất dụng cụ nội soi (Olympus, Pentax, GE, Karl Storz, đèn nội soi Fujinon) - Môi trường sử dụng không cần thông khí đặc biệt. Có thể dùng cho quy trình xử lý bằng tay và bằng máy. - Đạt các tiêu chuẩn: ISO 13485, CFS	Can	514	154
26	Gel sát khuẩn tay nhanh dùng trong y tế	Ethanol 77% (v/v); Isopropyl Alcohol 2.2%(v/v) và các chất phụ gia vừa đủ 100%. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; ISO 9001 - Được kiểm nghiệm khả năng tiêu diệt nhanh 6 chủng khuẩn: Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Shigella flexneri, Bacillus subtilis, Candida albicans, Mycobacter tuberculosis trong vòng 30 giây. Chai 1 lít	Chai	30	9
27	Gel sát khuẩn tay nhanh dùng trong y tế	Ethanol 77% (v/v); Isopropyl Alcohol 2.2%(v/v) và các chất phụ gia vừa đủ 100%. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; ISO 9001 - Được kiểm nghiệm khả năng tiêu diệt nhanh 6 chủng khuẩn: Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Shigella flexneri, Bacillus subtilis, Candida albicans, Mycobacter tuberculosis trong vòng 30 giây Chai 500ml	Chai	10	3
28	Dung dịch làm sạch và tiền khử khuẩn dụng cụ y tế	Didecyldimethylammonium Chloride 10% (w/w); Chlorhexidine Digluconate 1.5% (w/w); chất hoạt động bề mặt non-ionic; và các phụ gia vừa đủ 100%. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; ISO 9001 Được khảo nghiệm khả năng tiêu diệt 6 chủng khuẩn: Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Shigella flexneri, Bacillus subtilis, Candida albicans, Mycobacter tuberculosis trong vòng 10 phút. Chai 1 lít	Chai	10	3

29	Dung dịch phun diệt khuẩn bề mặt dụng cụ y tế chuyên dùng trong y tế	Didecyldimethylammonium Chloride 0,05%w/w; Polyhexamethylene Biguanide Chlorhydrate 0,06%w/w ; nước cất và các phụ gia vừa đủ 100%. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; ISO 9001 Được kiểm nghiệm khả năng tiêu diệt nhanh 6 chủng khuẩn: Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Shigella flexneri, Bacillus subtilis, Candida albicans, Mycobacter tuberculosis trong vòng 05 phút nhờ hoạt chất diệt khuẩn kép. Chai 500ml	Chai	24	7
30	Dung dịch phun diệt khuẩn bề mặt dụng cụ y tế chuyên dùng trong y tế	Didecyldimethylammonium Chloride 0,05%w/w; Polyhexamethylene Biguanide Chlorhydrate 0,06%w/w ; nước cất và các phụ gia vừa đủ 100%. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; ISO 9001 Được kiểm nghiệm khả năng tiêu diệt nhanh 6 chủng khuẩn: Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Shigella flexneri, Bacillus subtilis, Candida albicans, Mycobacter tuberculosis trong vòng 05 phút nhờ hoạt chất diệt khuẩn kép. Chai 750ml	Chai	10	3
31	Dung dịch vệ sinh tay sát khuẩn thường quy	Chlorhexidine Digluconate 2% (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, Polyquatium 7, ...) vừa đủ 100%. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; ISO 9001 - Được kiểm nghiệm khả năng tiêu diệt nhanh 6 chủng khuẩn: Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Shigella flexneri, Bacillus subtilis, Candida albicans, Mycobacter tuberculosis trong vòng 30 giây. Chai 1 lít	Chai	10	3
32	Dung dịch vệ sinh tay sát khuẩn thường quy	Chlorhexidine Digluconate 2% (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, Polyquatium 7, ...) vừa đủ 100%. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; ISO 9001 - Được kiểm nghiệm khả năng tiêu diệt nhanh 6 chủng khuẩn: Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Shigella flexneri, Bacillus subtilis, Candida albicans, Mycobacter tuberculosis trong vòng 30 giây. Can 5 lít	Can	10	3

33	Dung dịch vệ sinh tay sát khuẩn phẫu thuật	Chlorhexidine Digluconate 4% (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Alkyl Polyglycoside, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, Polyquatium 7 ...) vừa đủ 100%. - Đạt tiêu chuẩn: EN 1500; ISO 13485; ISO 9001 - Đáp ứng thử nghiệm kích ứng da tại đơn vị đạt tiêu chuẩn GLP - Được kiểm nghiệm khả năng tiêu diệt nhanh 6 chủng khuẩn: Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Shigella flexneri, Bacillus subtilis, Candida albicans, Mycobacter tuberculosis trong vòng 30 giây và 03 phút tiếp xúc. Chai 1 lít	Chai	10	3
34	Dung dịch vệ sinh tay sát khuẩn phẫu thuật	Chlorhexidine Digluconate 4% (w/w) và các chất phụ gia, chất dưỡng da (Glycerine, Alcohol Ethoxylates, Alkyl Polyglycoside, Aloe Vera, Cocamide Diethanolamine, Vitamin E, Cocamidopropyl Betaine, Polyquatium 7 ...) vừa đủ 100%. - Đạt tiêu chuẩn: EN 1500; ISO 13485; ISO 9001 - Đáp ứng thử nghiệm kích ứng da tại đơn vị đạt tiêu chuẩn GLP - Được kiểm nghiệm khả năng tiêu diệt nhanh 6 chủng khuẩn: Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Shigella flexneri, Bacillus subtilis, Candida albicans, Mycobacter tuberculosis trong vòng 30 giây và 03 phút tiếp xúc. Can 5 lít	Can	10	3
35	Dung dịch khử khuẩn bề mặt trang thiết bị y tế mức độ trung bình	1. Thành phần: 0,05% Didecyldimethyl ammonium chloride + 0,06% Chlorhexidine digluconate kết hợp 22,57% Ethanol 2. Khử khuẩn nhanh các bề mặt 3. Hiệu quả diệt khuẩn, diệt nấm theo EN 13697 Diệt virus (PRV, BVDV, HSV 1...) từ 1 phút 4. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485. Chai 1 lít	Chai	24	7
36	Dung dịch sát khuẩn, khử trùng trong phòng xét nghiệm, buồng mổ, buồng bệnh các loại	Didecyldimethylammonium chloride 0.1% (w/w); Chlorhexidine Digluconate 0.1% (w/w), Ethanol 30% (v/v) và các chất phụ gia vừa đủ 100%. - Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485; ISO 9001 Được kiểm nghiệm khả năng tiêu diệt nhanh 6 chủng khuẩn: Staphylococcus aureus, Pseudomonas aeruginosa, Shigella flexneri, Bacillus subtilis, Candida albicans, Mycobacter tuberculosis trong vòng 01 phút nhờ hoạt chất diệt khuẩn kép.	Chai	10	3
37	Dầu bôi trơn, đánh bóng dụng cụ y tế	- Xịt bảo vệ, làm sáng bóng dụng cụ có bề mặt kim loại, đặc biệt các dụng cụ có bản lề, dụng cụ phẫu thuật - Thành phần: Pparaffinum liquidum dùng trong thực phẩm và dược phẩm, chất diện hoạt không ion, khí propan / butan hóa lỏng - Tỷ trọng giá trị: 0,86 g/cm ³ , nhiệt độ 20oC Quy cách: 0,4 lít/bình	Bình	112	34

38	Dung dịch đánh tan gỉ dụng cụ y tế	- Thành phần: Chất hoạt động bề mặt không ion < 5% ,phosphates > 30% - pH: 1.8-0.9 (nước khử khoáng, 20 °C, dung dịch 1-10% (10-100ml/L)) - Độ nhớt: < 50 Pa s ((trong dung dịch đậm đặc, 20 °C) '- Dung dịch đánh tan gỉ sắt, sử dụng trong bồn rửa hoặc máy rửa sóng siêu âm Chai 1 lít	Chai	65	20
39	Cồn 70 độ	Ethanol 70 độ, trong suốt không màu. Chai 500ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Chai	13.809	4.143
40	Cồn 90 độ	Ethanol 90 độ, trong suốt không màu. Chai 500ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Chai	771	231
41	Cồn tuyệt đối	Ethanol 99,7%, trong suốt không màu. Chai 500 ml Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Chai	514	154
42	Dung dịch Javen	Có màu hơi xanh, có mùi đặc trưng.	Lít	1.138	341
II	Phần 2: Băng gạc, vật liệu cầm máu điều trị vết thương				0
1	Băng dính	Băng vải lụa đan dệt taffeta, màu trắng, số sợi 44x18/cm². Bờ răng cưa hai bên giúp xé dễ dàng, không cần dùng kéo. Keo: Oxyd kẽm không dùng dung môi. Kích thước đúng: 5cm x 5m. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001; ISO 14001	Cuộn	21.080	6.324
2	Băng y tế vô trùng trong suốt có gel	Miếng dán sát khuẩn có chứa Chlorhexidine Gluconate 2% dùng cố định catheter tĩnh mạch trung tâm - Màng film Polyurethane 3-10%, phủ lớp keo Acrylate 5- 15%; chính giữa có Gel CHG 2% kháng khuẩn , kích thước 3 x 4cm; xung quanh viền vải không dệt, có rãnh xẻ sâu. - Kích thước 10x12cm - Đặc tính: Kháng khuẩn cao (chống lại 1 loạt các vi khuẩn gram dương, âm và nấm), Chống thấm nước và vi khuẩn xâm nhập, rào cản chống virus có đường kính ≥27nm ((HIV-1 và HBV), thấm máu và dịch tiết. Cho phép hấp thụ oxy và thải hơi ẩm. Cố định chắc chắn, độ dính tốt và hạn chế kích ứng da. Có nhãn ghi chú ngày giờ dán băng. Có tích hợp sẵn các đoạn băng keo cố định đi kèm dùng cho cố định dây truyền dịch - Thời gian lưu 7 ngày - Đóng gói tiệt khuẩn từng miếng Tiêu chuẩn: FDA	Miếng	300	90
3	Băng keo thun co giãn (8 x 4.5)	- Băng thun màu trắng, 100% sợi cotton, co giãn ≥ 90%. Lực dính 2-9 N/cm - Keo Zinc oxide và các thành phần : Zinc dibutyl dithiocarbamate, SIS copolymer. - Kiểm tra đạt giới hạn vi sinh theo Dược điển Châu Âu / ISO 11737-1. - Kích thước 8cm x 4.5m. - Tiêu chuẩn ISO 13485	Cuộn	200	60

4	Băng bột sợi thủy tinh 2"	Làm từ vải sợi thủy tinh dệt kim hoạt hóa trong nước, thời gian đông kết từ 2 - 4 phút. Đông kết hoàn toàn sau khoảng 20 phút. Kích thước: rộng 5cm, cuộn dài tối thiểu 3,6m. Xuất xứ: Việt Nam	Cuộn	300	90
5	Băng bột sợi thủy tinh 3"	Làm từ vải sợi thủy tinh dệt kim hoạt hóa trong nước, thời gian đông kết từ 2 - 4 phút. Đông kết hoàn toàn sau khoảng 20 phút. Kích thước: rộng 7.5cm, cuộn dài tối thiểu 3,6m. Xuất xứ: Việt Nam	Cuộn	800	240
6	Băng bột sợi thủy tinh 4"	Làm từ vải sợi thủy tinh dệt kim hoạt hóa trong nước, thời gian đông kết từ 2 - 4 phút. Đông kết hoàn toàn sau khoảng 20 phút. Kích thước: rộng 10cm, cuộn dài tối thiểu 3,6m. Xuất xứ: Việt Nam	Cuộn	800	240
7	Băng bột sợi thủy tinh 5"	Làm từ vải sợi thủy tinh dệt kim hoạt hóa trong nước, thời gian đông kết từ 2 - 4 phút. Đông kết hoàn toàn sau khoảng 20 phút. Kích thước: rộng 12.5cm, cuộn dài tối thiểu 3,6m. Xuất xứ: Việt Nam	Cuộn	500	150
8	Bông lót bó bột 10cm x 3,65m	Làm từ bông 100% polyester, chất liệu bông không thấm nước, không gây kích ứng khi sử dụng, rộng 10cm, chiều dài = 365cm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, tiêu chuẩn FDA. Xuất xứ: Việt Nam	Cuộn	2.000	600
9	Bông lót bó bột 15cm x 3,65m	Làm từ bông 100% polyester, chất liệu bông không thấm nước, không gây kích ứng khi sử dụng, rộng 15cm, chiều dài = 365cm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, tiêu chuẩn FDA. Xuất xứ: Việt Nam	Cuộn	1.000	300
10	Ống lót bó bột 6,5cm x 25m	Làm từ 35% vải cotton và 65% polyester, không gây ngứa và dị ứng da. Kích thước: Rộng 6.5cm, cuộn dài tối thiểu 25m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, tiêu chuẩn FDA. Xuất xứ: Việt Nam	Mét	25.000	7.500
11	Ống lót bó bột 10cm x 25m	Làm từ 35% vải cotton và 65% polyester, không gây ngứa và dị ứng da. Kích thước: Rộng 10cm, cuộn dài tối thiểu 25m. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, tiêu chuẩn FDA. Xuất xứ: Việt Nam	Mét	25.000	7.500
III	Phần 3. Bơm, kim tiêm, dây truyền, găng tay và vật tư y tế sử dụng trong chăm sóc người bệnh				0
1	Bơm tiêm tiểu đường 100 IU	- Bơm kim tiêm dùng 1 lần, thể tích 1ml, có kim 30Gx1/2" (0.3x12mm) - Đầu kim vát 3 mặt phủ Silicon hoặc tương đương. Có nút chặn piston. - Chất liệu không chứa latex, PVC, DEHP - Thể tích chết: 0,5 microL. Vạch chia 2,0 I.U - Đạt tiêu chuẩn EC	Cái	1.000	300

2	Bơm cho ăn 50ml	- Xy lanh được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. - Đốc xy lanh to lắp vừa dây cho ăn. - Bơm có có thiết kế lỗ vòng ngón tay ở cuối giúp cầm, kéo chắc chắn chống trượt. Thang chia thể tích được chia theo oz và cc. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn FDA do cơ quan Quản lý Thực phẩm và Thuốc Hoa Kỳ (FDA) công bố - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485.	Chiếc	9.244	2.773
3	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 50 ml	- Xy lanh dung tích 50ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bề gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Đốc xy lanh nhỏ, gắn chắc chắn với tất cả các cỡ kim, an toàn khi sử dụng. - Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện - Bơm có vạch chia thể tích tối đa 60ml, vạch chia nhỏ nhất ≤ 1ml để tiện sử dụng cho trẻ em - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)	Chiếc	36.120	10.836
4	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 1ml	- Xy lanh dung tích 1ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Gioăng có núm bơm hết hành trình giúp tiêm hết thuốc, đạt khoảng chết ≤ 0.03ml, khí và dung dịch tiêm không lọt qua được gioăng. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim 26Gx1/2". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)	Chiếc	118.253	35.476

5	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 10ml	- Xy lanh dung tích 10ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 12ml, vạch chia nhỏ nhất $\leq 0,2$ml - Pít tông có khía bề gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)	Chiếc	520.742	156.223
6	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 20ml	- Xy lanh dung tích 20ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bề gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Đầu côn lệch tâm giúp cho việc đuổi khí dễ dàng, thuận tiện - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim cỡ 23Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)	Chiếc	175.770	52.731
7	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 3ml	- Xy lanh dung tích 3ml được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Pít tông có khía bề gãy dễ hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)	Chiếc	1.200	360

8	Bơm tiêm nhựa dùng một lần 5ml	- Xy lanh dung tích 5ml, được sản xuất từ nhựa y tế nguyên sinh trong suốt, nhẵn bóng, không cong vênh, không có ba vĩa. Vạch chia dung tích rõ nét. - Có thang chia dung tích hút tối đa đến 6ml - Pít tông có khía bề gãy để hủy, không có ba vĩa. - Kim làm bằng thép không gỉ, sắc nhọn, vát 3 cạnh. Kim các cỡ 23Gx1", 25Gx1". Đốc kim có màu giúp phân biệt cỡ kim theo tiêu chuẩn quốc tế và được gắn chặt với thân kim không gây rò rỉ, an toàn khi sử dụng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, TCVN 5903:1995, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135:2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)	Chiếc	427.765	128.330
9	Bơm tiêm điện 20ml	Loại 20ml. Chất liệu: Polypropylen (PP). Ống tiêm không Latex (Latex-Free) và không PVC (PVC-Free). Tiệt trùng bằng tia điện tử. Thân bơm tiêm trong suốt dễ quan sát. Phần đệm bơm tiêm thiết kế an toàn, không Latex, sử dụng chất liệu đàn hồi độ dẻo cao làm giảm rò rỉ thuốc. Miếng đệm kép đảm bảo kín khí, di chuyển nhẹ nhàng và chính xác, tiêm nhẹ và kiểm soát hoàn hảo. Công nghệ Silicon hóa cải tiến giúp tối ưu hóa chuyển động của pit-tông.	Chiếc	1.700	510
10	Bơm tiêm điện 50ml	Loại 50ml. Chất liệu: Polypropylen (PP). Ống tiêm không Latex (Latex-Free) và không PVC (PVC-Free). Tiệt trùng bằng tia điện tử. Thân bơm tiêm trong suốt dễ quan sát. Phần đệm bơm tiêm thiết kế an toàn, không Latex, sử dụng chất liệu đàn hồi độ dẻo cao làm giảm rò rỉ thuốc. Miếng đệm kép đảm bảo kín khí, di chuyển nhẹ nhàng và chính xác, tiêm nhẹ và kiểm soát hoàn hảo. Công nghệ Silicon hóa cải tiến giúp tối ưu hóa chuyển động của pit-tông. Nước sản xuất tại G7	Chiếc	16.920	5.076
11	Bơm tiêm Insulin	Bơm tiêm dung tích 1ml dùng để tiêm insulin, có nắp chụp bảo vệ đầu kim và nắp chụp pít tông để ngăn dị vật vào lòng bơm khi sử dụng. - Bơm tiêm có 2 loại phù hợp với 2 loại thuốc 40UI và 100UI. - Đầu kim có vát 3 cạnh giúp tiêm sắc nhọn, không có gờ. Thân kim làm bằng thép không gỉ - Kim được đúc liền với vỏ xylan, không thể tháo rời - Kim tiêm bao gồm các cỡ: 31Gx6mm, 32Gx6mm - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O). - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	1.800	540

12	Kim luồn tĩnh mạch an toàn các số	Kim luồn tĩnh mạch chất liệu FEP. Kim có cánh có cửa tiêm thuốc. Đầu bảo vệ an toàn chất liệu (PA,PC,PSF) với cơ chế an toàn thụ động bằng 2 lớp. Lớp trong dạng 2 cánh tay bắt chéo đan vào nhau che đầu kim. Lớp ngoài bằng hộp nhựa vuông trong suốt không thể tháo rời bọc toàn bộ lớp bên trong tránh máu từ đầu kim dây ra ngoài,. Có 3 vạch cân quang ở trong lòng catheter. Đầu kim có 3 mặt vát, không chứa DEHP, PVC, sản phẩm đạt tiêu chuẩn Châu Âu (CE). Xuất xứ sản phẩm G7 (Ý). Có khả năng lưu kim được đến 96h. Tương thích với tiêm truyền áp lực cao tối đa lên đến 325psi. Được tiệt trùng bằng công nghệ EO. Thân catheter không chứa kim loại, sử dụng được trong phòng MRI. Không sử dụng keo gắn kết thân catheter vào đốc nhựa. Đạt tiêu chuẩn UNI EN ISO 14001:2015 (ISO 14001:2015). Có bầu tắm lọc xốp ở chuôi kim cho phép khí đi qua và không cho chất lỏng đi qua. Bầu tắm lọc có thể tháo rời để lấy mẫu máu khi cần. Các cỡ với các màu khác nhau: 24G x 3/4" (O.D: 0.74 x 19 mm, 29ml/min): màu vàng; 22G x 1" (O.D: 0.9 x 25 mm, 42ml/min): màu xanh nhạt; 20G x 1- ¼" (O.D: 1,0 x 32 mm, 59ml/min): màu hồng; 18G x 1-¾" (O.D: 1,3 x 45 mm, 96ml/min): màu xanh lá cây; 16G x 1-¾" (O.D: 1.75 x 45 mm, 225ml/min): màu xám; 14G x 1-¾" (O.D: 2.0 x 45 mm, 290ml/min): Màu cam	Cái	28.251	8.475
13	Kim tiêm	Kim các số 18Gx1 1/2", 20Gx1 1/2", 23Gx1", Vĩ đưng kim có chỉ thị màu phân biệt các cỡ kim. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Xuất xứ: G7	Cái	459.000	137.700
14	Kim chạy thận	Kim cỡ 16G. Bao gồm loại cánh xoay. Thiết kế backeye. Chiều dài kim 25mm. Thành kim mỏng cho phép lưu lượng máu tối đa Không chứa DEHP.	Cái	120.000	36.000
15	Kim luồn tĩnh mạch các số	Chất liệu FEP –Teflon chống vặn xoắn có bề mặt trong và ngoài cực nhẵn giúp giảm thiểu đau và cho dòng chảy ổn định. Đầu catheter trơn đôi giúp dễ dàng đi qua da và thành mạch. Giảm thiểu đau khi đặt kim. Kim được cắt vát 3 lần cực sắc với công nghệ của Nhật với 2 mặt vát giúp thâm nhập êm nhẹ. Kim có cánh và có cửa bơm thuốc, thời gian lưu kim đến 72h. Các cỡ với các màu khác nhau: 24G (O.D: 0.70 x 19 mm, 20ml/min): màu vàng; 22G (O.D: 0.9 x 25 mm, 31ml/min): màu xanh nước biển; 20G (O.D: 1,10 x 32 mm, 55ml/min): màu hồng; 18G (O.D: 1,3 x 45 mm, 90ml/min): màu xanh lá cây; 16G (O.D: 1,72 x 45 mm, 180ml/min): màu xám; 14G x 1-¾" (O.D: 2.0 x 45 mm, 270ml/min): Màu cam.	Cái	108.535	32.561

16	Kim luân tĩnh mạch an toàn không có cổng tiêm thuốc	Kim luân mạch máu có cánh, không cổng tiêm loại an toàn * Chất liệu: - Kim thép không gỉ SUS 304, đầu kim sắc nét, lưỡi vát kép, giúp chọc tĩnh mạch dễ và giảm tổn thương mô. - Đốc kim chất liệu Acrylonitrile Butadiene Styrene (ABS) - Đầu kim có cơ chế an toàn tự động kích hoạt với chất liệu thép không gỉ SUS301, giúp phòng tránh kim đâm và giảm thiểu nguy cơ lây nhiễm - Catheter làm bằng FEP với 3 đường cân quang chất liệu Barium sulfate. Lưu Catheter không quá 72 giờ. - Cánh bướm chất liệu Polypropylene (PP) * Thông số kỹ thuật: - Cỡ kim - Chiều dài Catheter (Lực chịu đứt giữa Catheter và Đốc Catheter) - Đường kính ngoài Catheter (OD) - Độ dày thành Catheter - Lưu lượng dòng chảy + 18G - 32mm ($\geq 10N$) - 1,3mm - 0,15mm - 90ml/phút + 20G - 32mm ($\geq 5N$) - 1,1mm - 0,15mm - 56ml/ phút + 22G - 25mm ($\geq 5N$) - 0,9mm - 0,125mm - 35ml/ phút + 24G - 19mm ($\geq 3N$) - 0,7mm - 0,085mm - 20ml/ phút - Đầu ống thông nhẵn mịn, thuôn đều ôm sát thân kim - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí E.O - Không DEHP - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE - Hạn sử dụng 5 năm	Cái	20.413	6.124
17	Kim luân tĩnh mạch	Kim luân mạch máu có dây nối dài loại chữ Y * Chất liệu: - Kim thép không gỉ SUS 304, đầu kim sắc nét, lưỡi vát kép, giúp chọc tĩnh mạch dễ và giảm tổn thương mô - Đốc kim chất liệu Acrylonitrile Butadiene Styrene (ABS) - Catheter làm bằng FEP với 3 đường cân quang chất liệu Barium sulfate. Lưu Catheter không quá 72 giờ. - Ống nối dây truyền dịch chất liệu PVC dài 110mm, đường kính trong/ ngoài (ID/OD): 1,2mm/2,1mm, lưu lượng dòng chảy 140ml/ phút, áp suất tối đa 200 psi, có kẹp ngắt dòng, cổng ba ngã * Thông số kỹ thuật: - Cỡ kim - Chiều dài Catheter (Lực chịu đứt giữa Catheter và Đốc Catheter) - Đường kính ngoài Catheter (OD) - Độ dày thành Catheter - Lưu lượng dòng chảy + 18G - 32mm ($\geq 10N$) - 1,3mm - 0,15mm - 65ml/phút + 20G - 32mm ($\geq 5N$) - 1,1mm - 0,15mm - 48ml/ phút + 22G - 25mm ($\geq 5N$) - 0,9mm - 0,125mm - 31ml/ phút + 24G - 19mm ($\geq 3N$) - 0,7mm - 0,085mm - 20ml/ phút + 26G - 16mm ($\geq 3N$) - 0,6mm - 0,075mm - 13ml/ phút - Đầu ống thông nhẵn mịn, thuôn đều với góc vát đầu ống thông là 8° với độ bám giữa ống thông và kim thép là 0,01N - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí E.O - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE - Hạn sử dụng 5 năm	Cái	2.020	606

18	Kim cánh bướm	Bộ kim 2 cánh bướm, các cỡ 22Gx3/4", 23Gx3/4", 25Gx3/4". Dây dẫn bằng chất liệu nhựa nguyên sinh PVC, dài ≥ 30cm, đường kính trong 1.5mm, đường kính ngoài 2.5mm, không DEHP. Kim bằng vật liệu thép không gỉ, đầu kim sắc nhọn, vát 3 cạnh, không có gờ, có nắp chụp. Có đầu kết nối Luer lock. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Xuất xứ: G7	Cái	25.476	7.643
19	Kim châm cứu	Kim châm cứu vô trùng với thân kim làm từ thép y tế không gỉ 304 và cán kim được cuốn từ sợi thép Kích thước: Đường kính 0.10 ~ 0.40 mm; Chiều dài 7 ~ 75 mm Đạt chứng nhận CE và ISO 13485 Kim châm cứu Đông Á dạng túi Kim đốc thép Quy cách đóng gói: 10 kim/túi. 10 túi/hộp Độ sắc của đầu kim: Đầu kim không có bất kỳ đoạn móc hoặc uốn cong nào sau khi tác động một mức áp lực dưới đây và lực châm của đầu kim không vượt quá các giá trị trong bảng. Đường kính thân kim (d) mm Áp lực N Lực châm N 0,16 < d ≤ 0,25 0,4 0,7 0,25 < d ≤ 0,35 0,5 0,8 0,35 < d ≤ 0,45 0,6 0,9 Độ hoàn thiện của đầu kim: Đầu kim đã được mài sắc, đánh bóng sắc nét, không có vết nhám, rìa, gai hoặc móc. (Chất lượng bề mặt và thông số độ nhám bề mặt Ra: ≤60,63μm) Độ cứng của thân kim: 0,16 ≤ d < 0,25: 480 ~ 650 HV(theo thang đo Vickers) 0,25 ≤ d < 0,45: 460 ~ 650 HV(theo thang đo Vickers) Khả năng chống gãy của thân kim: Khi thân kim được cuộn chặt quanh một trục gá có đường kính lớn gấp 3 lần thân kim, thân kim không bị nứt, gãy hay tách lớp. Khả năng chống ăn mòn của thân kim: Thân kim có khả năng chống ăn mòn tốt. Nếu các điều kiện bảo quản được đáp ứng, sẽ không xảy ra sự ăn mòn của thân kim trước ngày hết hạn. Đảm bảo vô trùng: Kim châm cứu Đông Á được khử trùng qua quy trình khử trùng hợp lệ để đảm bảo độ vô trùng của sản phẩm. Mức đảm bảo vô trùng: SAL10-6.	Cái	110.000	33.000

20	Kim chọc dò tủy sống các cỡ 18-27G	Kim rất sắc: do mũi kim được cắt vát hình dạng kim cương cho phép thâm nhập dễ dàng. Đốc kim vuông trong suốt có phản quang dễ dàng quan sát thấy dịch chảy ra, có đánh dấu mặt vát hướng lên hướng xuống. Có khoảng trống giữa que thông nòng và thành kim. Size / Ext. Dia. x Length mm: 18G 1,27 x 89, 20G 0,9 x 89, 22G 0,7 x 89, 25G 0,5 x 89, 27G 0,4 x 89. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Cái	8.440	2.532
21	Kim chọc dò gây tê tủy sống 29G	MŨI K-3 - Nhấn phẳng nhưng độ cản vừa phải giúp có thể xác định dễ dàng các vị trí mạch thông qua vị trí đặt kim - Kim chọc dò và gây tê tủy sống mũi K-3 của Dr. Japan được làm bằng thép không gỉ có thành mỏng để có độ sáng tối đa - Khoảng cách tối ưu, khít giữa mép của kim dò với ống thông cho phép hai bộ phận này tiếp xúc gần với nhau để kim dò di chuyển trơn tru nhẹ nhàng trong ống thông. MŨI CHÌ Thiết kế mũi kim kiểu côn giúp giảm các thương tổn sợi màng cứng và giảm các triệu chứng đau đầu sau phẫu thuật. Size 29G màu đỏ, chiều dài 70-90mm	Cái	500	150
22	Dây máu cho thận nhân tạo	- Dây máu chạy thận gồm 2 phần chính: Động mạch và Tĩnh mạch, có kèm 2 bộ bảo vệ cảm biến. - Thể tích làm đầy ≥ 156 ml. Làm bằng nhựa y tế mềm PVC, đầu kết nối và các thành phần khác: PVC, PE, PP, PC, ABS và các nguyên liệu y khoa. - Dây tĩnh mạch với bầu tĩnh mạch dài khoảng 130mm. Dây động mạch với bơm máu (đường kính trong 8mm x đường kính ngoài 12mm x chiều dài 350mm), bầu động mạch dài khoảng 130mm. - Tiệt trùng bằng ETO. - Đạt tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485; EC	Bộ	25.000	7.500
23	Dây máu thận nhân tạo	- Dây máu làm từ nhựa y tế mềm PVC, đầu kết nối và các thành phần khác làm từ PVC, PE, PP. - Dây máu ko chứa Latex. - Tiệt trùng bằng EO (Ethylene oxide) và tia Gamma - Tích hợp với các máy chạy thận của các hãng - Dây động mạch: Buồng đếm giọt: (OD: 20mm, L: 122mm); Khóa luer female Ø4.1; 2.5; đầu nối bơm Ø4.1. Ống dây chính: 4.5*6.8*800mm, 4.5*6.8*700mm, ống dây nhánh: 2.2*4.1*700mm, 2.2*4.1*100mm, 2.2*4.1*50mm. - Ống dây bơm Heparin: 1.0*2.5*600mm, phần dây bơm: 8*12*400mm, ống dây chính: 4.5*6.8*100mm - Dây tĩnh mạch: Buồng đếm giọt: (OD: 20mm, L: 122mm); Khóa luer female Ø4.1. Ống dây chính: 4.5*6.8*900mm, 4.5*6.8*1250mm, ống dây nhánh: 2.2*4.1*700mm, 2.2*4.1*100mm. - Lưu lượng dẫn máu: $161 \pm 10\%$ ml	Bộ	30.000	9.000
24	Dây truyền dịch	Dây truyền dịch dài 1500 mm (± 10 mm), ID: 2.75mm (± 0.05 mm), OD: 3.80mm (± 0.05 mm) cực trơn với đầu kết nối Luer lock ABS trong suốt, chắc chắn an toàn, Thiết kế bầu đếm giọt và đầu cắm vào chai dịch chuyên là loại được đúc nguyên khối và vô khuẩn tốt,	Cái	40.730	12.219

		bầu đếm giọt trong suốt có gắn liền cổng thông khí với màng lọc khuẩn hydrophobic không cho dịch đi qua. Cổng chữ Y để tiêm thuốc bằng chất liệu Isoprene không chứa latex, dài 300mm tránh đầu kim tiêm chọc ra ngoài. Đầu lọc chất liệu BOF (ABS+MB+ nylon), đầu cuối dây có đầu kết nối luerlock bằng chất liệu ABS trong suốt và nút chặn dịch chất liệu (PP+MB) ở cuối đường truyền. tương thích sử dụng với các máy truyền dịch đang sử dụng tại bệnh viện			
25	Bộ dây truyền dịch kim hai cánh bướm	Van khóa điều chỉnh, kim chai sản xuất từ hạt nhựa ABS nguyên sinh. Van thoát khí có thiết kế màng lọc khí vô khuẩn. Buồng nhỏ giọt thể tích $\geq 14\text{ml}$, có màng lọc dịch $\leq 15\mu\text{m}$. Dây dẫn cấu tạo từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo, dai, độ đàn hồi cao, không gãy gấp khi bảo quản và sử dụng; Độ dài dây truyền $\geq 1700\text{mm}$. Dây truyền dịch kèm kim hai cánh bướm 22Gx3/4". Đầu nối Luer lock có cơ chế xoay giúp cho việc gắn kết với kim luôn chắc chắn và dễ thao tác khi sử dụng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, TCVN 6591-4: 2008, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485. (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Xuất xứ: Việt Nam	Bộ	296.158	88.847
26	Dây nối bơm tiêm điện	Dây nối bơm tiêm điện dài 75cm, 100 cm - 150 cm - 200cm, dung lượng 0.68ml - 0.90ml - 1.40ml - 1.80ml, khóa kết nối luer lock, đường kính nhỏ (OD 2.70 & ID 0.95) chịu được áp lực cao (140 PSI), chống xoắn. Chất liệu túp PVC & đầu nối <cái> PC, đầu nối < đực> ABS, Có nhãn dán với chỉ thị màu giúp Điều dưỡng dễ dàng theo dõi trong ICU Tiệt trùng EO. Hạn dùng 5 năm. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485:2016	Cái	17.564	5.269
27	Dây nối bơm tiêm điện	- Đóng gói kín từng chiếc, vô trùng, có đánh dấu vị trí mở, dễ mở, có hạn sử dụng ghi trên bao bì. Mềm dẻo, trong suốt, chống xoắn. - Đường kính trong $\leq 0,9\text{ mm}$ - Đường kính ngoài $\leq 1,9\text{mm}$ - Chiều dài dây có đủ các cỡ 30,75,140,150cm - Tốc độ $\geq 0,9\text{ml/phút}$; áp lực $\geq 2\text{ bar}$ - Đầu nối Luer Lock, chịu áp lực cao, chống rò rỉ; có khóa áp lực dương chống trào ngược dịch (có khóa bấm chặn dòng) - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Xuất xứ: Việt Nam	Cái	4.100	1.230

28	Dây nối bơm tiêm thuốc cân quang	Dây nối sử dụng trong bơm tiêm thuốc cân quang, có khóa kết nối luer lock được làm từ chất liệu PVC y tế trong suốt, đường kính trong $\geq 3\text{mm}$, đường kính ngoài $\geq 4.1\text{ mm}$, có khóa bấm chặn dòng trong trường hợp khẩn cấp và ngăn máu trào ngược, không độc tố. Độ dài của dây nối các cỡ 30, 75cm, 140, 150cm. Chịu áp lực $\geq 4\text{ bar}$ Tiệt trùng bằng EO, không gây sốt. - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Xuất xứ: Việt Nam	Cái	500	150
29	Dây cao su trắng	Dây cao su dẫn lưu 115cm , màu trắng	Chiếc	10.000	3.000
30	Dây truyền máu	Dây truyền máu có kim 19G, có bầu đếm giọt 2 ngăn hình trụ, bộ lọc 200 micron, dây dài 150 cm chống xoắn, đầu ghim vào túi máu khít, không rò rỉ, tốc độ 20 giọt / ml. Đường kính : ID 2.75 mm, OD 3.8 mm, chất liệu dây và bầu đếm giọt PVC không gây sốt, không độc. Tiệt trùng EO. Hạn dùng 4 năm. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 13485:2016	Cái	10.863	3.259
31	Khóa 3 chạc có dây nối 10cm	Khóa ba chạc kèm dây nối 10cm: đầu khóa chắc chắn không rò rỉ, van 1 chiều an toàn. Chất liệu PC + PE (Polycarbonate+ Polyethylene) trong suốt, chịu lực tốt, độ bền vững cao, chống nứt gãy. Áp lực bền vững 2 bar # 29 PSI. Dung lượng 0,50ml (10cm), 1,40 ml(25cm) Dây nối chất liệu PCV không gây sốt, không chất cao su, tương thích với các loại thiết bị, chống xoắn dây (đạt chuẩn EN 13868)Tiệt trùng EO. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 9001, 13485	Chiếc	1.010	303
32	Khóa 3 chạc có dây nối 25cm	Khóa ba chạc kèm dây nối 25cm: đầu khóa chắc chắn không rò rỉ, van 1 chiều an toàn. Chất liệu PC + PE (Polycarbonate+ Polyethylene) trong suốt, chịu lực tốt, độ bền vững cao, chống nứt gãy. Áp lực bền vững 2 bar # 29 PSI. Dung lượng 0,50ml (10cm), 1,40 ml(25cm) Dây nối chất liệu PCV không gây sốt, không chất cao su, tương thích với các loại thiết bị, chống xoắn dây (đạt chuẩn EN 13868)Tiệt trùng EO. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO 9001, 13485	Chiếc	13.271	3.981
33	Khóa 3 chạc không dây nối	Chạc 3 có đầu khóa luer lock Chất liệu thân khóa polycarbonate trong suốt, kháng lipid, núm xoay bằng PE + MB bền bỉ . Chịu được áp lực đến 10kg/cm² .Thể tích tồn đọng tối thiểu < 0.20ml.Tốc độ - Theo tiêu chuẩn ISO 10555	Cái	7.463	2.239

34	Buồng tiêm truyền hóa chất cho người lớn	Buồng tiêm tĩnh mạch cấy dưới da gồm vỏ làm từ chất liệu cao cấp PEEK và buồng chứa bên trong bằng Titanium, có thể chịu được áp lực cao ≥ 325 psi. Kích thước buồng nhỏ: $\leq 29 \times 22$mm, cao 11.3mm, đường kính màng ≥ 10.8mm. Nặng ≤ 5g. Thể tích ≤ 0.3ml. Tốc độ dòng chảy ≥ 34ml/ phút với kim 19G. (Đường kính 8.5F) Tốc độ dòng chảy ≥ 26ml/ phút với kim 19G. (Đường kính 6.5F) Đánh dấu CT để dễ dàng nhận biết mức bơm của cổng thông qua tia X-quang. Đạt tiêu chuẩn CE Xuất xứ từ các nước G7	Cái	250	75
35	Kim buồng tiêm truyền	Kim gấp góc có để cố định không màu nổi với dây truyền dịch có kẹp dây, không chứa thành phần latex, PVC và DEHP. Thiết kế không tạo lỗ (non-coring). Chiều dài dây dẫn từ kim đến đầu nối: ≥ 250mm Đường kính: 20G, 22G; chiều dài có nhiều cỡ trong đó có cỡ ≤ 15mm và ≥ 25mm	Cái	50	15
36	Bơm đàn hồi truyền liên tục loại 100ml	- Bơm đàn hồi tự động truyền thuốc hóa trị hay thuốc gây tê, thuốc giảm đau liên tục. Lớp vỏ bình làm bằng Polyethylene terephthalate. Bóng chứa thuốc chất liệu Silicone rubber - Thể tích 100ml, tốc độ 2.0 - 2.5ml/h - Ống truyền thiết kế hình cánh tuyết đảm bảo kiểm soát lưu lượng một cách chính xác Chứng nhận ISO 13485 Xuất xứ từ các nước G7 hoặc Việt Nam.	Bộ	50	15
37	Bơm đàn hồi truyền liên tục loại 150ml	- Bơm đàn hồi tự động truyền thuốc hóa trị hay thuốc gây tê, thuốc giảm đau liên tục. Lớp vỏ bình làm bằng Polyethylene terephthalate. Bóng chứa thuốc chất liệu Silicone rubber - Thể tích 150ml, tốc độ 3.7ml/h - Ống truyền thiết kế hình cánh tuyết đảm bảo kiểm soát lưu lượng một cách chính xác Chứng nhận ISO 13485 Xuất xứ từ các nước G7 hoặc Việt Nam.	Bộ	50	15
38	Bơm đàn hồi truyền liên tục loại 300ml	- Bơm đàn hồi tự động truyền thuốc hóa trị hay thuốc gây tê, thuốc giảm đau liên tục. Lớp vỏ bình làm bằng Polyethylene terephthalate. Bóng chứa thuốc chất liệu Silicone rubber - Thể tích 300ml, tốc độ 4.0ml/h - Ống truyền thiết kế hình cánh tuyết đảm bảo kiểm soát lưu lượng một cách chính xác Chứng nhận ISO 13485 Xuất xứ từ các nước G7 hoặc Việt Nam.	Bộ	50	15
39	Găng tay gia dụng	Màu: Xanh Dương Cỡ loại: S (7 – 71/2) , M (8 – 81/2), L (9 – 91/2) Chiều dài: 320 mm $\pm$ 5 (13 inch) Độ dày: 0.38 mm $\pm$ 0.02 (15 mil) Trọng lượng / đôi: 58 gr $\pm$ 3 (trọng lượng trung bình – Cỡ loại M)	Đôi	30	9

40	Găng sản khoa (Găng khám sản)	Là găng chưa tiết trùng. Sản xuất từ cao su thiên nhiên. Màu trắng tự nhiên của cao su, có phủ bột ngô chống dính . KT: Bề dày: min 0,15mm. Chiều dài:490±10mm. Chiều rộng lòng bàn tay: Size 7: 89 ± 5mm, Size 7 1/2: 95 ± 5mm. Lực kéo đứt: Trước lão hóa: Min 12,5N. Sau lão hóa: Min 9,5N. Độ giãn dài khi đứt: Trước lão hóa: Min 700%; Sau lão hóa: Min 550% Lỗ thủng AQL1.5. Găng đạt tiêu chuẩn TCVN 6343-1 Hệ thống quản lý chất lượng ISO 13485.	Đôi	1.350	405
41	Găng tay khám	Kích cỡ: Chiều dài tổng thể tối thiểu tất cả các số 240mm; Chiều rộng: cỡ XS (76mm ± 3); S (84mm ± 3); M (94mm ± 3); L (105mm ± 3); XL (113mm ± 3) Độ dày đầu ngón tay (0.10mm ± 0.02), độ dày lòng bàn tay (0.10mm ± 0.02); độ giãn dài tối thiểu trước lão hóa (650%) và độ giãn dài tối thiểu sau lão hóa (500%); Độ dai tối thiểu trước khi dùng 18MPa và độ dai tối thiểu sau khi dùng 14MPa. Hàm lượng bột tối đa 10mg/dm² Tiêu chuẩn chất lượng AQL: 1.5 ; ISO	Đôi	561.585	168.476
42	Găng tay Phẫu Thuật	Găng tay phẫu thuật chưa tiết trùng a. Kích thước vật lý: Chiều dài trung bình 280mm, Chiều rộng lòng bàn tay: Size 61/2: 83±5mm, Size 7: 89±5mm, Size 71/2: 95±5mm. Chiều dày tối thiểu 1 lớp cho các cỡ:0,15mm - 0,20mm b. Cường lực và độ giãn dài kéo đứt: Cường lực kéo đứt tối thiểu:Trước già hóa: 15N, Sau già hóa: 11N. Lực kéo tối đa tại độ giãn dài 300% trước khi già hóa nhanh: Max2,0N. Độ giãn đứt tối thiểu:Trước già hóa: 750%, Sau già hóa: min 650% c. Độ kín nước (lỗ thủng): Mức kiểm tra G-I, AQL 1,0 d. Trọng lượng trung bình: g/đôi và dung sai ±0,2g. Cỡ 61/2:16,5g; 7,0:18,5g; 71/2: 20,5g; 8,0:23g e. Lượng bột bôi trơn (nằm ở mặt trong chiếc găng): 100mg±20mg f. Tiêu chuẩn nâng cao: Có thể đáp ứng các yêu cầu tăng/giảm độ dày của găng vì bản chất đặc thù trong phương pháp chữa bệnh của một số bệnh viện. Mức độ nhiễm tĩnh điện dưới 100V. TCVN 6344 (ISO 10282:2014). ISO 9001:2015; ISO 13485:2016	Đôi	141.345	42.404

43	Găng tay phẫu thuật	Găng tay phẫu thuật tiệt trùng: a. Kích thước vật lý: Chiều dài trung bình 280mm, Chiều rộng lòng bàn tay: Size 61/2: 83±5mm, Size 7: 89±5mm, Size 71/2: 95±5mm. Chiều dày tối thiểu 1 lớp cho các cỡ: 0,15mm - 0,20mm b. Cường lực và độ giãn dài kéo đứt: Cường lực kéo đứt tối thiểu: Trước già hóa: 15N, Sau già hóa: 11N. Lực kéo tối đa tại độ giãn dài 300% trước khi già hóa nhanh: Max2,0N. Độ giãn đứt tối thiểu: Trước già hóa: 750%, Sau già hóa: min 650% c. Độ kín nước (lỗ thủng): Mức kiểm tra G-I, AQL 1,0 d. Trọng lượng trung bình: g/đôi và dung sai ±0,2g. Cỡ 61/2: 16,5g; 7,0: 18,5g; 71/2: 20,5g. e. Lượng bột bôi trơn (nằm ở mặt trong chiếc găng): 100mg±20mg f. Tiêu chuẩn nâng cao: Có thể đáp ứng các yêu cầu tăng/giảm độ dày của găng vì bản chất đặc thù trong phương pháp chữa bệnh của một số bệnh viện. Mức độ nhiễm tĩnh điện dưới 100V. Tiệt trùng bằng khí EO. TCVN 6344 (ISO 10282:2014). ISO 9001:2015; ISO 13485:2016.	Đôi	111.536	33.461
44	Găng tay phẫu thuật	Kích cỡ: Chiều dài tổng thể tối thiểu tất cả các số 280mm; Chiều rộng: số 5.5 (72mm ± 4); số 6 (77 mm ± 5); số 6.5 (83mm ± 5); số 7 (89mm ± 5); số 7.5 (95mm ± 5); số 8 (102mm ± 6); số 8.5 (108mm ± 6); số 9 (114mm ± 6) độ dày đầu ngón tay (0.15mm ± 0.02), độ dày lòng bàn tay (0.13mm ± 0.02); độ dày cổ tay (0.12mm± 0.02); độ giãn dài tối thiểu trước lão hóa (750%) và độ giãn dài tối thiểu sau lão hóa (560%); Độ dai tối thiểu trước khi dùng 24MPa và độ dai tối thiểu sau khi dùng 18MPa. Hàm lượng bột tối đa 15mg/dm². Được tiệt trùng	Đôi	4.000	1.200
45	Túi camera vô trùng	1. Ống nylon 18 x 230 cm. Dây buộc 2,2mm x60 cm 2. Túi nylon 9 x 14 cm. Dây buộc 2,2mm x 30cm Màu sắc đồng đều, có độ trong, bề mặt mịn có độ dẻo dai. + Dây cotton màu trắng, có độ bền cao. Yêu cầu an toàn: Không dính bụi bẩn, tạp chất, ko rách, thủng, ko kích ứng da... Được đóng gói trong bao bì giấy có màu chỉ thị tiệt trùng dùng trong y tế. Tiệt trùng bằng khí EO.Gas. Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2015; ISO 13485:2016; chứng nhận CE	Cái	5.000	1.500
46	Túi đựng dịch thải	Túi chứa dịch thải được dùng để thu thập dịch thải trong khi thực hiện CRRT. Được trang bị đầu nối female Luer ở bên trong túi và ống lớn (Ø 8 mm) để làm nơi dẫn lưu. Chất liệu: PVC, không có DEHP, không có Latex. Thể tích: 5L - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485	Cái	20	6
47	Túi thải	Túi chứa dịch thải. Chất liệu: Ống: nhựa dẻo PVC (dùng trong y khoa); Thành phần: nhựa PP, PVC, ABS, PE. Thể tích: 10L. Mô tả: Túi dịch thải và đầu kết nối male luer-lock	Túi	200	60

48	Túi máu ba 250ml	"Bộ túi máu có cấu trúc kiểu đỉnh-đỉnh gồm 3 túi a. Túi 1: Dung tích 250ml, dùng để thu thập máu toàn phần. - Túi chứa 35ml dung dịch chống đông CPD - Chiều dài đường ống thu thập máu đến túi 1: dài 1.100mm, trên đường ống có 12 dây số, có khóa kẹp. - Trên đường ống thu thập máu có: + Kim lấy máu cỡ 16G, có nắp đậy. + Bộ phận bao đầu kim, đảm bảo an toàn sau khi lấy máu. + Bộ phận lấy mẫu chân không bao gồm: túi lấy mẫu, kim lấy mẫu chân không và giá đỡ ống nghiệm cho phép lấy nhiều mẫu bằng ống chân không. + Van khóa dạng bẻ - Chiều dài đường ống từ túi 1 đến chạc chữ Y: dài 300mm, trên đường ống có 4 đoạn mã số b. Túi 2: Dung tích 250ml, túi rỗng bảo quản thành phần máu - Chất liệu PVC-TOTM, có khả năng bảo quản tiểu cầu trong 5 ngày - Chiều dài đường ống từ túi 2 đến chạc chữ Y: dài 300mm, trên đường ống có 4 đoạn mã số c. Túi 3: Dung tích 250ml, chứa 56ml dung dịch bảo quản hồng cầu SAGM - Dung dịch SAGM giúp bảo quản khối hồng cầu lên đến 42 ngày ở $4^{\circ}\text{C} \pm 2^{\circ}\text{C}$ - Chiều dài đường ống từ túi 3 đến chạc chữ Y: dài 300mm, trên đường ống có 4 đoạn mã số - Kích thước đường ống trên bộ túi: đường kính trong 3,0mm; đường kính ngoài 4,5mm - Các dây số được khắc laser trên ống, tránh bị mờ khi vuốt dây - Đóng gói 2 lớp: túi nhựa và túi nhôm; túi máu trong túi nhựa có thể dùng được trong vòng 15 ngày kể cả sau khi bóc túi nhôm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Túi	14.890	4.467
----	------------------	---	-----	--------	-------

49	Túi máu ba 350 ml	Bộ túi máu có cấu trúc kiểu đỉnh-đỉnh gồm 3 túi a. Túi 1: Dung tích 350ml, dùng để thu thập máu toàn phần. - Túi chứa 49ml dung dịch chống đông CPD - Chiều dài đường ống thu thập máu đến túi 1: dài 1.100mm, trên đường ống có 12 dây số, có khóa kẹp. - Trên đường ống thu thập máu có: + Kim lấy máu cỡ 16G, có nắp đậy. + Bộ phận bao đầu kim, đảm bảo an toàn sau khi lấy máu. + Bộ phận lấy mẫu chân không bao gồm: túi lấy mẫu, kim lấy mẫu chân không và giá đỡ ống nghiệm cho phép lấy nhiều mẫu bằng ống chân không. + Van khóa dạng bẻ - Chiều dài đường ống từ túi 1 đến chạc chữ Y: dài 300mm, trên đường ống có 4 đoạn mã số b. Túi 2: Dung tích 350ml, túi rỗng bảo quản thành phần máu - Chất liệu PVC-TOTM, có khả năng bảo quản tiểu cầu trong 5 ngày - Chiều dài đường ống từ túi 2 đến chạc chữ Y: dài 300mm, trên đường ống có 4 đoạn mã số c. Túi 3: Dung tích 350ml, chứa 78ml dung dịch bảo quản hồng cầu SAGM - Dung dịch SAGM giúp bảo quản khối hồng cầu lên đến 42 ngày ở $4^{\circ}\text{C} \pm 2^{\circ}\text{C}$ - Chiều dài đường ống từ túi 3 đến chạc chữ Y: dài 300mm, trên đường ống có 4 đoạn mã số - Kích thước đường ống trên bộ túi: đường kính trong 3,0mm; đường kính ngoài 4,5mm - Các dây số được khắc laser trên ống, tránh bị mờ khi vuốt dây - Đóng gói 2 lớp: túi nhựa và túi nhôm; túi máu trong túi nhựa có thể dùng được trong vòng 15 ngày kể cả sau khi bóc túi nhôm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Túi	29.366	8.810
----	-------------------	---	-----	--------	-------

50	Túi máu bốn 350ml,	Bộ túi máu có cấu trúc kiểu đỉnh-đỉnh gồm 4 túi a. Túi 1: Dung tích 350ml, dùng để thu thập máu toàn phần. - Túi chứa 49ml dung dịch chống đông CPD - Chiều dài đường ống thu thập máu đến túi 1: dài 1.100mm, trên đường ống có 12 dây số, có khóa kẹp. - Trên đường ống thu thập máu có: + Kim lấy máu cỡ 16G, có nắp đậy. + Bộ phận bao đầu kim, đảm bảo an toàn sau khi lấy máu. + Bộ phận lấy mẫu chân không bao gồm: túi lấy mẫu, kim lấy mẫu chân không và giá đỡ ống nghiệm cho phép lấy nhiều mẫu bằng ống chân không. + Van khóa dạng bẻ - Chiều dài đường ống từ túi 1 đến chạc chữ Y: dài 450mm, trên đường ống có 6 đoạn mã số b. Túi 2: Dung tích 100ml, túi rỗng bảo quản buffy coat - Túi có hình giọt nước - Chiều dài đường ống từ túi 2 đến chạc chữ Y: dài 450mm, trên đường ống có 6 đoạn mã số c. Túi 3: Dung tích 350ml, túi rỗng bảo quản thành phần máu - Chiều dài đường ống từ túi 3 đến chạc chữ Y: dài 700mm, trên đường ống có 8 đoạn mã số d. Túi 4: Dung tích 350ml, chứa 78ml dung dịch bảo quản hồng cầu SAGM - Dung dịch SAGM giúp bảo quản khối hồng cầu lên đến 42 ngày ở $4^{\circ}\text{C} \pm 2^{\circ}\text{C}$ - Chất liệu túi PVC – TOTM, cho phép bảo quản tiểu cầu 5 ngày - Chiều dài đường ống từ túi 4 đến chạc chữ Y: dài 300mm, trên đường ống có 4 đoạn mã số - Các dây số được khắc laser trên ống, tránh bị mờ khi vuốt dây - Đóng gói 2 lớp: túi nhựa và túi nhôm; túi máu trong túi nhựa có thể dùng được trong vòng 15 ngày kể cả sau khi bóc túi nhôm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Túi	10.000	3.000
----	--------------------	---	-----	--------	-------

51	Túi máu bốn 250ml,	"Bộ túi máu có cấu trúc kiểu đỉnh-đỉnh gồm 4 túi a. Túi 1: Dung tích 250ml, dùng để thu thập máu toàn phần. - Túi chứa 35ml dung dịch chống đông CPD - Chiều dài đường ống thu thập máu đến túi 1: dài 1.100mm, trên đường ống có 12 dây số, có khóa kẹp. - Trên đường ống thu thập máu có: + Kim lấy máu cỡ 16G, có nắp đậy. + Bộ phận bao đầu kim, đảm bảo an toàn sau khi lấy máu. + Bộ phận lấy mẫu chân không bao gồm: túi lấy mẫu, kim lấy mẫu chân không và giá đỡ ống nghiệm cho phép lấy nhiều mẫu bằng ống chân không. + Van khóa dạng bẻ - Chiều dài đường ống từ túi 1 đến chạc chữ Y: dài 250mm, trên đường ống có 3 đoạn mã số b. Túi 2: Dung tích 250ml, túi rỗng bảo quản thành phần máu - Chất liệu túi: PVC-TOTM, cho phép bảo quản tiểu cầu trong 5 ngày - Chiều dài đường ống từ túi 2 đến chạc chữ Y: dài 300mm, trên đường ống có 4 đoạn mã số c. Túi 3: Dung tích 250ml, túi rỗng bảo quản thành phần máu - Chiều dài đường ống từ túi 3 đến chạc chữ Y: dài 300mm, trên đường ống có 4 đoạn mã số d. Túi 4: Dung tích 250ml, chứa 56ml dung dịch bảo quản hồng cầu SAGM - Dung dịch SAGM giúp bảo quản khối hồng cầu lên đến 42 ngày ở $4^{\circ}\text{C} \pm 2^{\circ}\text{C}$ - Chiều dài đường ống từ túi 4 đến chạc chữ Y: dài 300mm, trên đường ống có 4 đoạn mã số - Kích thước đường ống trên bộ túi: đường kính trong 3,0mm; đường kính ngoài 4,5mm - Các dây số được khắc laser trên ống, tránh bị mờ khi vuốt dây - Đóng gói 2 lớp: túi nhựa và túi nhôm; túi máu trong túi nhựa có thể dùng được trong vòng 15 ngày kể cả sau khi bóc túi nhôm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE	Túi	5.000	1.500
----	--------------------	--	-----	-------	-------

52	Túi máu đơn 350ml	"Bộ túi máu cấu trúc gồm 1 túi - Dung tích 250ml, dùng để thu thập máu toàn phần - Túi chứa 35 ml dung dịch chống đông CPDA-1 giúp bảo quản máu toàn phần lên đến 35 ngày ở 4°C ± 2°C - Chất liệu túi: PVC-DEHP - Chiều dài đường ống thu thập máu: dài 950mm, trên đường ống dây có 13 đoạn mã số - Trên đường ống thu thập máu có: + Kim lấy máu cỡ 16G, có nắp đậy + Bộ phận bao đầu kim + Khóa kẹp - Kích thước đường ống trên bộ túi: đường kính trong 3,0mm; đường kính ngoài 4,5mm - Các dây số được khắc laser trên ống, tránh bị mờ khi vuốt dây - Đóng gói 2 lớp: túi nhựa và túi nhôm; túi máu trong túi nhựa có thể dùng được trong vòng 15 ngày kể cả sau khi bóc túi nhôm - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE"	Túi	500	150
53	Túi đựng nước tiểu 2000ml	- Sản xuất từ nhựa y tế PVC, không độc hại. - Kích cỡ 2000ml, độ dày 1.2mm, phân vạch rõ ràng. Có vạch dung tích mỗi 100ml. Đảm bảo kín không rò rỉ. Có bảng chia vạch nghiêng cho phép theo dõi lượng nước tiểu cực ít (25ml) trong những trường hợp bệnh nhân thiểu niệu. - Van xả thoát đáy chữ T, chống trào ngược, ống đầu vào 90cm. Có quai treo bằng nhựa PVC. - Thân túi có bảng ghi thông tin cơ bản về bệnh nhân: Họ tên, số giường, số phòng. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O) - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp) - Đạt tiêu chuẩn FDA do cơ quan Quản lý Thực phẩm và Thuốc Hoa Kỳ (FDA) công bố	Cái	44.256	13.277
54	Túi nước tiểu	Túi nước tiểu van xả thường, chất liệu nhựa y tế, đã tiệt trùng, không gây dị ứng. Sử dụng một lần vô trùng.	Cái	1.000	300
55	Túi hậu môn	Túi hậu môn nhân tạo 1 mảnh, túi xả, màu da, túi mềm mại. Phần đế làm từ hydrocolloid bảo vệ da, đế hình lục giác, đế có kích thước đường kính vòng cắt 10-70mm. Thể tích chứa 670ml, chiều dài túi 294mm. Chiều rộng miệng xả 7cm. Mỗi túi có kèm kẹp mềm. Tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng EN ISO 13485:2016	Cái	300	90
56	Ống nghiệm nhựa có nắp có nhãn	Ống nghiệm nhựa kích thước 12x75mm, sản xuất từ nhựa PP nguyên sinh không độc, được phép sử dụng trong y tế. Nắp màu đỏ, không chứa hoá chất. Ống nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ 6000 vòng/phút (có PKN của đơn vị thứ 3) Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	Chiếc	29.366	8.810
57	Ống nghiệm nhựa có nắp không nhãn	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PS, kích thước 12 -13x75mm, nắp trắng, mới 100%	Chiếc	4.100	1.230

58	Ống nghiệm nhựa Heparin	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu đen. Hóa chất bên trong là chất kháng đông Heparine Lithium. Dùng để tách huyết tương làm xét nghiệm điện giải đồ (Na⁺, K⁺, Cl⁻...trừ Li⁺), khí máu. Ngoài ra còn sử dụng cho các xét nghiệm sinh hóa đặc biệt là NH₃ và định lượng Alcool trong máu. Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Ống nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ 6000 vòng/phút (có PKN của đơn vị thứ 3) Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	Chiếc	205.342	61.603
59	Ống nghiệm	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, kích thước ống 12x75mm, Nắp bằng nhựa LDPE màu xanh lá. Hóa chất bên trong là Sodium Citrate nồng độ 3.2%. Hóa chất bên trong dùng kháng đông cho 2ml máu với vạch lấy mẫu 2ml riêng biệt trên nhãn ống. Ống nghiệm không bị nứt vỡ, rò rỉ khi ly tâm với tốc độ 6000 vòng/phút (có PKN của đơn vị thứ 3) Đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, CE	Chiếc	48.328	14.498
60	Ống nghiệm xét nghiệm máu lắng	- Nắp cao su và thân bằng thủy tinh kích thước: 8 x 120mm - Thể tích lấy máu: 1.28ml - Hóa chất bên trong: Sodium Citrate 3.2% - Có vạch thể tích trên thân ống cho dung tích lấy máu chính xác - Đóng gói: 100 ống/ khay - Sử dụng kim lấy máu chân không và ống giữ kim lấy máu để đưa vào ống	Ống	256	77
61	Ống nghiệm nút cao su có chất chống đông EDTA	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Nắp cao su bọc nhựa LDPE đầy kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống, Hóa chất bên trong là EDTA K₂ được phun dưới dạng hạt sương, Kích thước ống 12x75mm, Nồng độ muối EDTA phải ở trong khoảng từ 1,2 mg đến 2mg EDTA khan trên 1ml máu, và chịu được lực quay ly tâm gia tốc 6.000 vòng/phút trong thời gian từ 5 - 10 phút (Có phiếu phân tích chất lượng của cơ quan chức năng). Nhãn màu xanh dương	Chiếc	143.061	42.918
62	Ống nghiệm nhựa có hạt serum	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Nắp nhựa LDPE đầy kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống, dùng các hạt bi nhựa để tách nhanh huyết thanh. Kích thước ống 12x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút, nhãn màu đỏ. Có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định.	Chiếc	10	3
63	Đĩa Pettri (hộp đựng bệnh phẩm)	Chất liệu nhựa PS tinh khiết 100%, trong suốt, đường kính 90mm, không chia ngăn. Dùng trong nuôi cấy tế bào. Tiệt trùng bằng Gamma.	Cái	10	3

64	Lọ nhựa đựng mẫu có nắp, có nhãn	Lọ mẫu nước phân nhựa PP tinh khiết 100%, dung tích 60ml, Nắp màu vàng. Sử dụng nhựa trung tính không phản ứng với các loại hóa chất bên trong, Tiệt trùng bằng khí EO. Có thìa bên trong	Cái	6.320	1.896
65	Ống nghiệm thủy tinh	Chất liệu: Thủy tinh trung tính kích thước: 16mm x 160mm	Ống	7.350	2.205
66	Ống nghiệm lưu mẫu huyết thanh	Chất liệu nhựa PP nguyên sinh, dung tích mẫu 1.5ml. Được sử dụng cùng với máy ly tâm trong các thí nghiệm vi sinh trong sinh học phân tử. Chịu được lực ly tâm 13.000 RPM, nhiệt độ (-196) - 120 độ C (đun sôi được).	Ống	13.650	4.095
67	Ống đựng máu chân không EDTA-K2	Chất liệu: Được làm bằng nhựa y tế PET mới 100%,Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông EDTA K2 dưới dạng hạt sương, Kích thước ống 13x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút, nhãn màu tím, có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định .	Ống	20.000	6.000
68	Ống đựng máu chân không Lithium Heparin 3ml	Chất liệu: Được làm bằng nhựa y tế PET mới 100%,Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông Heparin lithium dưới dạng hạt sương, Kích thước ống 13x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút, nhãn màu xanh lá, có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định	Ống	15.000	4.500
69	Ống đựng máu chân không No Additive	Chất liệu: Được làm bằng nhựa y tế PET mới 100%,Hóa chất: không có hóa chất, Kích thước ống 13x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút.	Ống	15.000	4.500
70	Ống nghiệm chân không Citrate 3,2%	Chất liệu: Được làm bằng nhựa y tế PET mới 100%,Hóa chất: Được bơm hóa chất chống đông Natri citrate 3.2%, Kích thước ống 13x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút, nhãn màu xanh dương. Có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định	Ống	20.000	6.000
71	Ống nghiệm lấy mẫu nắp đỏ có hạt	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PP, nắp bằng nhựa LDPE mới 100%, Nắp nhựa LDPE đậy kín thành ống và được giữ chặt bởi khe tròn giữa 3 vòng răng ở thành trong của nắp và lõi lọt lòng trong của ống, dùng các hạt bi nhựa để tách nhanh huyết thanh. Kích thước ống 12x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút, nhãn màu đỏ. Có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định.	Ống	30.000	9.000
72	Ống đựng máu chân không Clot Activator 3ml	Chất liệu: Được làm bằng nhựa y tế PET mới 100%,Hóa chất: được bơm hóa chất làm đông máu nhanh Clot activator và được sấy khô . Kích thước ống 13x75mm, có vạch định mức lấy mẫu, chịu được lực quay ly tâm 6000 vòng/phút trong vòng 5 - 10 phút, nhãn màu đỏ. Có phiếu kiểm định chất lượng của cơ quan kiểm định	Ống	3.000	900

73	Ống đựng nước tiểu	Chất liệu: Ống được làm bằng nhựa y tế PS, kích thước 16x100mm, nắp trắng, mới 100%	Cái	1.650	495
IV	Phần 4. Ống thông, ống dẫn lưu, ống nối, dây nối, chạc nối, catheter				0
1	Dây hút nhót các số	Các số 5-6-8-10-12-14-16-18. Sản phẩm được kết cấu 02 phần. Khóa van và dây dẫn. Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh không chứa DEHP, nhựa trong, nhẵn bóng tránh gây tổn thương, xây xước niêm mạc, đầu dây hút có 2 mắt phụ để hút. Dây có độ dài ≥ 55 cm. Khóa van chia nhiều màu để phân biệt giữa các số, có 2 loại có nắp và không nắp. Bao bì có miếng giấy thoát khí EO 2,8x2,8 cm để thoát hết dư lượng khí EO trong quá trình tiệt trùng. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn CE do tổ chức/cơ quan được Ủy ban Châu Âu (EC) chấp thuận cấp, tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)	Cái	75.360	22.608
2	Dây hút nhót các số	Các số 5fr (Đường kính trong: 1.67mm), 6fr (Đường kính trong: 2.00mm), 8fr (Đường kính trong: 2.67mm), 10fr (Đường kính trong: 3.33mm), 12fr (Đường kính trong: 4.00mm), 14fr (Đường kính trong: 4.67mm), 16fr (Đường kính trong: 5.33mm) Phân biệt kích cỡ bằng màu sắc Chất liệu nhựa y tế PVC Bề mặt được thiết kế nhám trở lực thấp, chống dính thành ống, đã được kiểm tra với mức áp lực không khí 14.5 psi trong lòng ống . Ống dài 50 cm, có 2 mắt phụ. Đóng gói 25 cái/ hộp.	Cái	2.000	600
3	Sonde cho ăn (dây cho ăn)	Ống thông dạ dày các cỡ gồm 2 loại có nắp (gồm các cỡ 5Fr, 6Fr, 8 Fr, 10Fr) và không có nắp (12Fr,14Fr,16Fr,18Fr). Dây dẫn được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn tiệt trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)	Cái	16.830	5.049
4	Sonde cho ăn (dây cho ăn)	Các số: 12fr (đường kính trong 4.0mm); 14fr (đường kính trong 4.7mm), 16fr (đường kính trong 5.3mm), 18fr đường kính trong 6.0mm), dài 125cm, vạch đánh dấu tại 45, 55, 65, 75 cm, có 4 mắt phụ. Chất liệu PVC cảm nhận nhiệt mềm, dẻo, trơn giảm tổn thương niêm mạc. Đóng gói 25 cái/hộp.	Cái	1.000	300

5	Dây thở oxy 2 nhánh người lớn	- Chất liệu nhựa PVC y tế, bao gồm dây dẫn và gọng mũi - Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu - Cỡ: người lớn - Dây dẫn có chiều dài ≥ 2.3 m, lòng ống có khóa chống gấp. - Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí EO - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, EN ISO 11135:2014 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)	Cái	14.450	4.335
6	Dây thở oxy 2 nhánh trẻ em	- Chất liệu nhựa PVC y tế, bao gồm dây dẫn và gọng mũi - Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu - Cỡ: Trẻ em - Dây dẫn có chiều dài ≥ 2.3 m, lòng ống có khóa chống gấp. - Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí EO - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, EN ISO 11135:2014 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)	Cái	1.040	312
7	Dây thở oxy 2 nhánh trẻ sơ sinh	- Chất liệu nhựa PVC y tế, bao gồm dây dẫn và gọng mũi - Ống dây mềm, chống vặn xoắn. Bề mặt trơn nhẵn. - Đầu thở mềm, có 2 ống thẳng đưa vào mũi màu trắng trong, không có chất tạo màu - Cỡ: Sơ sinh - Dây dẫn có chiều dài ≥ 2.3 m, lòng ống có khóa chống gấp. - Đóng gói 1 cái/ túi và tiệt trùng bằng khí EO - Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn EN ISO 13485, EN ISO 11135:2014 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)	Cái	1.120	336
8	Ống mở khí quản	Các số từ 3.0-9.0, đã tiệt trùng. Được làm bằng nhựa PVC trong, không độc- có bóng thể tích lớn áp lực thấp, cong 90 độ, với đầu nối tiêu chuẩn 15mm có thể xoay được. Đầu valve có khóa - Đường mở tia X chạy dọc chiều dài ống. Đạt TC ISO 13485	Cái	660	198
9	Ống chống cắn lưỡi	Công dụng: duy trì đường thở không bị cản trở trong quá trình gây mê. • Được làm từ Polyethylene không độc hại. • Size có sẵn: - Size 0 - 60mm - đen. - Size 1 - 70mm - trắng. - Size 2 - 80mm - xanh lá . - Size 3 - 90mm - vàng . - Size 4 - 100mm - đỏ .	Cái	5.330	1.599

10	Ống đặt nội khí quản không bóng	- Đúng kích cỡ theo yêu cầu. Không bóng và có cân quang, ống có đầu nối tiêu chuẩn 15mm. - Chất liệu nhựa tốt mềm dẻo, trơn láng, không dễ gãy vỡ, không kích ứng da. Đầu ống nhẵn, mềm mại, không gây chấn thương niêm mạc khi đặt. không dễ vỡ, thân ống có độ cong thích hợp, có vạch chia độ dài 1cm . - Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất. - Các cỡ: 2.0 mm, 2.5 mm, 3.0 mm, 3.5 mm, 4.0mm, 4.5 mm, 5.0 mm, 5.5 mm - Hạn sử dụng 5 năm. - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016	Cái	510	153
11	Ống nội khí quản có bóng	- Đúng kích cỡ theo yêu cầu. Có bóng và có cân quang, ống có đầu nối tiêu chuẩn 15mm. - Chất liệu nhựa tốt mềm dẻo, trơn láng, không dễ gãy vỡ, không kích ứng da. Đầu ống nhẵn, mềm mại, không gây chấn thương niêm mạc khi đặt. Bóng mềm, không dễ vỡ, thân ống có độ cong thích hợp, có vạch chia độ dài 1cm . - Tiệt trùng bằng khí EO. Đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất. - Các cỡ: 2.5 mm, 3.0 mm, 3.5 mm, 4.0 mm, 4.5 mm, 5.0 mm, 5.5 mm, 6.0 mm, 6.5 mm, 7.0 mm, 7.5 mm, 8.0 mm, 8.5mm - Hạn sử dụng 5 năm. - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016	Chiếc	7.475	2.243
12	Ống nội khí quản có bóng	Tiệt trùng bằng ethylene oxide. Có thể sử dụng ống ≤ 29 ngày. Đầu ống nối 15mm, vạch đánh dấu độ sâu dọc theo thân ống, đường cong sinh lý vạch cân quang chạy dọc thân ống. Đầu ống bo tròn với mắt Murphy eye Hai vạch đánh dấu phía trên bóng chèn để hỗ trợ định vị vị trí dây thanh âm. Các ống: 3.0mm (đường kính ngoài 4.4mm, đường kính bóng 7.8mm, chiều dài 160mm); 3.5mm (đường kính ngoài 5.0mm, đường kính bóng 9.6mm, chiều dài 180mm); 4.0mm (đường kính ngoài 5.7mm, đường kính bóng 9.6mm, chiều dài 200mm); 4.5mm (đường kính ngoài 6.3mm, đường kính bóng 13.0mm, chiều dài 220mm); 5.0mm (đường kính ngoài 6.9mm, đường kính bóng 20.9 mm, chiều dài 240mm); 5.5mm(đường kính ngoài 7.5mm, đường kính bóng 21.8 mm, chiều dài 270mm), 6.0mm (đường kính ngoài 8.2mm, đường kính bóng 23.9 mm, chiều dài 280mm); 6,5(đường kính ngoài 8.9mm, đường kính bóng 24.7 mm, chiều dài 290mm), 7.0mm (đường kính ngoài 9.5mm, đường kính bóng 28.2 mm, chiều dài 300mm), 7.5mm (đường kính ngoài 10.2mm, đường kính bóng 28.7mm, chiều dài 310mm), 8.0mm (đường kính ngoài 10.8mm, đường kính bóng 32.3 mm, chiều dài 320mm), 8.5mm (đường kính ngoài 11.4mm, đường kính bóng 32.9 mm, chiều dài 330mm). Có chứng nhận FDA và CE (Châu Âu)	Cái	1.000	300

13	Ống nội khí quản không bóng	Chất liệu nhựa y tế PVC không chứa cao su Latex thiên nhiên hoặc DEHP. Có 2 vạch đánh dấu độ sâu thanh môn từ vị trí đầu xa với ống cỡ 2.0 mm (2 điểm 21mm và 33mm); cỡ 2.5 mm (2 điểm 23mm và 35mm); cỡ 3.0mm (2 điểm 25mm và 37mm). Có 3 vạch đánh dấu độ sâu thanh môn từ vị trí đầu xa với ống cỡ 3.5mm (3 điểm 27mm, 39mm, và 51mm); cỡ 4.0mm(3 điểm 29mm, 41mm, và 53mm); cỡ 4.5mm (3 điểm 31mm, 43mm, và 55mm); cỡ 5.0mm (3 điểm 33mm, 45mm, và 57mm); cỡ 5.5mm (3 điểm 35mm, 47mm, và 59mm); cỡ 6.0mm (3 điểm 37mm, 49mm, và 61mm); cỡ 6.5 (3 điểm 40mm, 52mm, 64mm) Thông số các cỡ ống: 2.0mm (đường kính ngoài 2.9mm, chiều dài 130mm); 2.5mm (đường kính ngoài 3.6mm, chiều dài 140mm); 3.0mm (đường kính ngoài 4.2mm, chiều dài 160mm); 3.5mm (đường kính ngoài 4.9mm, chiều dài 180mm); 4.0mm (đường kính ngoài 5.5mm chiều dài 200mm); 4.5mm (đường kính ngoài 6.2mm, chiều dài 220mm) 5.0mm (đường kính ngoài 6.8mm, chiều dài 240mm); 5.5mm (đường kính ngoài 7.5mm, chiều dài 270mm), 6.0mm (đường kính ngoài 8.2mm, chiều dài 280mm); 6,5mm (đường kính ngoài 8.8mm, chiều dài 290mm). Tiệt trùng bằng ethylene oxide. Có thể sử dụng ống ≤ 29 ngày Có chứng nhận FDA và CE (Châu Âu)	Cái	100	30
14	Ống nội phế quản 2 nòng trái, phải	* Ống nội phế quản 2 nòng - trái, phải các cỡ - Linh kiện: cây dẫn đường (stylet), 4 dây hút đàm có van, bộ co nối: 1 co xoay, 1 co Y, 2 co nối 15mm kèm ống nối. Ống nối vuông góc với thân ống, để tránh xoắn dây máy thở - Chất liệu PVC, nhạy cảm nhiệt, có đường cảm quang đậm chạy dọc thân * Cỡ ống 28, 32, 35, 37, 39, 41(Fr) - đường kính bóng khí quản (mm)/đường kính bóng phế quản (mm): - Ống nội phế quản phải: 23/13; 26/13; 27/21; 28/21; 29/21; 31/21. - Ống nội phế quản trái: 23/12; 26/13; 27/18; 28/18; 29/23; 31/23. * Đạt chứng nhận CFG (lưu hành và xuất khẩu) do FDA cấp	Cái	110	33
15	Ống thông đường mật (sonde chữ T)	Làm bằng cao su tự nhiên, mạ Silicon .Được sử dụng để thông túi mật. Bộ phận kết nối có đường kính lớn hơn các bộ phận khác. Kích cỡ: Fr10-Fr26. kích thước 49.5x37x34cm. Tiêu chuẩn ISO 13485,	Cái	100	30
16	Ống thông hậu môn	Ống thông hậu môn các cỡ 22,24,26,28. Dây dẫn dài 400mm được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, mềm dẻo. Có giấy chứng nhận đạt tiêu chuẩn tiết trùng EN ISO 11135: 2014, EN ISO 13485 (Giấy chứng nhận các tiêu chuẩn trên phải do bên thứ 3 cung cấp)	Cái	5.110	1.533

17	Ống nội khí quản lò xo có bóng	Các cỡ 5.5, 6.0, 6.5, 7.0, 7.5, 8.0, 8.5, Fr, thân ống có vòng xoắn kim loại chạy dọc thân ống, có 2 vạch đánh dấu trên bóng giúp đặt ống đúng vị trí. Bóng thể tích lớn áp lực nhỏ. Bề mặt trong lòng ống được làm trơn nhẵn. ống 5.5(đường kính ngoài 7.5mm, chiều dài 320mm), ống 6.0(đường kính ngoài 8.2mm, chiều dài 320mm); ống 6.5(đường kính ngoài 8.8mm, đường kính ngoài 330mm); ống 7.0(đường kính ngoài 9.6mm, chiều dài 340mm); ống 7.5(đường kính ngoài 10.2mm, chiều dài 350mm); ống 8.0(đường kính ngoài 10.8mm, chiều dài 360mm), ống 8.5(đường kính ngoài 11.5mm, chiều dài 365mm)	Cái	1.050	315
18	Ống thông đường tiêu	Chất liệu cao su tự nhiên phủ silicon. Có các cỡ 12-24Fr. TC ISO 13485	Cái	1.630	489
19	Sonde Foley 2 nhánh người lớn	- 2 nhánh. Dây có chiều dài 40cm (có bóng thể tích 30ml) - Chất liệu cao su, độ cong thích hợp. Bề mặt tráng silicone để làm giảm phản ứng, dị ứng, trơn láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da, không dễ vỡ, đứt gãy. - Tiệt trùng bằng khí E.O, Đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất. Size 12Fr, 14Fr, 16Fr, 18Fr, 20Fr, 22Fr. - Hạn sử dụng 5 năm. - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016	Cái	12.940	3.882
20	Sonde Foley 3 nhánh các số	- 3 nhánh có bóng. Dây có chiều dài 40cm (có bóng thể tích 30ml) - Chất liệu cao su, độ cong thích hợp. Bề mặt tráng silicone để làm giảm phản ứng, dị ứng, trơn láng không gây tổn thương, không gây kích ứng da, không dễ vỡ, đứt gãy. - Tiệt trùng bằng khí E.O, Đóng gói riêng từng đơn vị nhỏ nhất. Size số 16 đến 26. - Hạn sử dụng 5 năm. - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016	Cái	1.825	548
21	Dây dẫn lưu nước tiểu	Được làm từ mủ cao su tự nhiên, bao gồm ống thông, phễu thoát nước, phễu thổi, phễu rửa, bóng và van. . Kích thước từ 12 Fr đến 40 Fr. Chiều dài ống: 400 ± 10 mm. Tốc độ dòng chảy ≥ 100 ml/phút với các số từ 16Fr. Sử dụng một lần, tiệt trùng. Tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	12	4
22	Dây hút dịch phẫu thuật	Chất liệu Silicon, dùng cho máy hút dịch, chiều dài 3,6m. Đường kính trong ống: Ø 6mm. Đường kính ngoài ống: Ø 10mm. Chất liệu: Nhựa PVC chính phẩm. Dây Có 2 đầu nối, dễ thao tác cắm vào máy hút. Ống dây dẻo, không bị rò rỉ, vừa đủ cứng để không bị bẹp khi hút dịch. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Chiếc	300	90
23	Ống hút dịch nhựa cứng	Chất liệu PVC. Đầu hút dạng tròn, chụm, có các lỗ điều chỉnh áp lực. Đạt tiêu chuẩn: ISO 13485	Cái	1.100	330
24	Ống dẫn lưu	Chất liệu nhựa PVC y tế, ống dây mềm dẻo. Đường kính trong 5.0mm; 7.0mm, đường kính ngoài: 7.0mm; 10mm chiều dài 396mm. Có lỗ. Được tiệt trùng bằng EO.	Cái	1.577	473

25	Ống nối dây máy thở	Chất liệu nhựa PVC. Ống có đầu nối cong 90 độ, dây xếp có thể co giãn. Dùng để nối dây máy thở. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	2.090	627
26	Bộ dây máy thở	- Chất liệu: Nhựa PP và PVC y tế. - Chiều dài dây: 1.8m. Chỉ số Lumen lớn, chống tắc nghẽn và độ trong suốt cho phép hình dung rõ ràng về chất lỏng. - Có lỗ thông hơi. Kích cỡ cổng kết nối thiết kế theo tiêu chuẩn quốc tế. - Dùng để dẫn khí thở từ máy thở, máy gây mê tới bệnh nhân, sử dụng cho bệnh nhân thông khí nhân tạo. - Đã tiệt trùng. Đóng gói riêng cho từng sản phẩm. - Hạn sử dụng 5 năm. - Tiêu chuẩn ISO 13485: 2016	Cái	62	19
27	Ống xông niệu quản	Chất liệu làm bằng Polyurethane. Hai đầu chữ J, Một bộ gồm xông JJ, que đẩy, chỉ rút xông và kẹp Clamp. Kích thước: 4,7/5/6/7/8Fr. Chiều dài: 16Cm/24cm /26cm /28cm /30cm	Cái	2.000	600
28	Dây dẫn đường (đầu thẳng)	Dây dẫn đường SFT. Dây dẫn đường làm bằng chất liệu thép không gỉ SS304, tráng PTFE. Một đầu cứng, một đầu linh hoạt. Màu xanh đậm. Có dạng đầu thẳng. Chiều dài: 150cm. Kích thước: 0,032"/0,035"/0,038"	Cái	2.000	600
29	Bộ dẫn lưu não thất ổ bụng áp lực thấp	- Thân van có chất liệu silicone, áp lực từ 3cmH2O đến 7cmH2O. Bao gồm: 01 thân van chiều dài 31.5mm, Chiều cao 7mm 01 catheter não thất 23.5cm với kim dẫn đường bằng thép không gỉ, đường kính trong 1.4mm, đường kính ngoài 2.7mm 01 catheter ổ bụng 102cm 01 Ống thông ổ bụng - Tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Bộ	100	30
30	Bộ dẫn lưu não thất ra ngoài người lớn (kèm theo catheter dẫn lưu não thất)	- Bao gồm catheter não thất dài từ 22cm đến 35cm, đường kính ngoài 3.0mm và đường kính trong 1.6mm và khoang dẫn lưu não thất. Thể tích túi dẫn lưu 700ml. - Bình chứa dung tích 75 ml hoặc 100 ml. - Hai điểm lấy mẫu dịch và 1 vị trí tiêm thuốc. - Hệ thống van: 1 van khóa ba chiều, một van chữ Y dùng để lấy mẫu và tiêm thuốc, 1 van chống trào ngược ngăn dịch não tủy bị trào ngược kết hợp bộ lọc kháng khuẩn, 1 van giám sát ICP. - Lỗ thoát khí chống ầm. - Hệ thống đầu khóa bảo vệ, tránh xoắn tắc dây silicon - Có cột áp lực kết hợp dẫn lưu và đo áp lực nội sọ. - Tiêu chuẩn ISO 13485:2016	Bộ	150	45

31	Bộ gây tê ngoài màng cứng	- Kim đầu cong Tuohy G18 dài 80mm gây tê ngoài màng cứng, đầu cong có vạch đánh dấu độ dài trên thân kim. - Catheter bằng polyamid trong suốt, dài 1000mm, đầu catheter có 3 lỗ thoát thuốc, thân catheter mềm dẻo, chống gập - Bơm tiêm giảm kháng lực LOR (Loss of Resistance) giúp xác định khoang ngoài màng cứng dễ dàng và chắc chắn - Màng lọc với kích thước lỗ lọc 0.2µm, tiêm thuốc an toàn và vô khuẩn, tấm dán cố định bộ lọc - Có đầy đủ bơm tiêm và kim chích thuốc - Tiêu chuẩn châu Âu, ISO 13485:2016	Cái	1.000	300
32	Catheter thận nhân tạo	Kích thước: 12Fr x 20cm - Bao gồm: Catheter, nong, kim luồn, xi lanh, dây dẫn, băng dán, nắp đậy, dao mổ, chỉ liên kim	Bộ	1.400	420
33	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	-Kim dẫn đường Seldinger, kim thẳng (S) -Catheter bằng chất liệu polyurethan với đầu catheter mềm, có vạch đánh dấu chiều dài, đường kính ngoài 6F, chiều dài 20cm, 1 nòng, kích cỡ nòng G14 -Đầu nối catheter có valve 2 chiều, ngăn trào ngược và xâm nhập của các tác nhân bên ngoài -Dây kim loại dẫn đường có vạch đánh dấu chiều dài, đầu J linh hoạt tránh làm tổn thương thành mạch -Có dây điện cực để đo ECG, xác định vị trí đặt catheter - Tiêu chuẩn châu Âu, ISO 13485:2016	Cái	710	213
34	Catheter tĩnh mạch trung tâm 1 đường 14G hoặc 16G có kim Y	* Bộ catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng 14G, 16G bao gồm: - Catheter Polyurethane tương thích sinh học, cân quang dài 20cm - Dây dẫn đường đầu J Nitinol chống xoắn 0.035" x 60cm - Kim Y dẫn đường 18Ga x 7cm - Cây nong, dao mổ, bơm tiêm 5ml, khóa heparin. - Tốc độ dòng 127ml/phút (14G); 56ml/phút (16G) - Vô trùng EO. Không latex * Tiêu chuẩn ISO	Bộ	1.010	303
35	Catheter tĩnh mạch trung tâm	-Kim dẫn đường chữ V sắc bén, có valve ngăn chặn máu trào ngược và tránh tắc mạch do khí -Catheter bằng chất liệu polyurethan với đầu catheter mềm, có vạch đánh dấu chiều dài, đường kính ngoài 7F, chiều dài 20cm, 3 nòng, kích cỡ nòng G16, G18, G18 -Đầu nối catheter có valve 2 chiều, ngăn trào ngược và xâm nhập của các tác nhân bên ngoài -Dây kim loại dẫn đường có vạch đánh dấu chiều dài, đầu J linh hoạt tránh làm tổn thương thành mạch -Có dây điện cực để đo ECG, xác định vị trí đặt catheter - Tiêu chuẩn châu Âu, ISO 13485:2016	Cái	3.300	990

36	Catheter tĩnh mạch rốn	Catheter động tĩnh mạch rốn cho trẻ sơ sinh dùng: - Tĩnh mạch rốn: Nuôi dưỡng, truyền dịch, truyền thuốc. Lấy máu tĩnh mạch, truyền máu và các chế phẩm máu. - Động mạch rốn: Lấy mẫu máu động mạch. Đo áp lực động mạch, đo pH và phân tích khí máu. Truyền dịch và thuốc. Đóng gói: - 01 catheter chất liệu PVC + Dài 37cm, cỡ 4 Fr +Tốc độ dòng truyền dịch >16ml/ phút	Cái	300	90
37	Catheter tĩnh mạch rốn	Catheter động tĩnh mạch rốn cho trẻ sơ sinh dùng: - Tĩnh mạch rốn: Nuôi dưỡng, truyền dịch, truyền thuốc. Lấy máu tĩnh mạch, truyền máu và các chế phẩm máu. - Động mạch rốn: Lấy mẫu máu động mạch. Đo áp lực động mạch, đo pH và phân tích khí máu. Truyền dịch và thuốc. Đóng gói: - 01 catheter chất liệu PVC + Dài 37cm, cỡ 5 Fr +Tốc độ dòng truyền dịch >31ml/ phút	Cái	12	4
V	Phần 5. Kim khâu, chỉ khâu, dao phẫu thuật				
1	Kim lấy máu chân không độc độc	Kim cắt vát sắc nhọn giúp lấy máu không đau, độc độc, khóa ren. Không latex, không gây sốt. Có tem vỡ niêm phong nắp đảm bảo dùng một lần. Cỡ 21G, 22G màu đen. Tiệt trùng bằng EO gas. Dùng trong lấy máu chân không. Tiêu chuẩn chất lượng ISO13485	Cái	20	6
2	Kim khâu	• Được sản xuất bằng thép Cacbon với công nghệ sản xuất hiện đại cho đầu kim nhọn, sắc nhọn. • Công dụng: dùng để khâu vết thương. • Kích thước: Tam giác - tròn: 5*14; 7*17; 8*20; 9*24, 10*34; 11*34; 13*34	Cây	541	162
3	Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu liên kim vô trùng	Dài chỉ 75 cm, kim tròn, cong 1/2. Chỉ số 2/0 vòng kim 32 mm, số 3/0 vòng kim 26mm, số 4/0 vòng kim 20mm, số 5/0 vòng kim 15mm, số 6/0 vòng kim 13mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Sợi	10	3
4	Chỉ khâu phẫu thuật tự tiêu liên kim vô trùng	Dài chỉ 75 cm, kim tròn, cong 1/2. Chỉ số 1 vòng kim 40 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Sợi	10	3
5	Chỉ khâu phẫu thuật tiêu chậm	Chỉ tan chậm tự nhiên chromic catgut số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm. Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde. Chỉ làm từ collagen tinh khiết, sợi chắc, mềm dễ uốn. Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả XtraCoat Kim thép 302 phủ silicon XtraCoat, mũi kim UltraGlyde Chỉ làm từ collagen tinh khiết từ thanh mạc ruột bò, sợi chắc, mềm dễ uốn Đóng gói bằng giấy tiệt trùng 80gsm (100 micron) độ bền cao, ngăn khuẩn hiệu quả,	Sợi	1.800	540

6	Chi phẫu thuật tự tiêu tổng hợp số 1	Chi phẫu thuật tự tiêu tổng hợp: PGA số 1 Đa sợi bền, màu tím hoặc không màu, tiết khuẩn. Vật liệu cấu tạo: 100% từ Polyglycolic A xít (PGA). Bề mặt chỉ được tráng phủ bởi hỗn hợp POLYCAPROLACTONE + CALCIUM STEARATE. - Kim khâu được sản xuất từ thép không gỉ AISI 300, đạt tiêu chuẩn JIS G4315 - Nhật Bản. - Độ dẻo chấp nhận bẻ cong 270° hoặc 3 lần bẻ cong ở 90°. - Kim được phủ Silicon. - Sản phẩm đã đạt yêu cầu đánh giá tương thích sinh học theo tiêu chuẩn ISO 10993 theo báo cáo do tổ chức NAMSA thực hiện, bao gồm các tiêu chí sau: + Không gây Độc tính tế bào (ISO MTS Cytotoxicity - ISO 10993-5). + Không gây sốt (Không gây phản ứng toàn thân). Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 (được điển Mỹ - USP; được điển châu Âu - EP). Chỉ mất sức căng (Độ bền kéo) và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Giữ lại độ bền kéo lên đến 65% sau hai tuần, hơn 35% vào cuối tuần thứ 3 sau khi cấy ghép. Tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60- 90 ngày. 1 Kim thân tròn, 1/2 Vòng tròn, Kim dài 40mm, Chỉ dài 75cm.	Sợi	360	108
7	Chi phẫu thuật tự tiêu tổng hợp số 2/0	Chi phẫu thuật tự tiêu tổng hợp: PGA số 2/0 Đa sợi bền, màu tím hoặc không màu, tiết khuẩn. Vật liệu cấu tạo: 100% từ Polyglycolic A xít (PGA). Bề mặt chỉ được tráng phủ bởi hỗn hợp POLYCAPROLACTONE + CALCIUM STEARATE. - Kim khâu được sản xuất từ thép không gỉ AISI 300, đạt tiêu chuẩn JIS G4315 - Nhật Bản. - Độ dẻo chấp nhận bẻ cong 270° hoặc 3 lần bẻ cong ở 90°. - Kim được phủ Silicon. - Sản phẩm đã đạt yêu cầu đánh giá tương thích sinh học theo tiêu chuẩn ISO 10993 theo báo cáo do tổ chức NAMSA thực hiện, bao gồm các tiêu chí sau: + Không gây Độc tính tế bào (ISO MTS Cytotoxicity - ISO 10993-5). + Không gây sốt (Không gây phản ứng toàn thân). Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 (được điển Mỹ - USP; được điển châu Âu - EP). Chỉ mất sức căng (Độ bền kéo) và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Giữ lại độ bền kéo lên đến 65% sau hai tuần, hơn 35% vào cuối tuần thứ 3 sau khi cấy ghép. Tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60- 90 ngày. 1 Kim thân tròn, 1/2 Vòng tròn, Kim dài 26mm, Chỉ dài 75cm.	Sợi	240	72

8	Chi phẫu thuật tự tiêu tổng hợp số 3/0	Chi phẫu thuật tự tiêu tổng hợp: PGA số 3/0 Đa sợi bền, màu tím hoặc không màu, tiết khuẩn. Vật liệu cấu tạo: 100% từ Polyglycolic A xít (PGA). Bề mặt chỉ được tráng phủ bởi hỗn hợp POLYCAPROLACTONE + CALCIUM STEARATE. - Kim khâu được sản xuất từ thép không gỉ AISI 300, đạt tiêu chuẩn JIS G4315 - Nhật Bản. - Độ dẻo chấp nhận bẻ cong 270° hoặc 3 lần bẻ cong ở 90°. - Kim được phủ Silicon. - Sản phẩm đã đạt yêu cầu đánh giá tương thích sinh học theo tiêu chuẩn ISO 10993 theo báo cáo do tổ chức NAMSA thực hiện, bao gồm các tiêu chí sau: + Không gây Độc tính tế bào (ISO MTS Cytotoxicity - ISO 10993-5). + Không gây sốt (Không gây phản ứng toàn thân). Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 (được điển Mỹ - USP; được điển châu Âu - EP). Chỉ mất sức căng (Độ bền kéo) và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Giữ lại độ bền kéo lên đến 65% sau hai tuần, hơn 35% vào cuối tuần thứ 3 sau khi cấy ghép. Tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60- 90 ngày. 1 Kim thân tròn, 1/2 Vòng tròn, Kim dài 26mm, Chi dài 75cm.	Sợi	738	221
9	Chi phẫu thuật tự tiêu tổng hợp số 4/0	Chi phẫu thuật tự tiêu tổng hợp: PGA số 4/0 Đa sợi bền, màu tím hoặc không màu, tiết khuẩn. Vật liệu cấu tạo: 100% từ Polyglycolic A xít (PGA). Bề mặt chỉ được tráng phủ bởi hỗn hợp POLYCAPROLACTONE + CALCIUM STEARATE. - Kim khâu được sản xuất từ thép không gỉ AISI 300, đạt tiêu chuẩn JIS G4315 - Nhật Bản. - Độ dẻo chấp nhận bẻ cong 270° hoặc 3 lần bẻ cong ở 90°. - Kim được phủ Silicon. - Sản phẩm đã đạt yêu cầu đánh giá tương thích sinh học theo tiêu chuẩn ISO 10993 theo báo cáo do tổ chức NAMSA thực hiện, bao gồm các tiêu chí sau: + Không gây Độc tính tế bào (ISO MTS Cytotoxicity - ISO 10993-5). + Không gây sốt (Không gây phản ứng toàn thân). Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 (được điển Mỹ - USP; được điển châu Âu - EP). Chỉ mất sức căng (Độ bền kéo) và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Giữ lại độ bền kéo lên đến 65% sau hai tuần, hơn 35% vào cuối tuần thứ 3 sau khi cấy ghép. Tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60- 90 ngày. 1 Kim thân tròn, 1/2 Vòng tròn, Kim dài 17mm, Chi dài 75cm.	Sợi	240	72

10	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp số 5/0	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp: PGA số 5/0 Đa sợi bền, màu tím hoặc không màu, tiết khuẩn. Vật liệu cấu tạo: 100% từ Polyglycolic A xít (PGA). Bề mặt chỉ được tráng phủ bởi hỗn hợp POLYCAPROLACTONE + CALCIUM STEARATE. - Kim khâu được sản xuất từ thép không gỉ AISI 300, đạt tiêu chuẩn JIS G4315 - Nhật Bản. - Độ dẻo chấp nhận bẻ cong 270° hoặc 3 lần bẻ cong ở 90°. - Kim được phủ Silicon. - Sản phẩm đã đạt yêu cầu đánh giá tương thích sinh học theo tiêu chuẩn ISO 10993 theo báo cáo do tổ chức NAMSA thực hiện, bao gồm các tiêu chí sau: + Không gây Độc tính tế bào (ISO MTS Cytotoxicity - ISO 10993-5). + Không gây sốt (Không gây phản ứng toàn thân). Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 (được điển Mỹ - USP; được điển châu Âu - EP). Chỉ mất sức căng (Độ bền kéo) và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Giữ lại độ bền kéo lên đến 65% sau hai tuần, hơn 35% vào cuối tuần thứ 3 sau khi cấy ghép. Tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60- 90 ngày. 1 Kim thân tròn, 1/2 Vòng tròn, Kim dài 17mm, Chỉ dài 75cm.	Sợi	120	36
11	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp số 6/0	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp: PGA số 6/0 Đa sợi bền, màu tím hoặc không màu, tiết khuẩn. Vật liệu cấu tạo: 100% từ Polyglycolic A xít (PGA). Bề mặt chỉ được tráng phủ bởi hỗn hợp POLYCAPROLACTONE + CALCIUM STEARATE. - Kim khâu được sản xuất từ thép không gỉ AISI 300, đạt tiêu chuẩn JIS G4315 - Nhật Bản. - Độ dẻo chấp nhận bẻ cong 270° hoặc 3 lần bẻ cong ở 90°. - Kim được phủ Silicon. - Sản phẩm đã đạt yêu cầu đánh giá tương thích sinh học theo tiêu chuẩn ISO 10993 theo báo cáo do tổ chức NAMSA thực hiện, bao gồm các tiêu chí sau: + Không gây Độc tính tế bào (ISO MTS Cytotoxicity - ISO 10993-5). + Không gây sốt (Không gây phản ứng toàn thân). Đáp ứng tiêu chuẩn ISO 10993 (được điển Mỹ - USP; được điển châu Âu - EP). Chỉ mất sức căng (Độ bền kéo) và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Giữ lại độ bền kéo lên đến 65% sau hai tuần, hơn 35% vào cuối tuần thứ 3 sau khi cấy ghép. Tự tiêu hoàn toàn trong vòng 60- 90 ngày. 1 Kim thân tam giác, 3/8 Vòng tròn, Kim dài 12mm, Chỉ dài 45cm.	Sợi	120	36
12	Chỉ không tan tổng hợp Nylon 5/0, kim tam giác	Chỉ phẫu thuật không tiêu đơn sợi làm bằng chất liệu Polyamide 6 hoặc 6.6 số 5/0 dài 75cm, kim tam giác ngược 16mm, 3/8C. Kim làm bằng công nghệ OriPass độ bền kéo 2700mPA, độ cứng bề mặt hơn 600VPN. Kim được khắc bằng hóa chất để đảm bảo hiệu suất kim ổn định. Đạt tiêu chuẩn ISO13485; CE; FDA	Sợi	500	150

13	Chỉ không tan tổng hợp 2/0, kim tam giác	Chỉ phẫu thuật không tiêu đơn sợi làm bằng chất liệu Polyamide 6 hoặc 6.6 số 2/0 dài 75cm, kim tam giác ngược 24mm, 3/8C. Kim làm bằng công nghệ OriPass độ bền kéo 2700mPA, độ cứng bề mặt hơn 600VPN. Kim được khắc bằng hóa chất để đảm bảo hiệu suất kim ổn định. Đạt tiêu chuẩn ISO13485; CE; FDA	Sợi	10.300	3.090
14	Chỉ không tan tổng hợp 3/0, kim tam giác	Chỉ phẫu thuật không tiêu đơn sợi làm bằng chất liệu Polyamide 6 hoặc 6.6 số 3/0 dài 75cm, kim tam giác ngược 24mm, 3/8C. Kim làm bằng công nghệ OriPass độ bền kéo 2700mPA, độ cứng bề mặt hơn 600VPN. Kim được khắc bằng hóa chất để đảm bảo hiệu suất kim ổn định. Đạt tiêu chuẩn ISO13485; CE; FDA	Sợi	11.000	3.300
15	Chỉ không tan tổng hợp 4/0, kim tam giác	Chỉ phẫu thuật không tiêu đơn sợi làm bằng chất liệu Polyamide 6 hoặc 6.6 số 4/0 dài 75cm, kim tam giác ngược 19mm, 3/8C. Kim làm bằng công nghệ OriPass độ bền kéo 2700mPA, độ cứng bề mặt hơn 600VPN. Kim được khắc bằng hóa chất để đảm bảo hiệu suất kim ổn định. Đạt tiêu chuẩn ISO13485; CE; FDA	Sợi	5.000	1.500
16	Chỉ khâu đặc biệt các loại	Chỉ không tan tổng hợp nylon số 10/0 dài 30cm 2 kim hình thang 6.4mm 3/8 vòng tròn. Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai chống rách ngăn khuẩn hiệu quả. Kim thép 300, 302 phủ silicone. Sản xuất tại Châu Âu.	Sợi	250	75
17	Chỉ khâu đặc biệt các loại	Chỉ khâu mắt đơn sợi không tan tổng hợp Nylon số 9/0 dài 30cm 2 kim tiết diện hình thang dài 6.2mm, vòng kim 3/8 vòng tròn. Kim làm bằng thép không gỉ AISI 300, 302 phủ silicone. Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai chống rách ngăn khuẩn hiệu quả. Tiêu chuẩn ISO CE sản xuất tại Châu Âu	Sợi	10	3
18	Chỉ tan chậm tự nhiên số 1, kim tròn	Chỉ tan chậm tự nhiên Chromic Catgut số 1, dài 75 cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm.	Tép	10	3
19	Chỉ khâu không tiêu các loại	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp Polyamide (nylon) số 1 75cm kim tam giác 3/8C 30mm. Kim làm bằng thép không gỉ AISI 300, phủ silicon. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% USP đóng gói bằng giấy Tyvek. Tiêu chuẩn CE - Châu Âu	Sợi	150	45
20	Chỉ khâu không tiêu các loại, các cỡ	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp thành phần Polyamide 6.0 hoặc 6.6 (nylon) số 2/0 75cm kim tam giác 3/8C, làm bằng thép không gỉ AISI 300 phủ silicone, kim 24mm. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% USP đóng gói bằng giấy Tyvek. Tiêu chuẩn CE - Châu Âu	Sợi	6.788	2.036
21	Chỉ khâu không tiêu các loại	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp Polyamide 6.0 hoặc 6.6(nylon) số 3/0 75cm kim tam giác 3/8C Kim làm bằng thép không gỉ AISI seri 300..., phủ silicone, 24mm. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% USP đóng gói bằng giấy Tyvek. Tiêu chuẩn CE - Châu Âu	Sợi	5.050	1.515

22	Chỉ khâu không tiêu các loại	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp Polyamide 6.0 hoặc 6.6(nylon) số 4/0 75cm kim tròn 1/2C 20mm, Kim làm bằng thép không gỉ AISI seri 300..., phủ silicone . Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% USP đóng gói bằng giấy Tyvek. Tiêu chuẩn CE - sản xuất tại Châu Âu	Sợi	5.050	1.515
23	Chỉ khâu không tiêu các loại	Chỉ không tan tổng hợp nylon số 5/0 thành phần polyamide 6.0 hoặc 6.6 dài 75m kim tam giác 3/8C 19mm. Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai chống rách ngăn khuẩn hiệu quả. Kim thép 300, 302 phủ silicone. Tiêu chuẩn ISO, CE - Châu Âu.	Sợi	5.050	1.515
24	Chỉ khâu không tiêu các loại	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp Polypropylene dài 90cm 2 kim tròn đầu cắt 1/2C dài 25mm. Kim bằng thép không gỉ 300-302 bọc silicone . Độ bền kéo đứt nút hơn 20% - 50% số với USP. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% USP đóng gói bằng giấy Tyvek. Tiêu chuẩn CE - Châu Âu	Sợi	10	3
25	Chỉ khâu không tiêu các loại	Chỉ không tan đơn sợi Polypropylene số 3/0, dài 90cm, 2 kim tròn 25mm, vòng kim 1/2C. Kim bằng thép không gỉ bọc silicone . Độ bền kéo đứt nút hơn 20% - 50% số với USP. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% USP đóng gói bằng giấy Tyvek. Tiêu chuẩn CE - Châu Âu	Sợi	10	3
26	Chỉ khâu không tiêu các loại	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp Polypropylene chỉ dài 90cm, số 4/0, 2 kim tròn đầu cắt 1/2C dài 25mm. Kim bằng thép không gỉ 300 kim bọc silicone đóng gói bằng giấy Tyvek. Tiêu chuẩn CE - Châu Âu	Sợi	500	150
27	Chỉ khâu không tiêu các loại	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp Polypropylene số 5/0, 2 kim tròn 1/2C, kim 20mm, kim phủ silicon, sợi chỉ dài 90cm. Là Chỉ phẫu thuật đơn sợi không tiêu làm từ polypropylene. Chỉ có màu xanh. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	Sợi	700	210
28	Chỉ khâu không tiêu các loại	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp Polypropylene số 6/0 dài 75cm 2 kim tròn đầu cắt coronary, vòng kim 3/8 dài 10mm. Kim bằng thép không gỉ 300 phủ silicone. Độ bền kéo đứt nút hơn 20% - 50% số với USP. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% USP đóng gói bằng giấy Tyvek. Tiêu chuẩn CE - Châu Âu	Sợi	200	60
29	Chỉ khâu không tiêu các loại	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp Polypropylene (polypropylene + polyethylene) số 7/0 dài 60cm 2 kim tròn 3/8C dài 9,3mm .Kim bằng thép không gỉ 300,302 phủ silicone . Độ bền kéo đứt nút hơn 20% - 50% số với USP. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% USP đóng gói bằng giấy Tyvek. Tiêu chuẩn CE - Châu Âu.	Sợi	200	60
30	Chỉ khâu không tiêu các loại	Chỉ không tan tổng hợp Polypropylene số 8/0 dài 60cm 2 kim tròn 3/8C đầu kim cắt coronary, dài 8mm. Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai chống rách ngăn khuẩn hiệu quả. Kim thép 300, 302 phủ silicone	Sợi	200	60

31	Chỉ khâu không tiêu các loại	Chỉ không tiêu đơn sợi tổng hợp Polyamide 6.0 hoặc 6.6(nylon) số 3/0 75cm kim tam giác 3/8C Kim làm bằng thép không gỉ AISI seri 300..., phủ silicone ,19mm. Lực tách kim và chỉ cao hơn 20-60% USP đóng gói bằng giấy Tyvek. Tiêu chuẩn CE - Châu Âu	Sợi	10	3
32	Chỉ lạnh (chỉ không tiêu)	Chỉ lạnh được xử lý hóa chất 100 % bằng sợi cotton. Sợi chỉ rất bền màu và dai. Chỉ có màu trắng và vàng nhạt trọng lượng 20 gram/ cuộn. Chỉ lạnh có sẵn trong các size và chiều dài như sau: • Size 20 160m • Size 30 190m • Size 40 220m • Size 50 260m • Size 60 300m • Size 70 320m • Size 80 360m • Size 100 430m.	Cuộn	200	60
33	Chỉ khâu phẫu thuật không tiêu liền kim vô trùng	Chỉ dài 75cm, kim tam giác, cong 3/8. Chỉ số 1/0 vòng kim 40mm, chỉ số 2/0 vòng kim 26mm, chỉ 3/0 vòng kim 26mm, chỉ số 4/0 vòng kim 20mm, chỉ số 5/0 vòng kim 15mm, chỉ số 6/0, 7/0 vòng kim 13mm . Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Sợi	10	3
34	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp số 2/0	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp: RPGLA số 2/0 Đa sợi bền, không màu, tiết khuẩn. Vật liệu cấu tạo: 100% Poly(glycolide-co-lactide)(90/10): gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide). Đã được làm giảm trọng lượng phân tử nhằm mục đích giảm thời gian tự tiêu. Bề mặt chỉ được tráng phủ bởi hỗn hợp POLY(GLYCOLIDE-CO-LACTIDE) (30/70) + CALCIUM STEARATE. Kim được làm từ thép không gỉ Series 300. Kim được phủ Ultraglide Silicon. Chỉ mất sức căng (Độ bền kéo) và tự tiêu do hiện tượng thủy phân. Giữ lại độ bền kéo lên đến 50% sau 5 ngày và độ bền kéo sẽ mất hoàn toàn sau 10-14 ngày sau khi cấy ghép. Tự tiêu hoàn toàn trong vòng 42 ngày. 1 Kim thân tròn, 1/2 Vòng tròn , Kim dài 36mm, Chỉ dài 90cm.	Sợi	10	3
35	Chỉ khâu tiêu chậm các loại	Chỉ tiêu chất liệu Polyglycolic acid tổng hợp số 1 được bao bởi 1 lớp Calcium stearate và polycaprolactone KT: dài 90cm kim tròn, kim làm thép không gỉ 300, 302 phủ silicone, độ nhám bề mặt nhỏ hơn 0.4 Ra, vòng kim 40mm cong 1/2C. Sức căng còn 50% sau 21 ngày tan hoàn toàn trong 60-90 ngày. Tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016, CE, sản xuất tại Châu Âu	Sợi	20.050	6.015

36	Chỉ khâu tiêu chậm các loại	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp Polyglactin 910 số 2/0, chỉ dài 75cm, kim dài 26mm, kim tròn cong 1/2C. Là loại chỉ tự tiêu tổng hợp đa sợi, tiết trùng, công thức hoá học $(C_2H_2O_2)_m(C_3H_4O_2)_n$, thành phần gồm 90% Glycolide và 10% L-lactide. Bề mặt sợi chỉ được tráng bởi một lớp tổng hợp của Polyglactin 370 và Calcium Sterate. Sau hai tuần cấy ghép sức căng của chỉ còn khoảng 75% và sau bốn tuần còn 25%. Chỉ sẽ tự tiêu hoàn toàn trong vòng 56-72 ngày. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE, FDA	Sợi	4.605	1.382
37	Chỉ khâu tiêu chậm các loại	Số 3/0 . Dài 75cm kim 1/2 kim tròn vòng kim 26mm.	Sợi	10	3
38	Chỉ khâu tiêu chậm các loại	Chỉ tiêu chất liệu Polyglycolic acid tổng hợp số 2/0 được bao bởi 1 lớp Calcium stearate, và polycaprolactone KT: dài 75cm kim tròn, vòng kim 26mm cong 1/2C, kim thép không gỉ phủ silicon. Sức căng còn 50% sau 21 ngày tan hoàn toàn trong 60-90 ngày. Tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016, CE, sản xuất tại Châu Âu.	Sợi	20.050	6.015
39	Chỉ khâu tiêu chậm các loại	Chỉ tiêu chất liệu Polyglycolic acid tổng hợp số 3/0 được bao bởi 1 lớp Calcium stearate, và polycaprolactone KT: dài 75cm kim tròn vòng kim 26mm cong 1/2C sức căng còn 50% sau 21 ngày tan hoàn toàn trong 60-90 ngày. Tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016, CE, sản xuất tại Châu Âu	Sợi	10.050	3.015
40	Chỉ khâu tiêu chậm các loại	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactine 910 phủ Poly(glycolide-co-L-Lactide) và calcium stearate số 4/0 dài 75cm kim tròn 1/2C dài 17mm duy trì sức căng >65% sau 14 ngày tan hoàn toàn trong 56-70 ngày. Kim bằng thép không gỉ 300, 302 phủ silicone , Tiêu chuẩn ISO, CE Châu Âu.	Sợi	5.050	1.515
41	Chỉ khâu tiêu chậm các loại	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglactine 910 phủ Poly-glycolide-co-L-Lactide) và calcium stearate số 5/0 dài 75cm kim tròn 1/2C dài 17mm duy trì sức căng >65% sau 14 ngày tan hoàn toàn trong 56-70 ngày. Kim bằng thép không gỉ phủ silicone . Tiêu chuẩn ISO, CE Châu Âu.	Sợi	550	165
42	Chỉ thép dây thép dùng trong phẫu thuật	Chỉ thép số 5 dài 45cm kim 1/2 kim tròn đầu cắt vòng kim 48mm. Kim làm bằng thép 300, 302 phủ silicone. Sợi chỉ đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai chống rách ngăn khuẩn hiệu quả. Tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016, CE, sản xuất tại Châu Âu	Sợi	200	60
43	Chỉ thép dây thép dùng trong phẫu thuật	Chỉ thép số 3&4 dài 4x45cm kim 1/2 kim tròn mũi tam giác vòng kim 40mm . Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai chống rách ngăn khuẩn hiệu quả. Kim thép 300, 302 phủ silicone. Tiêu chuẩn EN ISO 13485:2016, CE, sản xuất tại Châu Âu	Sợi	200	60
44	Chỉ thép	Đường kính từ 0,4mm đến 0,9mm - Chiều dài 10m; - Đạt chất lượng ISO 13485 ; chất liệu thép không gỉ.	Cuộn	340	102

45	Chỉ phẫu thuật tự tiêu tổng hợp số 0	Chỉ tan tổng hợp đa sợi Polyglycolic acid số 0, dài 90cm, kim tròn 1/2c, dài 40 mm, Khoảng 50% sức căng còn lại sau 21 ngày cấy ghép. Hấp thụ trong khoảng 60-90 ngày. Đóng gói bằng giấy Tyvek 100% sợi HDPE bền dai chống rách ngăn khuẩn hiệu quả. Kim thép 300, 302 phủ silicone. Sản xuất tại Châu Âu.	Sợi	100	30
46	Chỉ phẫu thuật khâu gắn liền kim	Chỉ đóng gói tiệt trùng, cấu tạo bởi hai thành phần: - Kim: Chất liệu thép không gỉ: Mỗi sợi chỉ gồm 2 kim mỗi đầu một kim, một kim tròn kích thước: 3/8 x 25 mm; 1 kim tam giác kích thước 1/2x40mm. - Chỉ: Cỡ chỉ UPS 3/4, Chỉ được bên kết hợp bởi sợi chỉ trắng chiếm 87.5% chất liệu Polyethylen cao phân tử (UHMWPE) và sợi chỉ màu xanh chiếm 12.5% chất liệu polypropylene Mỗi sợi chỉ được đặt trên một miếng mút xốp chia thành 2 phần, giúp cố định cả kim và chỉ. Miếng mút chứa sản phẩm được đặt trong một túi giấy bạc hai lớp có thể bóc tách. Xuất xứ G7; Đạt tiêu chuẩn ISO; MDR	Sợi	100	30
47	Chỉ phẫu thuật khâu gắn liền kim	Chỉ đóng gói tiệt trùng, cấu tạo bởi hai thành phần: - Kim: Chất liệu thép không gỉ, kiểu mắt khoan, mỗi sợi chỉ gồm 2 kim mỗi đầu một kim, một kim tròn kích thước: 3/8 x 26 mm; 1 kim tam giác kích thước 1/2x40mm. - Chỉ: Chỉ được bên kết hợp bởi một sợi chỉ trắng 100% chất liệu Polyethylen cao phân tử (UHMWPE) và sợi chỉ màu xanh lam 100% chất liệu Polyethylen cao phân tử (UHMWPE) Mỗi sợi chỉ được đặt trên một miếng mút xốp chia thành 2 phần, giúp cố định cả kim và chỉ. Miếng mút chứa sản phẩm được đặt trong một túi giấy bạc hai lớp có thể bóc tách. Xuất xứ G7; Đạt tiêu chuẩn ISO; MDR	Sợi	100	30
48	Chỉ khâu không tiêu số 9	Chỉ khâu phẫu thuật mắt số 9, có 2 kim Chỉ không tiêu AS -140-6 Đường kính 0.15mm Chiều dài 6.0mm 3/8 đường tròn 140 Chiều dài chỉ : 30cm Tiêu chuẩn chất lượng, ISO 13485	Sợi	10	3
49	Chỉ khâu không tiêu số 10	Chỉ khâu phẫu thuật mắt số 10, có 2 kim Chỉ không tiêu AS -140-6 Đường kính 0.15mm Chiều dài 6.0mm 3/8 đường tròn 140 Chiều dài chỉ : 30cm Tiêu chuẩn chất lượng, ISO 13485	Sợi	10	3
50	Tay dao mổ điện sử dụng một lần	Đầu giác 2 nối với dây dài 3m. Tay dao cấu tạo như cây viết với một đầu để lắp đầu dao mổ, trên thân tay dao có hai nút bấm tương ứng với hai chế độ cắt và cầm máu đơn cực. Đạt tiêu chuẩn ISO: 13485	Chiếc	1.000	300

51	Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mô điện, dao mô laser, dao mô siêu âm, dao mô plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cở (bao gồm cả tay dao và dây dao)	Dao siêu âm mô mỡ, cán dài 9cm, tương thích với hệ thống dao mô Harmonic	Cái	70	21
52	Lưỡi dao cắt tiêu bản	Dùng để cắt tiêu bản, để cắt mẫu sinh học thành các phần rất mỏng cho vi xét nghiệm hiển vi chi tiết trong khoa giải phẫu bệnh - Lưỡi dao cắt loại lowprofile, Làm bằng thép không rỉ, kích thước 80x8x0.25mm, góc nghiêng 35 độ, Cắt được tất cả các loại mô (mô cứng, mô mềm, cắt lạnh, cắt mỏng), được sử dụng hàng ngày với độ sắc lưỡi dao ổn định. - Sử dụng cho tất cả các loại máy cắt tiêu bản - Hộp 50 lưỡi - Tiêu chuẩn ISO 13485	Hộp	16	5
53	Lưỡi cắt đốt bằng sóng radio	Loại lưỡi cắt đốt đường kính 3.75mm chiều dài làm việc là 13.7cm, đầu cắt hình Oval 90 độ. Đầu lưỡi cắt đốt được trang bị chức năng hút , cho phép loại bỏ hiệu quả các bọt khí và chất sinh ra trong quá trình vận hành để cải thiện độ rõ nét của hình ảnh trong khu vực phẫu thuật. Đầu cắt thiết kế lưỡng cực cho phép cắt chính xác trong phạm vi 200 Microns. Công nghệ plasma nhiệt độ thấp giúp giảm tổn thương mô, nhiệt độ được kiểm soát dưới 50 độ C. Sử dụng trong phẫu thuật nội soi giải nén khớp gối, phẫu thuật cắt bỏ nang khớp, giải phóng hẹp mỏm cùng khớp vai, làm co bao khớp. Cắt sụn chêm khớp gối, cắt bao hoạt dịch, cắt bỏ gốc rễ dây chằng chéo, tạo hình các hố, tạo hình chỏm, co rút dây chằng, đánh dấu vị trí giải phẫu ở dây chằng chéo trước. Xuất xứ: G20; Tiêu chuẩn ISO 13485; CE	Cái	118	35
54	Lưỡi bào khớp đường kính các cỡ	Lưỡi bào dùng một lần, đóng gói tiệt trùng - Đường kính 2.0/2.5/3.5mm/4.2mm/4.8mm/5.5mm - Chiều dài làm việc ≥ 130 mm Xuất xứ G7; Tiêu chuẩn ISO; CE	Cái	118	35
55	Dây dẫn nước nội soi dùng một lần cho máy bơm nước	"Dây dẫn nước dùng trong phẫu thuật nội soi chạy máy, đóng gói tiệt trùng, dùng một lần, chiều dài ≥ 6300 mm, có hai hai đường nước vào và ra, đường nước vào có 2 đầu cắm vào chai dịch. Dùng trong quá trình nội soi (Nội soi khớp, Nội soi ổ bụng, Nội soi bàng quang, Nội soi lồng ngực, nội soi tiết niệu, nội soi cột sống) Xuất xứ G20; Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	118	35

56	Vít dây chằng giữa mảnh ghép gân có thể điều chỉnh chiều dài	Vít treo điều chỉnh chiều dài có một cỡ duy nhất cấu tạo gồm 3 phần: - Vòng chỉ chất liệu cao phân tử UHMWPE - Chi kéo: Chất liệu UHMWPE - Tấm titanium: Chất liệu titan Ti-6AL-4V có 4 lỗ, chiều cao $\geq 1.5\text{mm}$, dài $\leq 12\text{mm}$, rộng $\geq 4\text{mm}$. Khả năng chịu tải kéo cao: $\geq 1500\text{ N}$. Hệ thống khóa ba điểm dễ dàng đặt và giảm tuột chỉ. Một cỡ phù hợp cho tất cả đường hầm từ 15-60mm, vít có thể điều chỉnh chiều dài từ 15mm-80mm. Có thể điều chỉnh chiều dài bằng hai tay, lý tưởng cho đường hầm xương chày và xương đùi ngắn. Lực tải tối đa khi bị lỗi là: $\geq 352\text{ lbs}$ (1565 N). Khả năng chịu tải kéo cao: $\geq 1500\text{ N}$ Xuất xứ: G7; Đạt tiêu chuẩn ISO: CE	Cái	118	35
57	Mũi khoan ngược	Lưỡi bào xương ngược dùng một lần có một lẫy lật để lưỡi bào ngược, giúp đo chiều dài đường hầm xương và chức năng khoan. Mỗi lưỡi bào xương ngược dùng một lần đều có một nút trên tay cầm để điều chỉnh đầu mũi khoan và có thể mở hoặc đóng để tạo đường hầm. Đường kính lưỡi từ 5/5.5/6/6.5/7/7.5/8/8.5/9/9.5/10/10.5/11/11.5/12/12.5/13mm. Chiều dài : 180mm/270mm hoặc hơn Đóng gói tiệt trùng. Xuất xứ: G20; Đạt tiêu chuẩn ISO; MDR	Cái	118	35
58	Điện cực cắt đốt vòng, gấp góc	Điện cực cắt đốt vòng, gấp góc, cỡ 24/26 Fr.	Cái	1	0
59	Lưỡi dao mổ	Lưỡi dao mổ và Dao mổ theo chứng nhận CE có loại thép carbon và thép không gỉ. Lưỡi dao mổ có các kích cỡ sau: 10; 11; 12; 15; 20; 21; 22. Lưỡi dao mổ được đóng gói riêng biệt vào túi nhôm mỏng trong đó được tiệt trùng bằng tia Gama.	Cái	20.770	6.231
60	Lưỡi dao lạng da	Chất liệu: Thép không gỉ	Cái	10	3
61	Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)	Dao siêu âm chuyên dùng trong mổ nội soi; đầu cong, đường kính thân 5mm, chiều dài 36cm; Cán xoay 360 độ; Trên tay cầm có nút điều chỉnh năng lượng max và min. Kết hợp với dây dao (bộ phận chuyên đổi điện năng thành cơ năng) phù hợp, tương thích với hệ thống dao mổ Harmonic	Cái	100	30

62	Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)	Bộ phận chuyển đổi điện năng thành dao động cơ học, tần số 55.5kHz dùng tay dao siêu âm, dùng cho mô nội soi. Số lần sử dụng ≥ 95 lần, tương thích với hệ thống dao mổ Harmonic	Cái	8	2
63	Đầu đốt (đơn cực, lưỡng cực, kết hợp đơn cực lưỡng cực), lưỡi dao mổ điện, dao mổ laser, dao mổ siêu âm, dao mổ plasma, dao radio, dao cắt gan siêu âm, dao cắt hàn mạch, hàn mô các loại, các cỡ (bao gồm cả tay dao và dây dao)	Bộ phận chuyển đổi điện năng thành dao động cơ học, tần số 55.5kHz dùng tay dao siêu âm, dùng cho mô nội soi. Số lần sử dụng ≥ 100 lần, tương thích với hệ thống dao mổ Harmonic	Hộp	1	0
64	Điện cực cắt rạch hình vòng	Điện cực cắt rạch hình vòng 24Fr (12 cái/hộp)	Cái	100	30
65	Lưỡi nạo VA (Lưỡi bào mô)	Loại cong, mặt cắt phía dưới, dài 11cm, đường kính 4 mm Đáp ứng chứng chỉ FDA	Chiếc	50	15
66	Lưỡi cắt cong	Loại cong, mặt cắt phía trên, dài 11cm, đường kính 4 mm Đáp ứng chứng chỉ FDA	Cái	60	18
67	Lưỡi cắt	Loại thẳng, dài 11cm, đường kính 4 mm Đáp ứng chứng chỉ FDA	Cái	60	18
68	Băng ghim khâu cắt thẳng tự động (mổ mở) tương thích với dụng cụ khâu cắt thẳng tự động (mổ mở)	- Loại băng ghim thẳng, có ≥ 3 hàng ghim mỗi bên (Có chiều cao khác nhau) - Chất liệu ghim bằng Titanium. - Chiều dài đường ghim $\geq 80\text{mm}$ - Chiều cao ghim mở trong khoảng từ $\geq 3.0\text{mm}$ đến $\leq 4.0\text{mm}$ - Chiều cao ghim đóng trong khoảng từ $\geq 1.5\text{mm}$ đến $\leq 3.0\text{mm}$ - Tích hợp dao cắt trên băng ghim.	Cái	62	19
69	Dụng cụ cắt khâu nối tròn có 3 hàng ghim các cỡ	- Dụng cụ (máy) cắt khâu nối ống tiêu hóa tròn các cỡ có 3 hàng ghim chiều cao khác nhau, đường kính $\leq 31\text{mm}$. - Chiều cao ghim trước dập có các kích thước khác nhau trong khoảng từ $\geq 3.0\text{mm}$ đến $\leq 4.0\text{mm}$. - Ghim bằng Titan. Đạt tiêu chuẩn : ISO 13485:2016, FDA	Cái	81	24

70	Dụng cụ khâu cắt thẳng tự động (mô nội soi)	Dụng cụ cắt nối tự động dùng trong mô nội soi tương thích với tất cả băng ghim khâu cắt nội soi. Dụng cụ khi gắn vào băng ghim tương thích có thể bẻ góc $\leq 45^\circ$ độ mỗi bên với ≤ 11 điểm gấp góc. Các cỡ độ dài trực nối tương ứng 6cm, 16cm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, FDA	Cái	2	1
71	Dụng cụ khâu cắt thẳng tự động (mô mở)	Dụng cụ cắt nối tự động dùng trong mô mở cỡ 80mm, tương thích với băng ghim mô mở có ≥ 3 hàng ghim mỗi bên. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, FDA	Cái	2	1
72	Dụng cụ cắt khâu nối dùng trong kỹ thuật Longo mô trĩ	Dụng cụ cắt trĩ longo, đường kính ngoài 32mm hoặc 33.5mm, đường kính trong tương ứng 23mm hoặc 24.2mm Hai hàng ghim so le, chiều cao ghim mở ≥ 4.2 mm, chiều rộng ghim mở ≥ 3.7 mm Độ dày khoảng đóng mô trong khoảng 0.8-1.5mm, có thể tùy chỉnh Dụng cụ có 4 lỗ cột chỉ, có khóa an toàn	Cái	86	26
73	Clip kẹp mạch máu	- Chất liệu: polymer không tiêu. Dùng để kẹp các cấu trúc mô dạng ống hoặc mạch máu trong quá trình phẫu thuật để cầm máu khi cần sử dụng các clip không tiêu. - Kẹp được mạch máu cỡ 3 mm đến 16 mm. - Chiều dài chân clip ngoài lần lượt: 9,5-13-17,8mm. Độ dày chân clip: 0,83-1,29mm. Đường kính phần lõm của Clip khi đóng: 1,1-1,2-1,3mm, khi mở: 7,5-10,2-14mm - Có các răng nhọn - gấp góc hai bên sắp xếp so le nghiêng về phía mô bị kẹp. Kiểu khớp động Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Cái	1.227	368
74	Clip kẹp mạch máu titan	- Chất liệu: Titanium - Hình chữ V. Tương thích với kìm kẹp clip cỡ 0,59mm-1,42mm. Các vi clip được mã hóa màu sắc tương ứng với Kìm kẹp clip - Kẹp được mạch máu cỡ 0,3 mm đến 7,5mm - Clip khi mở dài lần lượt 3,2-4,7-8,0-11,9mm, rộng 2,1-2,9-5,2-5,4mm. Clip khi đóng dài lần lượt 3,7-5,4-9,0-12,3mm Tiêu chuẩn chất lượng: CE	Cái	2	1
75	Clip cầm máu	Kẹp cầm máu clip rời tương thích cán dùng nhiều lần, sử dụng cho kênh sinh thiết ≥ 2.8 mm, sử dụng 1 lần.	Cái	2	1
76	Băng ghim cắt khâu nối nội soi	* Loại băng ghim thẳng, có ≥ 3 hàng ghim mỗi bên (Có chiều cao khác nhau mỗi bên). - Chất liệu ghim bằng Titanium. - Các cỡ chiều dài đường ghim ≥ 30 mm đến ≤ 60 mm - Chiều cao ghim mở có các kích thước trong khoảng từ ≥ 2.0 mm đến ≤ 4.0 mm - Chiều cao ghim đóng có các kích thước trong khoảng từ ≥ 0.75 mm đến ≤ 1.75 mm - Tương thích với dụng cụ khâu cắt thẳng mô nội soi đầu gấp góc - Cung cấp lưỡi dao mới trong mỗi băng đạn Đạt tiêu chuẩn : ISO 13485:2016, FDA	Cái	27	8

77	Bộ ghim khâu cố định lưới thoát vị dùng trong phẫu thuật nội soi thoát vị bẹn, thành bụng	Bộ ghim khâu cố định lưới thoát vị có ≥ 30 ghim hình xoắn ốc, chất liệu Titanium. ghim cao $\geq 3.8\text{mm}$, đường kính $\geq 4\text{mm}$. Chiều dài phần chứa ghim $\geq 35.5\text{cm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, FDA	Cái	2	1
78	Lưới điều trị thoát vị	Lưới điều trị thoát vị bẹn chất liệu Polypropylene, đơn sợi, co giãn đa chiều. Trọng lượng lưới nhẹ 38g/m^2 , kích thước lỗ lưới: $1.5\text{mm} \times 1.5\text{mm}$. Kích thước miếng lưới $15 \times 10\text{cm}$. Đạt tiêu chuẩn ISO	Miếng	79	24
79	Tay dao siêu âm không dây covidien	Tay dao siêu âm không dây mổ nội soi, đầu cong, chiều dài thân dao $13\text{--}39\text{cm}$, đường kính thân dao 5mm . Chiều dài lưỡi dao 14.5mm . Tương thích với các dụng cụ không dây đi kèm. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Chiếc	15	5
80	Pin sạc cho dao mổ siêu âm không dây Covidien	Pin dao siêu âm không dây (sử dụng cho dao siêu âm không dây Sonicision)	Chiếc	2	1
81	Bộ phát sóng siêu âm không dây Covidien	Bộ phát năng lượng dao siêu âm (sử dụng cho dao siêu âm không dây Sonicision). Có thể tiệt trùng nhiệt độ cao và tái sử dụng lên đến 150 lần. Tần số dao động 55.500 lần / giây.	Chiếc	2	1
82	Mast dán dùng 1 lần cho dao điện	Tấm điện cực trung tính sử dụng một lần, bề mặt được làm bằng chất liệu PolyHesive có độ dày $\geq 0,15\text{cm}$. Viên bản cực được bao quanh bằng lớp gel có độ dày $0,12\text{cm}$, thành phần 70% nước. Diện tích bề mặt hoạt động $\geq 75\text{cm}^2$. tương thích với máy Force Triad, FX8 , FT10	Chiếc	50	15
83	Khay lắp pin dao siêu âm không dây Covidien	Khay lắp pin dao siêu âm không dây (sử dụng cho dao siêu âm không dây Sonicision)	Cái	5	2
84	Khay hấp tiệt khuẩn dao siêu âm không dây Covidien	Khay hấp tiệt khuẩn dao siêu âm không dây (sử dụng cho dao siêu âm không dây Sonicision)	Cái	5	2
85	Bộ sạc pin dao siêu âm không dây Covidien	Bộ sạc pin dao siêu âm không dây (sử dụng cho dao siêu âm không dây Sonicision)	Cái	5	2
86	Tay dao cắt hàn mạch Ligasure 23cm	Tay dao hàn mạch mổ mở hàm phù nano chống dính, đầu cong, chiều dài thân dao 23cm , đường kính thân dao 5mm , quay 350° , độ dài mỗi hàn 20.3mm , độ dài vết cắt 18.5mm (sử dụng cho máy Valleylab LS10, Valleylab FT10, Forcetriad). Đạt tiêu chuẩn FDA	Cái	10	3
87	Tay dao cắt hàn mạch Ligasure 37cm	Tay dao hàn mạch mổ nội soi hàm phù nano chống dính, đầu cong, chiều dài thân dao 37cm , đường kính thân dao 5mm , quay 350° , độ dài mỗi hàn 20.3mm , độ dài vết cắt 18.5mm (sử dụng cho máy Valleylab LS10, Valleylab FT10, Forcetriad). Đạt tiêu chuẩn FDA	Cái	10	3
88	Tay dao cắt hàn mạch Ligasure hàm thon nhọn 21cm	Tay dao hàn mạch mổ mở, hàm thon nhọn, nghiêng góc 40° , chiều dài 21cm , độ dài mỗi hàn 20.6mm , độ dài vết cắt 19.8mm (sử dụng cho máy Valleylab LS10, Valleylab FT10). Đạt tiêu chuẩn FDA	Cái	10	3

VI	Phần 6: Thiết bị y tế (vật tư y tế) trong điều trị mắt				
1	Chất nhầy, dung dịch hỗ trợ dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco các loại	- Dịch nhầy sử dụng cho phẫu thuật phaco. Thành phần Hydroxypropyl Methyl Cellulose (HPMC). - Thể tích: ống syringe 2,0 ml; nồng độ 2%. - Độ pH 6,8-7,4; độ nhớt từ 4500 đến 5500 cps. - Độ thẩm thấu 250-350 mOsm/Kg. - Trọng lượng phân tử hơn 80,000 daltons. - Dịch nhầy được chứa trong xylanh bằng thủy tinh. - Sản phẩm được khử trùng bằng hơi nước.	Ống	559	168
2	Chất nhầy, dung dịch hỗ trợ dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco các loại	- Dịch nhầy Sodium Hyaluronate (NaHa) 2.0%. - Trọng lượng phân tử: 2.4 million daltons, Độ nhớt: 40.000 - 60.000 mPa.s tại 25 độ C. - Độ thẩm thấu: 250-350 mOsmol/l. Độ PH: 7.0-7.5. - Hộp 01 ống/1.0ml trong xilanh. - Dùng với đầu kim 27G. Dịch nhầy có tính năng bảo vệ nội mô cao. Tiệt trùng bằng hơi nước.	Ống	346	104
3	Chất nhầy, dung dịch hỗ trợ dùng trong phẫu thuật đặt thủy tinh thể nhân tạo Phaco các loại	- Dịch nhầy sử dụng cho phẫu thuật phaco. Thành phần Hydroxypropyl Methyl Cellulose (HPMC). - Thể tích: ống syringe 2,0 ml; nồng độ 2%. - Độ pH 6,8-7,4; độ nhớt từ 4500 đến 5500 cps. - Độ thẩm thấu 250-350 mOsm/Kg. - Trọng lượng phân tử hơn 80,000 daltons. - Dịch nhầy được chứa trong xylanh bằng thủy tinh. - Sản phẩm được khử trùng bằng hơi nước.	Cái	46	14
4	Dao mổ phaco	Dao mổ Phaco vết mổ phụ loại 15 độ. Lưỡi dao được làm bằng thép không rỉ, cán nhựa. 3 cạnh vát. Khay nhựa bảo vệ toàn thân dao. Hộp 5 cái, được đóng gói vô trùng từng cái. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE. Xuất Xứ G7	Cái	517	155
5	Dao mổ phaco	Dao mổ Phaco vết mổ chính cho kích thước vết mổ 2.8 mm. Lưỡi dao được làm bằng thép không rỉ. Tay cầm được làm bằng chất liệu nhựa. Dao nghiêng góc 45 độ. Vát 2 mặt. Khay nhựa bảo vệ toàn thân dao. Hộp 5 cái, được đóng gói vô trùng từng cái. Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485, CE. Xuất Xứ G7	Cái	518	155
6	Dao tạo đường hầm	Lưỡi dao làm bằng thép không gỉ. Kích cỡ lưỡi dao mổ: 2.2mm, vát lên, bẻ góc. Xuất xứ: các nước thuộc G7.	Cái	10	3
7	Dao lạng mộng	Dao chuyên dụng dùng trong phẫu thuật mộng, cỡ 2.6 mm Lưỡi dao bằng thép không gỉ, cán nhựa. Xuất xứ: các nước thuộc G7.	Cái	10	3

8	Thuốc nhuộm bao dùng trong phẫu thuật mắt	- Dùng nhuộm bao trước trong quá trình mổ Phaco, không ảnh hưởng đến nội mô giác mạc. - Dùng trong lọ thủy tinh. - Dung dịch vô trùng, đẳng trương, độ PH từ 6.8 đến 7.6. Dung tích 1ml. - Thành phần 0.6mg/ml.	Ống	163	49
VII	Phần 7: Thiết bị y tế (vật tư y tế) sử dụng trong một số chuyên khoa, vật liệu thay thế, vật liệu cấy ghép				
1	Bộ vật tư dùng trong phẫu thuật nội soi cột sống 2 công				
1,1	Lưỡi cắt đốt bằng sóng cao tần Plasma dùng bên ngoài ống tủy sống trong phẫu thuật nội soi cột sống 2 công	- Sử dụng công nghệ Plasma giúp kiểm soát nhiệt độ chỉ khoảng 40–70 độ - Chất liệu cách điện trên đầu lưỡi gồm sứ để đảm bảo an toàn - Góc nghiêng của lưỡi cắt đốt ≤ 90 độ - Tiệt trùng sẵn, sử dụng một lần.	Cái	80	24
1,2	Lưỡi cắt đốt bằng sóng cao tần plasma, đầu lưỡi đốt uốn được dùng trong phẫu thuật nội soi cột sống hai công	- Sử dụng công nghệ Plasma giúp kiểm soát nhiệt độ chỉ khoảng 40–70 độ - Đường kính đầu đốt $\leq 2,8$mm, chiều dài làm việc ≤ 135mm - Đầu lưỡi đốt uốn được 28 độ, điều khiển trực tiếp trên tay cầm - Tiệt trùng sẵn, sử dụng một lần.	Cái	80	24
1,3	Lưỡi cắt đốt sóng cao tần Plasma, đầu lưỡi hình móc câu dùng trong nội soi cột sống hai công	- Sử dụng công nghệ Plasma giúp kiểm soát nhiệt độ chỉ khoảng 40–70 độ C - Đường kính đầu đốt $\leq 3,8$mm, chiều dài làm việc ≤ 120mm - Đầu lưỡi cắt đốt hình móc câu - Tiệt trùng sẵn, sử dụng một lần.	Cái	80	24
1,4	Dây bơm nước dùng trong phẫu thuật nội soi	- Vật liệu: Silicone (đoạn gắn vào bơm), PVC (các đoạn dây dẫn chính và phụ), ABS (các đầu nối). - Tổng chiều dài: 4.4 mét (Gồm đoạn Silicone 30cm, PVC 110cm, 2 nhánh PVC 25cm, PVC 2.5m). - Có thể điều chỉnh lực hút và mức dòng chảy. - Sử dụng một lần - Được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (EtO) và niêm phong trong bao gói Tyvek kép, tạo thành lớp chắn tiệt khuẩn hai cấp độ.	Cái	80	24

4,5	Mũi khoan mài các cỡ dùng cho nội soi	- Mũi mài thiết kế dùng trong nội soi cột sống - Thiết kế đầu mũi mài hình cầu - Đường kính mũi có các cỡ 3mm và 4mm - Chiều dài làm việc: có tối thiểu 02 loại trong khoảng 100 đến 130mm - Mũi mài dùng cho tay mài dạng mảnh (đường kính ống 4.5 - 5.0mm) - Mũi mài tương thích với tay mài mảnh, có thiết kế dạng không có đầu bảo vệ và tối thiểu có 02 lựa chọn đầu bảo vệ - Tốc độ tối đa ≥ 20.000 vòng/phút - Tiệt trùng sẵn, sử dụng một lần - Xuất xứ EU	Cái	80	24
1,6	Bộ khăn phẫu thuật nội soi	- Bộ khăn bao gồm: 01 khăn trải bàn dụng cụ, kích thước $\geq 165 \times 200$cm 04 khăn thấm, kích thước $\geq 30 \times 40$cm 01 bao kính chắn chì, kích thước $\geq 75 \times 100$cm 01 bao chụp đầu đèn, kích thước $\geq 60 \times 60$cm 01 khăn chụp, kích thước $\geq 240 \times 410$cm - Thiết kế có túi chứa dịch - Tiệt trùng EO, sử dụng một lần	Cái	80	24
2	Bộ nẹp vít cố định cổ sau				
2.1	Vít đa trục cố định cổ sau	Vít được E15:E18 làm từ Titanium(Ti6Al4V Eli ISO 5832-3) - GRADE V Chiều cao 10,4 mm, Chiều rộng 8,6 mm. - Đường kính : 3.5/4.0/4.5 - Chiều dài : từ 10-32mm - Ren vít xoắn ốc, khoảng cách bước ren: 2,5mm, Độ sâu bước ren: 0,75 mm. - Phạm vi chuyển động góc của thân vít là 57° - Sản phẩm được chứng nhận FDA. - Xuất xứ G7.	Cái	40	12
2.2	Thanh dọc Rod Ø3.5mm	Thanh Rod được làm từ Titanium(Ti6Al4V Eli ISO 5832-3) - GRADE V - Thanh có chiều dài từ 40/80/120/200mm - Sản phẩm được chứng nhận FDA. - Xuất Xứ : G7.	Cái	20	6
2.3	Nẹp nối chằm cổ sau	Nẹp được làm từ Titanium(Ti6Al4V Eli ISO 5832-3) - GRADE V - Nẹp có độ dày 2mm. - Chiều rộng từ 17,20,23mm. - Nẹp có hai trụ Ø10.0 mm gắn thanh Rod có đường kính Ø3.5 mm, ốc khóa thanh M6 - Nẹp có 4 lỗ bắt vít 4.0 và 4.5 - Sản phẩm được chứng nhận FDA. - Xuất Xứ : G7.	Cái	2	1

2.4	Vít Nẹp dọc cột sống cổ sau	Vít được làm từ Titanium(Ti6Al4V Eli ISO 5832-3) - GRADE V - Vít có đường kính 4mm. - Vít có chiều dài từ 4,5,6,7,8,9mm - Đầu vít lục giác 2.5mm - Sản phẩm được chứng nhận FDA. - Xuất Xứ : G7.	Cái	8	2
3	Kẹp cầm máu da đầu	Kẹp cầm máu da đầu, đóng gói tiệt trùng, dùng 1 lần. - Vật liệu: nhựa POM (polyoxymethylene) - Một tay cầm được làm bằng nhôm và được anot hóa, tay cầm còn lại được làm bằng nhựa PEEK - Cầm máu da đầu tạm thời trong quá trình phẫu thuật sọ não. - Quy cách đóng gói: 10 cái kẹp cầm máu/băng - 1 Hộp 20 băng Đạt tối thiểu tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái	200	60
4	Miếng vá màng cứng tự tiêu		Bộ		
4.1	Miếng vá màng cứng tự tiêu (6x8CM)	- Miếng vá màng cứng tự tiêu Lyoplant là miếng vá từ collagen nguyên chất, được lấy từ màng ngoài tim bò. - Việc đông khô nhẹ nhàng đảm bảo miếng vá màng cứng tự tiêu Lyoplant giữ được cấu trúc sợi xốp, tạo điều kiện làm lành tốt sau khi cấy ghép. - Sau khi cấy, Miếng vá màng cứng tự tiêu Lyoplant bị phân hủy từ từ theo cơ chế enzyme và được thay thế bằng mô liên kết nội sinh. Tái sinh hoàn toàn diễn ra trong khoảng thời gian từ 1 đến 3 tháng. - Miếng vá màng cứng tự tiêu Lyoplant được khử trùng bằng ethylene oxide. - Được cố định bằng chỉ khâu không tiêu (polyester và polypropylen) để đảm bảo độ kín và ngăn rò rỉ dịch não tủy - Kích thước 6x8CM Đạt tối thiểu tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái	100	30
4.2	Miếng vá màng cứng tự tiêu (4x10CM)	- Miếng vá màng cứng tự tiêu Lyoplant là miếng vá từ collagen nguyên chất, được lấy từ màng ngoài tim bò. - Việc đông khô nhẹ nhàng đảm bảo miếng vá màng cứng tự tiêu Lyoplant giữ được cấu trúc sợi xốp, tạo điều kiện làm lành tốt sau khi cấy ghép. - Sau khi cấy, Miếng vá màng cứng tự tiêu Lyoplant bị phân hủy từ từ theo cơ chế enzyme và được thay thế bằng mô liên kết nội sinh. Tái sinh hoàn toàn diễn ra trong khoảng thời gian từ 1 đến 3 tháng. - Miếng vá màng cứng tự tiêu Lyoplant được khử trùng bằng ethylene oxide. - Được cố định bằng chỉ khâu không tiêu (polyester và polypropylen) để đảm bảo độ kín và ngăn rò rỉ dịch não tủy - Kích thước 4x10CM Đạt tối thiểu tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái	100	30

4.3	Miếng vá màng cứng tự tiêu (4x5CM)	- Miếng vá màng cứng tự tiêu Lyopplant là miếng vá từ collagen nguyên chất, được lấy từ màng ngoài tim bò. - Việc đông khô nhẹ nhàng đảm bảo miếng vá màng cứng tự tiêu Lyopplant giữ được cấu trúc sợi xóp, tạo điều kiện làm lành tốt sau khi cấy ghép. - Sau khi cấy, Miếng vá màng cứng tự tiêu Lyopplant bị phân hủy từ từ theo cơ chế enzyme và được thay thế bằng mô liên kết nội sinh. Tái sinh hoàn toàn diễn ra trong khoảng thời gian từ 1 đến 3 tháng. - Miếng vá màng cứng tự tiêu Lyopplant được khử trùng bằng ethylene oxide. - Được cố định bằng chỉ khâu không tiêu (polyester và polypropylen) để đảm bảo độ kín và ngăn rò rỉ dịch não tủy - Kích thước 4x5CM - Đạt tối thiểu tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái	100	30
5	Kẹp mạch máu não	- Bao gồm 2 loại: Kẹp tiêu chuẩn vĩnh viễn và kẹp tiêu chuẩn với thiết kế lỗ cửa sổ vĩnh viễn. Phần lò xo mạ màu xanh, phần lưỡi mạ màu bạc. Đóng gói tiệt trùng. - Vật liệu: Titanium. Không bị nhiễm từ khi chụp MRI - Loại kẹp tiêu chuẩn vĩnh viễn: + Hình dạng: thẳng + Chiều dài lưỡi từ 9mm đến 15mm + Lực đóng từ 1.77N đến 1.96N + Độ mở từ 7.0mm đến 9.2mm - Loại kẹp tiêu chuẩn có lỗ cửa sổ vĩnh viễn: + Hình dạng: thẳng + Chiều dài lưỡi từ 6/12.7mm đến 9/15.7mm + Lực đóng từ 1.47N + Độ mở từ 7.9mm đến 9.1mm + Đường kính lỗ cửa sổ 5mm - Có dụng cụ gắn kẹp - Xuất xứ G7. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái	300	90
5.1	Kẹp mạch máu não	- Bao gồm 2 loại: Kẹp tiêu chuẩn vĩnh viễn và kẹp tiêu chuẩn với thiết kế lỗ cửa sổ vĩnh viễn. Phần lò xo mạ màu xanh, phần lưỡi mạ màu bạc. Đóng gói tiệt trùng. - Vật liệu: Titanium. Không bị nhiễm từ khi chụp MRI - Loại kẹp tiêu chuẩn vĩnh viễn: + Hình dạng: cong + Chiều dài lưỡi từ 8.3mm đến 13.7mm + Lực đóng từ 1.77N đến 1.96N + Độ mở từ 6.8mm đến 8.7mm - Loại kẹp tiêu chuẩn có lỗ cửa sổ vĩnh viễn: + Hình dạng: cong + Chiều dài lưỡi từ 5/6.7mm đến 7.5/6.7mm + Lực đóng từ 1.47N + Độ mở 5.5mm + Đường kính lỗ cửa sổ 5mm - Có dụng cụ gắn kẹp - Xuất xứ G7. Đạt tiêu chuẩn: ISO, CE	Cái		

6	Ghim kẹp hộp sọ tự tiêu (6 CRANIOFIX BURR HOLE CLAMP ABSORB.16MM)	Ghim kẹp hộp sọ tự tiêu. - Gồm 2 đĩa nẹp, chỉ buộc được thắt nút trước để kết nối 2 đĩa và 1 dụng cụ chuyên dụng bằng nhựa, được kết nối với bộ phận cấy ghép bằng chỉ khâu thắt nút trước - Không cần dùng dụng cụ hỗ trợ. - Vật liệu đĩa nẹp: Polyester tự tiêu [Poly (L-lactide-co-D, L-Lactide) 70:30] - Không ảnh hưởng tới việc phát triển hộp sọ ở bệnh nhân, phù hợp sử dụng cho bệnh nhi. - Hiệu quả thẩm mỹ cao đặc biệt ở khu vực xương trán. - Đường kính đĩa nẹp: có 2 kích thước 11mm và 16mm - Tự tiêu hoàn toàn sau 2-3 năm - Không bị nhiễm từ khi chụp MRI - Đóng gói vô trùng. Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	Cái	500	150
7	Miếng Vá Màng Cứng Sinh Học LYOPLANT ONLAY 7.5X7.5CM	Miếng vá màng cứng tự tiêu. Có 2 lớp - Lớp đầu tiên là collagen có độ tinh khiết cao được sản xuất từ màng ngoài tim bò - Lớp thứ hai là thành phần collagen có độ tinh khiết cao, được làm từ lớp dưới da bò. - Được thiết kế để đặt nằm phủ lên vùng khuyết tật, với các cạnh chồng lên màng cứng xung quanh khoảng 1 cm. Kỹ thuật đặt phù tạo độ kín dịch cao giúp ngăn ngừa rò rỉ dịch não tủy và tiết kiệm thời gian phẫu thuật. Có thể sử dụng keo fibrin để hỗ trợ làm kín, và có thể khâu nếu cần thiết. - Giúp thay thế và mở rộng cấu trúc mô liên kết trong phẫu thuật thần kinh, bao gồm sọ não và cột sống - Tế bào mô liên kết xâm nhập và tái tạo thành mô liên kết của cơ thể trong vòng 1-3 tháng. - Kích thước: 7.5 X 7.5cm Đạt tiêu chuẩn ISO, CE	Cái	200	60
8	Dẫn lưu dịch não tủy não thất - ổ bụng tự điều chỉnh áp lực	Dẫn lưu dịch não tủy não thất - ổ bụng tự điều chỉnh áp lực bao gồm: - Bộ phận điều chỉnh và bộ phận trọng lực - Sự kết hợp giữa bộ phận điều chỉnh và bộ phận trọng lực với ống thông xa tích hợp (1200 mm) - Ống thông não thất với cây luồn dẫn hướng (180 mm) - Ống thông não thất với bộ định hướng và cây luồn dẫn hướng (250 mm) - Cơ chế Active-Lock (khóa hoạt động) của proGAV® 2.0 ngăn ngừa việc điều chỉnh van không mong muốn bằng từ trường bên ngoài lên đến 3 Tesla (3-5). - Van trọng lực Miethke mang đến khả năng bảo vệ cao nhằm chống lại các biến chứng do dẫn lưu quá mức trong liệu pháp điều trị não úng thủy (6-8). - Bộ phận điều chỉnh có thể được điều chỉnh theo bước 1 cmH2O trong khoảng từ 0 đến 20 cmH2O - Bộ phận trọng lực được cung cấp ở các mức áp suất khác nhau	Bộ	50	15

9	Đinh Kirschner các cỡ	Đinh Kirschner được làm từ chất liệu thép không gỉ. Đinh có các đường kính 1.0/1.2/1.5/1.8/2.0/2.5/3.0 mm. Chiều dài đinh với các kích thước 150 mm, 225 mm, 300 mm. Đạt tiêu chuẩn ISO 13485	Cái	819	246
10	Khung cố định ngoài + đinh	Gồm 1 thanh cong hoặc thẳng, 1 thanh thép 316 thẳng 8x300mm, 1 thanh răng thép 316 6x230-250mm, 12 khối chữ nhật, 25 bu lông, 4 đai ốc thép không rỉ, 6 đinh Schanz.	Cái	2	1
11	Đinh nội tủy xương chày, đường kính các cỡ, chất liệu Titanium	* Đinh nội tủy xương chày rỗng nòng: + Đường kính đầu đinh 12mm. + Đường kính thân đinh có các cỡ 8.0/9.0/10.0/11.0 mm tương ứng với đường kính nòng rỗng là 4.5/5.0/6.0/6.0 mm. Chiều dài đinh từ 26 cm - 40 cm. Bước tăng 2 cm; Đầu gần có 2 lỗ dùng vít liên khóa 4.9mm, đầu xa có 3 lỗ dùng vít liên khóa 3.9mm hoặc 4.9mm. Chất liệu titanium cấp độ 5 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, 1 CFS	Cái	100	30
12	Vít liên khóa 3.9 mm các cỡ, chất liệu Titanium	Vít liên khóa 3.9 mm được làm từ chất liệu Titanium, cấp độ 5. Đường kính mũ vít 8.0mm với độ cao 4.4mm, đầu lục giác vặn vít đường kính 3.5 mm, sâu 2.8 mm. Độ rộng thân vít không gồm phần ren 2.9 mm, gồm cả ren 3.9 mm, chiều dài từ 18 mm - 50 mm, bước tăng 2 mm. Tương thích với Đinh nội tủy cùng hãng sản xuất	Cái	600	180
13	Đinh nội tủy xương đùi, đường kính các cỡ, chất liệu Titanium	* Đinh nội tủy xương đùi rỗng nòng: + Đường kính đầu đinh 13mm. + Đường kính thân đinh có các cỡ 9.0/10.0/11.0/12.0 mm tương ứng với đường kính nòng rỗng là 4.5/5.0/6.0/6.0 mm. Chiều dài đinh từ 34 cm - 48 cm. Bước tăng 2 cm. Đầu gần có 3 lỗ dùng vít liên khóa 4.9mm, đầu xa có 3 lỗ dùng vít liên khóa 3.9mm hoặc 4.9mm. Chất liệu titanium cấp độ 5 Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, CE, 1 CFS	Cái	150	45
14	Vít liên khóa 4.9 mm các cỡ, chất liệu Titanium	'Vít liên khóa 4.9 mm được làm từ chất liệu Titanium, cấp độ 5. Đường kính mũ vít 8.0mm với độ cao 4.4mm, đầu lục giác vặn vít đường kính 3.5 mm, sâu 2.8 mm. Độ rộng thân vít không gồm phần ren 3.9 mm, gồm cả ren 4.9 mm, chiều dài từ 20 mm - 80 mm, bước tăng 2 mm trong dài từ 20 mm - 70mm, bước tăng 5 mm trong dài từ 70 mm - 80 mm. Tương thích với Đinh nội tủy cùng hãng sản xuất.	Cái	600	180

15	Nẹp dùng cho phẫu thuật gãy xương	Nẹp khóa mặt lòng đầu dưới xương quay (Đầu 4 Lỗ) 2.4 mm: Thân nẹp được thiết kế với các lỗ có ren hoặc không ren nhằm lắp đặt hệ vít phù hợp với chỉ định của bác sĩ đối với từng ca phẫu thuật thực tế. - Số lỗ khóa phần đầu nẹp 4 lỗ - Sử dụng vít khóa chống tuôn, lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi chống tuôn, đường kính 2.4 mm và vít vỏ 2.4 mm nâng đỡ mặt khớp phù hợp với tất cả ổ gãy. - Độ dày nẹp 2.0 mm, Chiều rộng thân nẹp 9.2 mm, khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 9.0 mm - Chiều dài nẹp từ 37 - 73 mm. - Vật liệu Titanium (Titanium-64AL-4V) Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136 Tiệt trùng. Xuất xứ: G7	Cái	100	30
16	Nẹp dùng cho phẫu thuật gãy xương	Nẹp khóa đỡ mặt lòng đầu dưới xương quay (Đầu 8 Lỗ) 2.4 mm: Thân nẹp được thiết kế với các lỗ có ren hoặc không ren nhằm lắp đặt hệ vít phù hợp với chỉ định của bác sĩ đối với từng ca phẫu thuật thực tế. - Số lỗ khóa phần đầu nẹp: 8 lỗ - Sử dụng vít khóa chống tuôn, lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi chống tuôn, đường kính 3.5 mm và vít vỏ 3.5 mm nâng đỡ mặt khớp phù hợp với tất cả ổ gãy. - Độ dày nẹp 2.5 mm, Chiều rộng thân nẹp 10.3 mm, khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 11.0 mm - Chiều dài nẹp từ 47- 91 mm - Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136 Tiệt trùng Xuất xứ: G7	Cái	100	30
17	Nẹp dùng cho phẫu thuật gãy xương	Nẹp khóa xương đòn có móc 3.5 mm: Thân nẹp được thiết kế với các lỗ có ren hoặc không ren nhằm lắp đặt hệ vít phù hợp với chỉ định của bác sĩ đối với từng ca phẫu thuật thực tế. - Số lỗ phần đầu nẹp 1 lỗ - Sử dụng vít khóa chống tuôn, lỗ vít có ren chống tuôn đường kính 3.5 mm và vít vỏ 3.5 mm. - Độ dày nẹp 4.0 mm, Chiều rộng thân nẹp 10.7 mm, khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 16.0 mm - Chiều dài nẹp từ 53 - 101 mm - Có nẹp trái và nẹp phải Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136 Tiệt trùng Xuất xứ: G7	Cái	100	30

18	Nẹp dùng cho phẫu thuật gãy xương	Nẹp khóa đầu dưới xương đòn 3.5 mm: Thân nẹp được thiết kế với các lỗ có ren hoặc không ren nhằm lắp đặt hệ vít phù hợp với chỉ định của bác sĩ đối với từng ca phẫu thuật thực tế. - Số lỗ khóa phần đầu nẹp: 6 lỗ - Đầu nẹp sử dụng vít khóa chống tuôn đường kính 2.7 mm - Thân nẹp sử dụng vít khóa chống tuôn và vít vỏ 3.5 mm, - Độ dày nẹp 3.0 mm, chiều rộng thân nẹp 11.0 mm, khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 14.0 mm - Chiều dài nẹp từ 80 - 135 mm Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136 Tiệt trùng. Xuất xứ: G7	Cái	100	30
19	Nẹp dùng cho phẫu thuật gãy xương	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay 3.5 mm: Thân nẹp được thiết kế với các lỗ có ren hoặc không ren nhằm lắp đặt hệ vít phù hợp với chỉ định của bác sĩ đối với từng ca phẫu thuật thực tế. - Số lỗ khóa phần đầu nẹp: 9 lỗ 3.5 mm và 1 lỗ 2.7 mm - Thân nẹp sử dụng vít khóa chống tuôn đường kính 3.5 mm và vít vỏ 3.5 mm - Độ dày nẹp 3.5 mm, Chiều rộng thân nẹp 14.0 mm, khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 12.0 mm - Chiều dài nẹp từ 80 - 128 mm Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136 Tiệt trùng Xuất xứ: G7	Cái	100	30
20	Nẹp dùng cho phẫu thuật gãy xương	Nẹp khóa mặt lưng đầu dưới xương cánh tay có móc đỡ 2.7/3.5 mm: Thân nẹp được thiết kế với các lỗ có ren hoặc không ren nhằm lắp đặt hệ vít phù hợp với chỉ định của bác sĩ đối với từng ca phẫu thuật thực tế. - Số lỗ khóa phần đầu nẹp: 6 lỗ - Đầu nẹp sử dụng vít khóa chống tuôn đường kính 2.7 mm - Thân nẹp sử dụng vít khóa chống tuôn 3.5 mm và vít vỏ 3.5 mm - Độ dày nẹp 2.5 mm, Chiều rộng thân nẹp 11.5 mm, khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 13.0 mm - Chiều dài nẹp từ 53 - 131 mm Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136 Tiệt trùng . Xuất xứ: G7	Cái	100	30

21	Nẹp dùng cho phẫu thuật gãy xương	Nẹp khóa mặt lưng đầu dưới xương cánh tay không móc đỡ 2.7/3.5 mm: Thân nẹp được thiết kế với các lỗ có ren hoặc không ren nhằm lắp đặt hệ vít phù hợp với chỉ định của bác sĩ đối với từng ca phẫu thuật thực tế. - Số lỗ khóa phần đầu nẹp: 4 lỗ - Phần đầu của nẹp sử dụng vít khóa chống tuôn đường kính 2.7 mm - Thân nẹp sử dụng vít khóa chống tuôn 3.5 mm và vít vỏ 3.5mm - Độ dày nẹp 2.5 mm, Chiều rộng thân nẹp 11.5 mm, khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 13.0 mm - Chiều dài nẹp 66 mm, 92 mm và 118 mm, tương ứng với nẹp 3, 5 và 7 lỗ, Có nẹp trái và nẹp phải Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136 Tiệt trùng Xuất xứ: G7	Cái	50	15
22	Nẹp dùng cho phẫu thuật gãy xương	Nẹp khóa bản nhỏ 3.5 mm: Thân nẹp được thiết kế với các lỗ có ren hoặc không ren nhằm lắp đặt hệ vít phù hợp với chỉ định của bác sĩ đối với từng ca phẫu thuật thực tế. - Nẹp sử dụng vít khóa chống tuôn đường kính 3.5 mm và vít vỏ 3.5 mm. - Độ dày nẹp 3.5 mm, Chiều rộng 11.0 mm, Khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 13.0 mm - Chiều dài nẹp từ 59 - 137 mm Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136 Tiệt trùng Xuất xứ: G7	Cái	100	30
23	Nẹp dùng cho phẫu thuật gãy xương	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt trong 3.5 mm: Thân nẹp được thiết kế với các lỗ có ren hoặc không ren nhằm lắp đặt hệ vít phù hợp với chỉ định của bác sĩ đối với từng ca phẫu thuật thực tế. - Số lỗ khóa phần đầu nẹp: 3 lỗ - Thân nẹp sử dụng vít khóa chống tuôn đường kính 3.5 mm và vít vỏ 3.5 mm - Độ dày nẹp 4.0 mm, Chiều rộng thân nẹp 11.7 mm, Khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 13.0 mm - Chiều dài nẹp từ 80 - 184 mm Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136 Tiệt trùng . Xuất xứ: G7	Cái	100	30

24	Nẹp dùng cho phẫu thuật gãy xương	Nẹp khóa trước bên đầu dưới xương chày 3.5 mm: Thân nẹp được thiết kế với các lỗ có ren hoặc không ren nhằm lắp đặt hệ vít phù hợp với chỉ định của bác sĩ đối với từng ca phẫu thuật thực tế. - Số lỗ khóa phần đầu: nẹp 6 lỗ - Thân nẹp sử dụng vít khóa chống tuôn đường kính 3.5 mm và vít vỏ 3.5 mm - Độ dày nẹp 4.0 mm, Chiều rộng thân nẹp 14.0 mm, Khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 13.0 mm - Chiều dài nẹp từ 69 - 173 mm Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136 Tiệt trùng . Xuất xứ: G7	Cái	50	15
25	Nẹp dùng cho phẫu thuật gãy xương	Nẹp khóa trung tâm đầu dưới xương chày không đỡ 3.5 mm: Thân nẹp được thiết kế với các lỗ có ren hoặc không ren nhằm lắp đặt hệ vít phù hợp với chỉ định của bác sĩ đối với từng ca phẫu thuật thực tế. - Số lỗ khóa phần đầu nẹp: 8 lỗ 3.5 mm, 1 lỗ 2.7 mm - Thân nẹp sử dụng vít khóa chống tuôn đường kính 3.5 mm và vít vỏ 3.5 mm - Độ dày nẹp 4.0 mm, Chiều rộng thân nẹp 15.0 mm, Khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 13.0 mm - Chiều dài nẹp 96 - 226 mm - có nẹp trái và nẹp phải Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136 Tiệt trùng Xuất xứ: G7	Cái	100	30
26	Nẹp dùng cho phẫu thuật gãy xương	Nẹp khóa mặt bên đầu dưới xương mác 3.5 mm: Thân nẹp được thiết kế với các lỗ có ren hoặc không ren nhằm lắp đặt hệ vít phù hợp với chỉ định của bác sĩ đối với từng ca phẫu thuật thực tế. - Số lỗ khóa phần đầu nẹp: 5 lỗ - Nẹp sử dụng vít khóa chống tuôn đầu mặt khớp đường kính 3.5 mm - Thân nẹp sử dụng vít khóa chống tuôn đường kính 3.5 mm và vít vỏ 3.5 mm - Độ dày nẹp 2.0 mm, Chiều rộng thân nẹp 10.4 mm, - Chiều dài nẹp 65 - 125 mm Khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 12.0 mm Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136 Tiệt trùng Xuất xứ: G7	Cái	100	30

27	Nẹp dùng cho phẫu thuật gãy xương	- Nẹp khóa bản rộng 4.5/5.0 mm: Thân nẹp được thiết kế với các lỗ có ren hoặc không ren nhằm lắp đặt hệ vít phù hợp với chỉ định của bác sĩ đối với từng ca phẫu thuật thực tế. - Nẹp sử dụng vít khóa đường kính 5 mm và vít vò 4.5 mm - Lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi chống tuôn - Độ dày nẹp 5.4 mm, Chiều rộng thân nẹp 17.5 mm, Khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 18.0 mm - Chiều dài nẹp từ 80 - 314 mm Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136 Tiệt trùng. Xuất xứ: G7	Cái	200	60
28	Nẹp dùng cho phẫu thuật gãy xương	Nẹp khóa đầu trên xương đùi 4.5/5.0 mm: Thân nẹp được thiết kế với các lỗ có ren hoặc không ren nhằm lắp đặt hệ vít phù hợp với chỉ định của bác sĩ đối với từng ca phẫu thuật thực tế. - Số lỗ khóa phần đầu nẹp: 3 lỗ - Đầu nẹp sử dụng vít khóa rỗng ruột 7.3mm và vít khóa 5 mm - Thân nẹp sử dụng vít khóa đường kính 5 mm và vít vò 4.5 mm - Lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi chống tuôn - Độ dày nẹp 6.0 mm, Chiều rộng thân nẹp 18.8 mm, Khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 18.0 mm - Chiều dài nẹp từ 192 - 300 mm Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136 Tiệt trùng Xuất xứ: G7	Cái	100	30
29	Nẹp dùng cho phẫu thuật gãy xương	Nẹp khóa đầu trên xương đùi có móc 4.5/5.0 mm: Thân nẹp được thiết kế với các lỗ có ren hoặc không ren nhằm lắp đặt hệ vít phù hợp với chỉ định của bác sĩ đối với từng ca phẫu thuật thực tế. - Số khóa lỗ phần đầu nẹp: 3 lỗ - Đầu nẹp sử dụng vít khóa rỗng ruột 7.3mm và vít khóa 5 mm - Thân nẹp sử dụng vít khóa đường kính 5 mm và vít vò 4.5 mm - Lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi chống tuôn - Độ dày nẹp 6.0 mm, Chiều rộng thân nẹp 18.8 mm, Khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 18.0 mm - Chiều dài nẹp từ 192 - 300 mm Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136 Tiệt trùng. Xuất xứ: G7	Cái	50	15

30	Nẹp dùng cho phẫu thuật gãy xương	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi 4.5/5.0 mm: Thân nẹp được thiết kế với các lỗ có ren hoặc không ren nhằm lắp đặt hệ vít phù hợp với chỉ định của bác sĩ đối với từng ca phẫu thuật thực tế. - Số lỗ khóa phần đầu nẹp: 7 lỗ - Đầu nẹp sử dụng vít khóa 5.0 mm - Thân nẹp sử dụng vít khóa chống tuôn đường kính 5 mm và vít vỏ 4.5 mm, Lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi chống tuôn - Độ dày nẹp 6.3 mm, Chiều rộng thân nẹp 17.5 mm, Khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 20.0 mm - Chiều dài nẹp từ 136 - 376 mm Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136 Tiệt trùng. Xuất xứ: G7	Cái	100	30
31	Nẹp dùng cho phẫu thuật gãy xương	Nẹp khóa đầu trên xương chày mặt ngoài 4.5/5.0 mm: Thân nẹp được thiết kế với các lỗ có ren hoặc không ren nhằm lắp đặt hệ vít phù hợp với chỉ định của bác sĩ đối với từng ca phẫu thuật thực tế. - Số lỗ phần đầu nẹp 5 lỗ - Đầu nẹp sử dụng vít khóa 5.0 mm - Thân nẹp sử dụng vít khóa chống tuôn đường kính 5 mm và vít vỏ 4.5 mm, Lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi chống tuôn - Độ dày nẹp 5 mm, Chiều rộng thân nẹp 17.5 mm, Khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 20.0 mm - Chiều dài nẹp từ 123 - 283 mm Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136 Tiệt trùng Xuất xứ: G7	Cái	100	30
32	Nẹp dùng cho phẫu thuật gãy xương	Nẹp khóa bản hẹp 4.5/5.0 mm: Thân nẹp được thiết kế với các lỗ có ren hoặc không ren nhằm lắp đặt hệ vít phù hợp với chỉ định của bác sĩ đối với từng ca phẫu thuật thực tế. - Nẹp sử dụng vít khóa chống tuôn đường kính 5 mm và vít vỏ 4.5 mm, Lỗ vít trên thân nẹp có ren khóa đôi chống tuôn - Độ dày nẹp 4.4 mm, Chiều rộng thân nẹp 14 mm, Khoảng cách giữa các lỗ thân nẹp 18.0 mm - Chiều dài nẹp từ 116 - 242 mm Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136 Tiệt trùng. Xuất xứ: G7	Cái	100	30

33	Vít dùng cho phẫu thuật gãy xương	Vít khóa tự ta ro 2.4 mm: Thiết kế của đầu Vít tương thích với bộ dụng cụ phẫu thuật (Instrument Set) dành riêng trong chấn thương chỉnh hình. - Đường kính vít (đường kính ren) vít $2.4 \text{ mm} \pm 0.05 \text{ mm}$ - Đường kính lõi vít $1.9 \text{ mm} \pm 0.05 \text{ mm}$ - Đường kính mũ vít (đầu vít) $3.4 \text{ mm} \pm 0.05 \text{ mm}$, lỗ hình sao $2.3 \pm 0.05 \text{ mm}$ - Góc ren vít 60°, bước ren $0.6 \pm 0.05 \text{ mm}$ - Mũi vít chiều sâu rãnh vát $1.2 \pm 0.1 \text{ mm}$, chiều dài rãnh vát $3.0 \pm 0.1 \text{ mm}$ - Chiều dài từ 6-30mm bước tăng 2 mm - Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136. - Tiệt trùng - Xuất xứ: G7	Cái	600	180
34	Vít dùng cho phẫu thuật gãy xương	Vít khóa tự ta ro 2.7 mm: Thiết kế của đầu Vít tương thích với bộ dụng cụ phẫu thuật (Instrument Set) dành riêng trong chấn thương chỉnh hình. - Đường kính vít (đường kính ren) $2.7 \text{ mm} \pm 0.05 \text{ mm}$ - Đường kính lõi vít $2.1 \text{ mm} \pm 0.05 \text{ mm}$ - Đường kính mũ vít $3.4 \text{ mm} \pm 0.05 \text{ mm}$, lỗ hình sao $2.5 \pm 0.05 \text{ mm}$ - Góc ren vít 60°, bước ren $0.6 \pm 0.05 \text{ mm}$ - Mũi vít chiều sâu rãnh vác $1.3 \text{ mm} \pm 0.1 \text{ mm}$, chiều dài rãnh vác $3.0 \text{ mm} \pm 0.1 \text{ mm}$. - Chiều dài từ 10-30mm bước tăng 2 mm - Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136. - Tiệt trùng - Xuất xứ: G7	Cái	600	180
35	Vít dùng cho phẫu thuật gãy xương	Vít khóa tự ta ro 3.5 mm: Thiết kế của đầu Vít tương thích với bộ dụng cụ phẫu thuật (Instrument Set) dành riêng trong chấn thương chỉnh hình. - Đường kính vít (đường kính ren) $\pm 0.05 \text{ mm}$ - Đường kính lõi vít $2.9 \text{ mm} \pm 0.05 \text{ mm}$ - Đường kính mũ vít (đầu vít) $4.9 \text{ mm} \pm 0.05 \text{ mm}$, lỗ lục giác $2.5 \pm 0.05 \text{ mm}$ - Góc ren vít 60°, bước ren $0.8 \text{ mm} \pm 0.05 \text{ mm}$ - Mũi vít chiều sâu rãnh vác $1.7 \text{ mm} \pm 0.1 \text{ mm}$, chiều dài rãnh vác $4.8 \text{ mm} \pm 0.1 \text{ mm}$ - Chiều dài từ 12-60 mm bước tăng 2 mm - Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136. - Tiệt trùng. - Xuất xứ: G7	Cái	3.000	900

36	Vít dùng cho phẫu thuật gãy xương	Vít khóa tự ta ro 5.0 mm: Thiết kế của đầu Vít tương thích với bộ dụng cụ phẫu thuật (Instrument Set) dành riêng trong chấn thương chỉnh hình - Đường kính vít (đường kính ren) 5.0 mm $\pm$ 0.05 mm - Đường kính lõi vít 4.2 mm $\pm$ 0.05 mm - Đường kính mũ vít (đầu vít) $\pm$ 0.05 mm - Chiều dài từ 12-90 mm Góc ren vít 60°, bước ren 1.00 mm $\pm$ 0.05 mm Mũi vít chiều sâu rãnh vác 2.5mm $\pm$ 0.1 mm chiều dài rãnh vác 5.4mm $\pm$ 0.1mm - Chiều dài từ 12-50 mm bước tăng 2 mm, từ 50-90 mm bước tăng 5 mm. Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136. Tiệt trùng. Xuất xứ: G7	Cái	2.000	600
37	Vít dùng cho phẫu thuật gãy xương	Vít vỏ (xương cứng) tự ta ro 2.4 mm: Thiết kế của đầu Vít tương thích với bộ dụng cụ phẫu thuật (Instrument Set) dành riêng trong chấn thương chỉnh hình - Đường kính vít (đường kính ren) 2.4 mm $\pm$ 0.05 mm - Đường kính lõi vít 1.7 mm $\pm$ 0.05 mm - Đường kính mũ vít (đầu vít) 3.9 mm $\pm$ 0.05 mm, lỗ hình sao 2.3 $\pm$ 0.05 mm - Bước ren 1.00 mm $\pm$ 0.05 mm - Mũi vít chiều sâu rãnh vác 1.2 mm $\pm$ 0.1 mm, chiều dài rãnh vác 2.5mm $\pm$ 0.1 mm Chiều dài từ 6-30mm bước tăng 2 mm Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136. Tiệt trùng Xuất xứ: G7	Cái	3.000	900
38	Vít dùng cho phẫu thuật gãy xương	Vít vỏ (xương cứng) tự ta ro 2.7 mm: Thiết kế của đầu Vít tương thích với bộ dụng cụ phẫu thuật (Instrument Set) dành riêng trong chấn thương chỉnh hình - Đường kính vít (đường kính ren) $\pm$ 0.05 mm - Đường kính lõi vít 1.9 mm $\pm$ 0.05 mm - Đường kính mũ vít (đầu vít) 4.9 mm $\pm$ 0.05 mm lỗ lục giác 2.5 $\pm$ 0.05 mm - Bước ren 1.00 mm $\pm$ 0.05 mm - Mũi vít chiều sâu rãnh vác 1.3mm $\pm$ 0.1 mm, chiều dài rãnh vác 2.5mm $\pm$ 0.1 mm, - Chiều dài từ 10-30 mm bước tăng 2 mm Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136. Tiệt trùng. Xuất xứ: G7	Cái	200	60

39	Vít dùng cho phẫu thuật gãy xương	Vít vỏ (xương cứng) tự ta ro 3.5 mm: Thiết kế của đầu Vít tương thích với bộ dụng cụ phẫu thuật (Instrument Set) dành riêng trong chấn thương chỉnh hình. - Đường kính vít (đường kính ren) 3.5 mm $\pm$ 0.05 mm - Đường kính lõi vít 2.5 mm $\pm$ 0.05 mm - Đường kính mũ vít 5.9 mm $\pm$ 0.05 mm lỗ lục giác 2.5 $\pm$ 0.05 mm Bước ren vít 1.25 mm $\pm$ 0.05 mm Mũi vít chiều sâu rãnh vác 1.5mm $\pm$ 0.1 mm , chiều dài rãnh vác 4.00mm $\pm$ 0.1 mm - Chiều dài từ 12-50 mm bước tăng 2 mm Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136. Tiệt trùng. Xuất xứ: G7	Cái	1.000	300
40	Vít dùng cho phẫu thuật gãy xương	Vít vỏ (xương cứng) tự ta ro 4.5 mm: Thiết kế của đầu Vít tương thích với bộ dụng cụ phẫu thuật (Instrument Set) dành riêng trong chấn thương chỉnh hình. - Đường kính vít (đường kính ren) 4.5 mm $\pm$ 0.05 mm - Đường kính lõi vít 3.2 mm $\pm$ 0.05 mm - Đường kính mũ vít (đầu vít) 7.9 mm $\pm$ 0.05 mm lỗ lục giác 3.5 $\pm$ 0.05 mm - Bước ren vít 1.75mm $\pm$ 0.05 mm Mũi vít chiều sâu rãnh vác 2.3mm$\pm$ 0.1 mm, chiều dài rãnh vác 4.50mm$\pm$ 0.1 mm Chiều dài từ 12-80mm bước tăng 2 mm Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136. Tiệt trùng Xuất xứ: G7	Cái	800	240
41	Vít dùng cho phẫu thuật gãy xương	Vít xương xóp ren toàn phần tự ta ro 4.0 mm: Thiết kế của đầu Vít tương thích với bộ dụng cụ phẫu thuật (Instrument Set) dành riêng trong chấn thương chỉnh hình. - - Đường kính vít (đường kính ren) 4.0 mm $\pm$ 0.05 mm - Đường kính lõi vít 2.2 mm $\pm$ 0.05 mm - Đường kính mũ vít 5.9 mm $\pm$ 0.1 mm lỗ lục giác 2.5 $\pm$ 0.05 mm Bước ren Vít 1.8mm $\pm$ 0.05 mm - Chiều dài vít từ 14-30 mm bước tăng 2 mm, từ 30-60 bước tăng 5 mm Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136. Tiệt trùng. Xuất xứ: G7	Cái	1.000	300

42	Vít dùng cho phẫu thuật gãy xương	Vít xương xóp ren toàn phần tự ta ro 6.5 mm: Thiết kế của đầu Vít tương thích với bộ dụng cụ phẫu thuật (Instrument Set) dành riêng trong chấn thương chỉnh hình - Đường kính vít (đường kính ren) 6.5 mm $\pm$ 0.05 mm - Đường kính lõi vít 3.1 mm $\pm$ 0.05 mm - Đường kính mũ vít (đầu vít) 7.9 mm $\pm$ 0.1 mm lỗ lục giác 3.5 $\pm$ 0.05 mm - Bước ren vít 2.75mm $\pm$ 0.05 mm Chiều dài vít từ 25-100mm bước tăng 5 mm Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136. Tiệt trùng Xuất xứ: G7	Cái	500	150
43	Vít dùng cho phẫu thuật gãy xương	Vít xương xóp ren toàn phần tự ta ro 4.0 mm: Thiết kế của đầu Vít tương thích với bộ dụng cụ phẫu thuật (Instrument Set) dành riêng trong chấn thương chỉnh hình - Đường kính (đường kính ren) 4.0 mm $\pm$ 0.05 mm - Đường kính lõi vít 2.2 mm $\pm$ 0.05 mm - Đường kính mũ vít (đầu vít) 6.0 mm $\pm$ 0.1 mm , lỗ lục giác 2.5 $\pm$ 0.05 mm Bước ren vít 1.8mm $\pm$ 0.05 mm , chiều dài ren vít 16mm $\pm$ 0.1 mm - Chiều dài vít từ 30-60 mm bước tăng 5 mm Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136. Tiệt trùng Xuất xứ: G7	Cái	500	150
44	Vít dùng cho phẫu thuật gãy xương	Vít xương xóp ren 16 mm tự ta ro 6.5 mm: Thiết kế của đầu Vít tương thích với bộ dụng cụ phẫu thuật (Instrument Set) dành riêng trong chấn thương chỉnh hình. - Đường kính vít (đường kính ren) 6.5 mm $\pm$ 0.05 mm - Đường kính lõi vít 3.1 mm $\pm$ 0.05 mm - Đường kính mũ vít (đầu vít) 7.9 mm $\pm$ 0.1 mm lỗ lục giác 3.5 $\pm$ 0.05 mm Bước ren 2.75mm $\pm$ 0.05 mm, chiều dài ren vít 16mm $\pm$ 0.1 mm Chiều dài vít từ 25-100mm bước tăng 5 mm Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136. Tiệt trùng. Xuất xứ: G7	Cái	500	150

45	Vít dùng cho phẫu thuật gãy xương	Vít xương xoắn ren 32 mm tự ta ro 6.5 mm: Thiết kế của đầu Vít tương thích với bộ dụng cụ phẫu thuật (Instrument Set) dành riêng trong chấn thương chỉnh hình.. - Đường kính vít (đường kính ren) $6.5 \text{ mm} \pm 0.05 \text{ mm}$ - Lỗ lục giác $3.5 \pm 0.05 \text{ mm}$ - Đường kính lõi vít $3.1 \text{ mm} \pm 0.05 \text{ mm}$ - - Đường kính mũ vít (đầu vít) $7.9 \text{ mm} \pm 0.1 \text{ mm}$ - Lỗ lục giác $3.5 \pm 0.05 \text{ mm}$ Bước ren vít $2.75 \text{ mm} \pm 0.05 \text{ mm}$, chiều dài ren vít $32 \text{ mm} \pm 0.1 \text{ mm}$ - Chiều dài vít từ 40-120 mm bước tăng 5 mm Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136. Tiệt trùng. Xuất xứ: G7	Cái	500	150
46	Vít dùng cho phẫu thuật gãy xương	Vít rỗng ruột ren một phần , Tự taro 7.3 mm: Thiết kế của đầu Vít tương thích với bộ dụng cụ phẫu thuật (Instrument Set) dành riêng trong chấn thương chỉnh hình - Đường kính vít (đường kính ren) $7.3 \text{ mm} \pm 0.05 \text{ mm}$ - Đường kính lõi vít $5.5 \text{ mm} \pm 0.05 \text{ mm}$ - Mũ vít (đầu vít) không ren có đường kính $8.3 \text{ mm} \pm 0.05 \text{ mm}$ - Lỗ lục giác $4.5 \pm 0.05 \text{ mm}$ Bước ren vít $1.6 \text{ mm} \pm 0.05 \text{ mm}$, bán kính cong ren $0.3 \text{ mm} \pm 0.05 \text{ mm}$ Mũi vít chiều sâu rãnh vác $2.8 \text{ mm} \pm 0.1 \text{ mm}$, chiều dài rãnh vác $5.5 \text{ mm} \pm 0.1 \text{ mm}$ Đường kính lỗ rỗng $2.7 \text{ mm} \pm 0.05 \text{ mm}$ Chiều dài ren vít $38 \text{ mm} \pm 0.1 \text{ mm}$ Chiều dài vít từ 20-120mm bước tăng 5 mm Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136. Tiệt trùng Xuất xứ: G7	Cái	1.000	300
47	Vít dùng cho phẫu thuật gãy xương	Vít khóa rỗng ruột ren toàn phần , Tự taro 7.3 mm: Thiết kế của đầu Vít tương thích với bộ dụng cụ phẫu thuật (Instrument Set) dành riêng trong chấn thương chỉnh hình. - Đường kính vít (đường kính ren) $7.3 \text{ mm} \pm 0.05 \text{ mm}$ - Đường kính lõi vít $5.5 \text{ mm} \pm 0.05 \text{ mm}$ - Mũ vít (đầu vít) có ren đường kính $9.3 \text{ mm} \pm 0.05 \text{ mm}$, lỗ lục giác $4.5 \pm 0.05 \text{ mm}$ Bước ren vít $1.6 \text{ mm} \pm 0.05 \text{ mm}$, bán kính cong ren $0.3 \text{ mm} \pm 0.05 \text{ mm}$ Mũi vít chiều sâu rãnh vác $2.8 \text{ mm} \pm 0.1 \text{ mm}$, chiều dài rãnh vác $5.5 \text{ mm} \pm 0.1 \text{ mm}$ Đường kính lỗ rỗng $2.7 \text{ mm} \pm 0.05 \text{ mm}$ Chiều dài vít từ 20-120mm bước tăng 5 mm Vật liệu Titanium-64AL-4V phù hợp với tiêu chuẩn ASTM F 136 Tiệt trùng Xuất xứ: G7	Cái	1.000	300
48	Nẹp khóa bản mỏng hợp, titanium	Chất liệu Titanium . Nẹp khóa bản mỏng hợp dùng vít 3.5mm, có 2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-12 lỗ thân. Nẹp dày 2.7mm, rộng 10.0mm, khoảng cách lỗ 15.0mm. Chiều dài 43mm, 58mm, 73mm, 88mm, 103mm, 118mm, 133mm, 148mm, 163mm, 178mm, 193mm	Cái	300	90

49	Nẹp khóa lòng máng 1/3, dùng vít 3.5mm, titanium	Chất liệu Titanium . Nẹp khóa lòng máng dùng vít 3,5mm, có 2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-12 lỗ, nẹp dày 2 mm, rộng 9.0mm, khoảng cách lỗ 12.0mm. Chiều dài 31mm, 43mm, 55mm, 67mm, 79mm, 91mm, 103mm, 115mm, 127mm, 139mm, 151mm	Cái	100	30
50	Nẹp khóa chữ T loại nhỏ, 2 , 3, 4 lỗ đầu, titanium	Chất liệu Titanium . Nẹp khóa chữ T có 3 lỗ đầu, dùng vít 3.5mm, có 2-3-4-5-6-7-8 lỗ thân. Nẹp dày 1.5mm, rộng 10.0mm, đầu rộng 18mm, khoảng cách lỗ 11.0mm. Chiều dài 34mm, 45mm, 56mm, 67mm, 78mm, 89mm, 100mm	Cái	50	15
51	Nẹp khóa chữ T loại góc xiên trái và phải, titanium	Chất liệu Titanium. Nẹp khóa chữ T loại góc xiên phải và trái dùng cho đầu dưới xương quay, có 3-4-5-6-7-8 lỗ thân. Nẹp dày 2.5mm, rộng 10.0mm, phần đầu rộng 25mm, khoảng cách lỗ 11.0mm. Chiều dài 62mm, 73mm, 84mm, 95mm, 106mm, 117mm	Cái	50	15
52	Nẹp khóa mắt xích thẳng, dùng vít 3.5mm, titanium	Chất liệu Titanium . Nẹp khóa mắt xích thẳng dùng vít 3.5mm, có 4-5-6-7-8-9-10-11-12-13-14-15-16-17-18-19-20 lỗ. Nẹp dày 3mm, rộng 11.0mm, khoảng cách lỗ 14.0mm. Chiều dài 55mm, 69mm, 83mm, 97mm, 111mm, 125mm, 139mm, 153mm, 167mm, 181mm, 195mm, 209mm, 223mm, 237mm, 251mm, 265mm, 279mm	Cái	500	150
53	Nẹp khóa mắt xích cong, dùng vít 3,5mm, titanium	Chất liệu Titanium . Nẹp khóa mắt xích cong, dùng vít 3.5mm, có 4-6-8-10-12-14-16-18-20 lỗ. Nẹp dày 3mm, rộng 11.0mm, khoảng cách lỗ 13.3mm. Chiều dài 55mm, 81mm, 106mm, 130mm, 152mm, 178mm, 204mm, 230mm, 256mm	Cái	200	60
54	Nẹp khóa mặt trong lõi cầu xương cánh tay, titanium	Chất liệu Titanium . Nẹp khóa mặt trong lõi cầu xương cánh tay phải/trái dùng vít 3.5mm, loại 3 lỗ đầu, có 4-5-6-7-8-9-10 lỗ thân. Nẹp dày 2.5mm, rộng 9.5mm, đầu rộng 12mm, khoảng cách lỗ 12.0mm. Chiều dài 88mm, 100mm, 112mm, 124mm, 136mm, 148mm, 160mm	Cái	100	30
55	Nẹp khóa lõi cầu ngoài xương cánh tay, titanium	Chất liệu Titanium . Nẹp khóa lõi cầu xương cánh tay (đầu trên) dùng vít 3.5mm, có 2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-12-13 lỗ thân. Nẹp dày 3mm, rộng 13mm, đầu rộng 20mm, khoảng cách lỗ 18mm. Chiều dài 81mm, 99mm, 117mm, 135mm, 153mm, 171mm, 189mm, 207mm, 225mm, 243mm, 261mm, 279mm	Cái	100	30
56	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay, titanium	Chất liệu Titanium . Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay phải/trái dùng vít 3.5mm, có 2-3-4-5-6-7-8 lỗ thân. Nẹp dày 2.7mm, rộng 11mm, đầu rộng 48mm khoảng cách lỗ 15mm. Chiều dài 88mm, 103mm, 118mm, 133mm, 148mm, 163mm, 178mm	Cái	100	30
57	Nẹp khóa mỏm khuỷu xương trụ, titanium	Chất liệu Titanium . Nẹp khóa dùng vít 3.5mm, có 3-4-5-6-7-8-9-10 lỗ. Nẹp dày 2.5mm, rộng: 10,5 mm, đầu rộng: 17,5 mm, khoảng cách lỗ 13.0mm. Chiều dài 75mm, 88mm, 101mm, 114mm, 127mm, 140mm, 153mm, 166mm	Cái	100	30

58	Nẹp khóa xương đòn , titanium	Chất liệu Titanium . Nẹp khóa xương đòn dùng vít 3.5mm, có 5-6-7-8-9-11 lỗ. Nẹp dày 2.7mm, rộng 10.0mm, đầu rộng 10mm, khoảng cách lỗ 15.0mm. Chiều dài 89mm, 104mm, 119mm, 134mm, 149mm, 164mm	Cái	100	30
59	Nẹp khóa đầu dưới xương mác titanium	Chất liệu Titanium . Nẹp khóa đầu dưới xương mác dùng vít 3.5mm, có các loại 3-4-5-6-7-8-9-10 lỗ. Nẹp dày 1.8mm, rộng 11mm, đầu rộng 15mm, khoảng cách lỗ 8.0mm. Chiều dài 73mm, 81mm, 89mm, 97mm, 105mm 113mm, 121mm, 129mm	Cái	100	30
60	Nẹp khóa đầu dưới xương chày, titanium	Chất liệu Titanium . Nẹp khóa đầu dưới xương chày (mặt trong) dùng vít 3.5mm, có 4-6-8-10-12-14-16 lỗ thân, nẹp dày: 4.0 mm, rộng: 12.5 mm, đầu rộng 21.5 mm, khoảng cách lỗ: 13 mm, chiều dài 112mm, 138mm, 164mm, 190mm, 216mm, 242mm, 268mm	Cái	100	30
61	Nẹp khóa đầu trên, mặt trong xương chày, titanium	Chất liệu Titanium . Nẹp khóa đầu trên, mặt trong xương chày dùng vít khóa 4.5mm, có các loại 3-4-5-6-7-8-9-10-11-12-13-14-15 lỗ thân. Nẹp dày 6mm, rộng 16.0mm, đầu rộng 36.0mm, khoảng cách lỗ 20.0mm. Chiều dài 118mm, 138mm, 158mm, 178mm, 198mm, 218mm, 238mm, 258mm, 278mm, 298mm, 318mm, 338mm, 358mm	Cái	200	60
62	Nẹp khóa đầu trên, mặt ngoài xương chày, titanium	Chất liệu Titanium . Nẹp khóa dùng vít khóa 4.5mm, có 3-4-5-6-7-8-9-10-11-12-13-14-15 lỗ thân. Nẹp dày 5.7mm, rộng 16.0mm, đầu rộng 25mm, khoảng cách lỗ 20.0mm. Chiều dài 121mm, 141mm, 161mm, 181mm, 201mm, 221mm, 241mm, 261mm, 281mm, 301mm, 321mm, 341mm, 361mm	Cái	200	60
63	Nẹp khóa đầu dưới, mặt ngoài xương chày, titanium	Chất liệu Titanium . Nẹp khóa đầu dưới xương chày (mặt ngoài) dùng vít 3.5mm, có các loại 2-3-4-5-6-7-8-9-10-11-12-13-14-15 lỗ thân. Nẹp dày 3.0mm, rộng 12.0mm, đầu rộng 29mm, khoảng cách lỗ 17mm. Chiều dài 62mm, 79mm, 88mm, 96mm, 104mm, 112mm, 131mm, 139mm, 147mm, 155mm, 174mm, 182mm, 190mm, 198mm	Cái	100	30
64	Nẹp khóa đầu trên xương đùi , titanium	Chất liệu Titanium . Nẹp khóa dùng vít khóa 4.5mm, có 3-4-5-6-7-8-9-10-11-12-13-14-15 lỗ thân. Nẹp dày 5.5mm, rộng 17.6mm, đầu rộng 28.1mm, khoảng cách lỗ 20.0mm, Chiều dài 122mm, 142mm, 162mm, 182mm, 202mm, 222mm, 242mm, 262mm, 282mm, 302mm, 322mm, 342mm, 362mm	Cái	100	30
65	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi , titanium	Chất liệu Titanium, phần thân nẹp có 3-4-5-6-7-8-9-10-11-12-13-14-15 lỗ thân. Nẹp dày: 5,2 mm,rộng: 16 mm, đầu rộng:32 mm, khoảng cách lỗ 20mm. Chiều dài 149mm, 169mm, 189mm, 209mm, 229mm, 249mm, 269mm, 289mm, 309mm, 329mm, 349mm, 369mm, 389mm	Cái	50	15

66	Nẹp khóa ốp lõi cầu xương đùi, titanium	Chất liệu Titanium. Nẹp khóa ốp lõi cầu xương đùi dùng vít khóa 4.5mm, có 4-5-6-7-8-9-10-11-12-13-14-15-16 lỗ thân. Nẹp dày 6mm, rộng 17.0mm, đầu rộng 52.5mm, khoảng cách lỗ 20mm. Chiều dài 133mm, 153mm, 173mm, 193mm, 213mm, 233mm, 253mm, 273mm, 293mm, 313mm, 333mm, 353mm, 373mm	Cái	200	60
67	Nẹp khóa bản rộng, dùng vít 4.5mm, titanium	Chất liệu Titanium . Nẹp khóa bản rộng dùng cho thân xương đùi, dùng vít khóa 4.5mm, có 3-4-5-6-7-8-9-10-11-12-13-14-15-16-17-18 lỗ. Nẹp dày 5.0mm, rộng 17.0mm, khoảng cách lỗ 18.0mm. Chiều dài 71mm, 89mm, 107mm, 125mm, 143mm, 161mm, 179mm, 197mm, 215mm, 233mm, 251mm, 269mm, 287mm, 305mm, 323mm, 341mm	Cái	500	150
68	Nẹp khóa bản hẹp, dùng vít 4.5mm, titanium	Chất liệu Titanium . Nẹp khóa bản hẹp dùng vít khóa 4.5mm, thân nẹp có 3-4-5-6-7-8-9-10-11-12-13-14-15-16-17-18 lỗ. Nẹp dày 4.5mm, rộng 13.3mm, khoảng cách lỗ 18.0mm. Chiều dài 73mm, 91mm, 109mm, 127mm, 145mm, 163mm, 181mm, 199mm, 217mm, 235mm, 253mm, 271mm, 289mm, 307mm, 325mm, 343mm	Cái	200	60
69	Nẹp khóa chữ L dùng cho đầu trên xương chày, titanium	Chất liệu Titanium. Nẹp khóa chữ L dùng vít khóa 4.5mm, có 3-4-5-6-7-8-9-10-11-12-13-14 lỗ thân. Nẹp dày 3.0mm, rộng 16.0mm, khoảng cách lỗ 16.0mm, đầu rộng:33 mm. Chiều dài 71mm, 87mm, 103mm, 119mm, 135mm, 151mm, 167mm, 183mm, 199mm, 215mm, 231mm, 247mm	Cái	100	30
70	Nẹp khóa chữ T dùng cho đầu trên xương chày, titanium	Chất liệu Titanium. Nẹp khóa chữ T dùng vít khóa 4.5mm, có 3-4-5-6-7-8-9-10-11-12-13-14 lỗ thân. Nẹp dày 3.0mm, rộng 16.0mm, đầu rộng 38.5mm, khoảng cách lỗ 16.0mm. Chiều dài 68mm, 84mm, 100mm, 116mm, 132mm, 148mm, 164mm, 180mm, 196mm, 212mm, 228mm, 244mm	Cái	100	30
71	Nẹp khóa đỡ lõi cầu chữ T, titanium	Chất liệu Titanium. Nẹp khóa ốp chữ T, dùng vít khóa 4.5mm, có 3-4-5-6-7-8-9-10-11-12-13-14 lỗ thân. Nẹp dày 3.0mm, rộng 16.0mm, đầu rộng 38.5mm, khoảng cách lỗ 16.0mm. Chiều dài 68mm, 84mm, 100mm, 116mm, 132mm, 148mm, 164mm, 180mm, 196mm, 212mm, 228mm, 244mm	Cái	100	30
72	Nẹp khóa nén ép động lực ít tiếp xúc (LC-DCP) bản rộng, dùng vít 4.5mm, titanium	Chất liệu Titanium. Nẹp khóa bản rộng dùng vít khóa 4.5mm, có 3-4-5-6-7-8-9-10-11-12-13-14-15-16-17-18 lỗ. Nẹp dày 5.0mm, rộng 17.0mm, khoảng cách lỗ 18.0mm. Chiều dài 71mm, 89mm, 107mm, 125mm, 143mm, 161mm, 179mm, 197mm, 215mm, 233mm, 251mm, 269mm, 287mm, 305mm, 323mm, 341mm	Cái	500	150
73	Vít khóa xương cứng tự taro đường kính 3.5mm, titanium	Vít khóa xương cứng tự taro đường kính 3.5mm, chất liệu Titanium. Đường kính mũ vít 4.65mm. Chiều dài 10-12-14-16-18-20-22-24-26-28-30-32-34-36-38-40-42-44-45-46-48-50-52-54-55-56-58-60-65-70-75-80-85-90-95-100-105-110 mm	Cái	500	150

74	Vít khóa xương xộp đường kính 4.0mm, ren bán phần, titanium	Vít khóa xương xộp đường kính 4.0mm, ren bán phần. Chất liệu Titanium, đường kính mũ vít 4.65mm. Chiều dài 10-12-14-16-18-20-22-24-26-28-30-35-40-45-50 mm	Cái	200	60
75	Vít khóa xương cứng tự taro đường kính 2.7mm, titanium	Vít xương cứng tự taro đường kính 2.7mm. chất liệu Titanium. Đường kính mũ vít 5.2mm, Chiều dài 10-12-14-16-18-20-22-24-26-28-30-32-34-36-38-40-45 mm	Cái	200	60
76	Vít khóa xương cứng tự taro đường kính 4.5mm, titanium	Vít khóa xương cứng tự taro đường kính 4.5mm. Chất liệu Titanium . Đường kính mũ vít 6.8 mm. Chiều dài 10-12-14-16-18-20-22-24-25-26-28-30-32-34-35-36-38-40-42-44-45-46-48-50-52-54-55-56-58-60-62-64-65-66-68-70-75-80-85-90-95-100-110 mm	Cái	1.000	300
77	Vít khóa xương xộp đường kính 6.5mm, ren bán phần 16 mm, titanium	Vít xương xộp đường kính 6.5mm, ren bán phần 16mm. Chất liệu Titanium. Đường kính đầu vít: 7.6mm, Chiều dài 25-30-30-35-40-45-50-55-60-65-70-75-80-85-90-95-100-105-110-115-120 mm	Cái	500	150
78	Vít khóa xương xộp đường kính 6.5mm, ren bán phần 32 mm, titanium	Vít xương xộp đường kính 6.5mm, ren bán phần 32mm. Chất liệu Titanium. Đường kính đầu vít: 7.6mm, Chiều dài 20-25-30-30-35-40-45-50-55-60-65-70-75-80-85-90-95-100-105-110-115-120 mm	Cái	500	150
79	Vít khóa xương xộp đường kính 6.5mm, ren toàn phần, titanium	Vít xương xộp đường kính 6.5mm, ren toàn phần. Chất liệu Titanium. Đường kính đầu vít: 7.6mm, Chiều dài 25-30-35-40-45-50-55-60-65-70-75-80-85-90-95-100-105-110-115-120 mm	Cái	300	90
80	Vít xương cứng tự taro đường kính 3.5mm, titanium	Vít khóa xương cứng tự taro đường kính 3.5mm, chất liệu Titanium Đường kính mũ vít 6mm. Chiều dài 10-12-14-16-18-20-22-24-26-28-30-32-34-36-38-40-42-44-45-46-48-50-52-54-55-56-58-60-65-70-75-80-85-90-95-100-105-110 mm	Cái	600	180
81	Vít xương cứng tự taro đường kính 2.7mm, titanium	Vít xương cứng tự taro đường kính 2.7mm. Chất liệu Titanium. Chiều dài 10-12-14-16-18-20-22-24-26-28-30-32-34-36-38-40-45 mm	Cái	400	120
82	Vít xương cứng tự taro đường kính 4.5mm, titanium	Vít khóa xương cứng tự taro đường kính 4.5mm. Chất liệu Titanium. Đường kính mũ vít 8.0mm. Chiều dài 10-12-14-16-18-20-22-24-25-26-28-30-32-34-35-36-38-40-42-44-45-46-48-50-52-54-55-56-58-60-62-64-65-66-68-70-75-80-85-90-95-100 mm.	Cái	3.000	900
83	Vít xương cứng loại nhỏ tự taro, đk 2.0mm, titanium	Vít xương cứng tự taro, đường kính 2.0mm, chất liệu Titanium. Chiều dài 6-8-10-12-14-16-18-20-22-24-26-28-30-32-34-36-38-40mm	Cái	400	120
84	Vít xương xộp ren bán phần, đường kính 4.0mm, titanium	Vít xương xộp ren bán phần, đường kính 4.0mm, chất liệu Titanium. Đường kính đầu vít: 5.5 mm, Chiều dài 10-12-14-16-18-20-22-24-26-28-30-32-34-35-36-38-40-42-44-45-46-48-50-52-54-55-56-58-60-65-70mm	Cái	400	120

85	Vít xương xóp ren toàn phần, đường kính 4.0mm, titanium	Vít xương xóp ren toàn phần, đường kính 4.0mm, chất liệu Titanium. Đường kính đầu vít: 5.5 mm, Chiều dài 10-12-14-16-18-20-22-24-26-28-30-32-34-35-36-38-40-42-44-45-46-48-50-52-54-55-56-58-60-65-70-75-80-85-90-95-100-105-110mm	Cái	400	120
86	Vít xương xóp gen toàn phần, đường kính 6.5mm, titanium	Vít xương xóp ren toàn phần, đường kính 6.5mm, chất liệu Titanium. Đường kính đầu vít: 8 mm, Chiều dài 25-30-35-40-45-50-55-60-65-70-75-80-85-90-95-100-105-110-115-120 mm	Cái	400	120
87	Vít xương xóp gen bán phần 32mm, đường kính 6.5mm, titanium	Vít xương xóp ren bán phần 32mm, đường kính 6.5mm, chất liệu Titanium. Đường kính đầu vít: 8 mm, Chiều dài 25-30-35-40-45-50-55-60-65-70-75-80-85-90-95-100-105-110-115-120 mm	Cái	300	90
88	Vít xương xóp gen bán phần 16mm, đường kính 6.5mm, titanium	Vít xương xóp ren bán phần 16mm, đường kính 6.5mm, chất liệu Titanium. Đường kính đầu vít: 8 mm, Chiều dài 25-30-35-40-45-50-55-60-65-70-75-80-85-90-95-100-105-110-115-120 mm	Cái	200	60
89	Nẹp chữ T nhỏ/ vít 3.5mm các cỡ	Nẹp dày 1.2mm, nẹp rộng 11.0mm, độ rộng đầu nẹp 24mm, 3 lỗ đầu 3, 5 lỗ thân; 4 lỗ đầu 4, 6 lỗ thân. Chất liệu thép không gỉ	Cái	100	30
90	Nẹp khóa đầu dưới xương chày trái/phải các cỡ, hợp kim titanium	Nẹp dày 4.5mm, nẹp rộng 12.5mm, đường kính lỗ nẹp 4.10mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 13mm; từ 4 lỗ đến 14 lỗ trái/ phải tương ứng các chiều dài từ 116mm đến 246mm. Chất liệu hợp kim Titanium	Cái	50	15
91	Nẹp khóa đầu dưới xương chày không vít mắt cả trái/phải các cỡ, hợp kim titanium	Nẹp dày 3.5mm, nẹp rộng 13mm, đường kính lỗ nẹp 4.10mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 13mm; từ 4 lỗ đến 14 lỗ trái/ phải tương ứng các chiều dài từ 110mm đến 240mm. Chất liệu hợp kim Titanium	Cái	50	15
92	Nẹp khóa xương đòn chữ S	Nẹp dày 3.0mm, nẹp rộng 10.0mm, đường kính lỗ nẹp 4.10mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 14mm; 6, 7, 8 lỗ trái / phải tương ứng với các chiều dài 85mm, 100mm, 115mm. Chất liệu hợp kim titanium	Cái	100	30
93	Nẹp mắt xích các cỡ, thép không gỉ	Nẹp dày 3.1mm, nẹp rộng 10.0mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 12.0mm; 6, 8, 10 lỗ tương ứng với các chiều dài 70mm, 94mm, 118mm. Chất liệu thép không gỉ	Cái	100	30
94	Bộ nẹp vít cột sống lưng, ngực mổ mở		Bộ		
94.1	Ốc vít trong mổ đốt sống thắt lưng	Ốc vít được làm bằng chất liệu Titanium Ti-6Al-4V - Đường kính Ø 8,7mm x5mm - Sản phẩm được chứng nhận ISO, FDA.	Cái	500	150
94.2	Vít đa trục	Vít được làm bằng chất liệu Titanium Ti-6Al-4V, - Đường kính từ 4.0/5.0/5.5/6.0/6.2/6.5/7.0/7.5/8.0 - Dài từ 25-80mm - Chiều cao đầu vít 16mm, đường kính đầu vít 13.88mm - Vít có thể xoay 360 có độ mở mỗi bên 25độ - Vít sử dụng Thanh rod Ø5.5 - Vít đồng bộ ốc khóa trong 8,7mmx5mm - Sản phẩm được chứng nhận FDA,ISO 13485	Cái	500	150

94.3	Nẹp dọc cột sống từ 40mm-110mm	Nẹp làm bằng chất liệu Titanium Ti-6Al-4V, có đường kính 5.5, nẹp có kích cỡ dài từ 40mm-110mm mỗi kích cỡ tăng 10mm. Hai đầu Nẹp có 1 đầu được tạo hình lục giác để dễ điều chỉnh hướng. Sản phẩm được chứng nhận ISO,FDA.	thanh	90	27
94.4	Nẹp dọc cột sống từ 130mm-350mm	Nẹp làm bằng chất liệu Titanium Ti-6Al-4V, có đường kính 5.5, từ 130mm-170mm mỗi kích cỡ tăng 20mm, từ 200mm-350mm mỗi kích cỡ tăng 50mm. Nẹp có một đầu được tạo hình lục giác để dễ điều chỉnh hướng. Sản phẩm được chứng nhận ISO,FDA.	thanh	80	24
95	Vít đa trục kèm ốc khóa	Vít đa trục kèm ốc khóa trong, chất liệu hợp kim Titanium (TA6VELI) tương thích với nẹp dọc đường kính 5.5mm, đầu vít tự tarô, góc mở thân vít và mũ vít lên tới 60°. Mũ vít kèm ốc khóa trong bước ren vuông, có hõm giúp kết nối chắc chắn với dụng cụ khi thao tác. Mũ vít với thiết kế Low profile, chiều cao mũ vít 14mm. Bước ren đôi khoảng cách bước ren 3mm, độ sâu bước ren 0.9mm. Vít có các đường kính 4.5mm, 5.5mm, 6.0mm, 6.5mm, 7.5mm, chiều dài 25mm-90mm (bước tăng 5mm) Xuất xứ G7, Đạt tiêu chuẩn CE/ MDR	Cái	50	15
96	Nẹp dọc thẳng	Nẹp dọc thẳng chất liệu hợp kim titan (TA6V) đường kính 5.5mm. Chiều dài từ 40 - 500mm. Mũi hình viên đạn không gây chấn thương. Trên thân có vạch đánh dấu để căn chỉnh dọc. Xuất xứ G7, Đạt tiêu chuẩn CE/ MDR	Cái	10	3
97	Miếng ghép đĩa đệm lưng	Đĩa đệm lưng vật liệu PEEK, ba điểm đánh dấu trục tantalum, được thiết kế với bề mặt răng cưa làm tăng sự ổn định và ngăn sự dịch chuyển. Thiết kế hình viên đạn, cạnh bên vát cho phép chèn dễ dàng hơn, dài 22/26mm, độ uốn 0/4/8 độ, chiều rộng 9/10/11mm và chiều cao 7/8/9/10/11/12/13/14/16mm.	Cái	10	3
98	Vít cố định xương hàm	- Vật liệu Hợp kim titan (Ti6Al4V) theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 - Loại vít tự khoan đường kính 2.0mm, độ dài 8-14mm bước tăng 2mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC. - Xuất xứ: G7	Cái	25	8
99	Nẹp cố định xương sọ (Loại không dùng vít)	Chất liệu Titanium Ti6Al14V, đường kính 16mm và 18mm, thiết kế bánh răng chống xoay, không gây kích ứng, dùng cố định mảnh xương vào hộp sọ mà không cần sử dụng vít. Sản phẩm được tiết trùng 3 lớp rất tiện dùng, dễ sử dụng, giảm thiểu nhiễm trùng. Không bị ảnh hưởng khi chụp CT và MRI. Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE.	Cái	246	74
100	Miếng ghép liên gai sau cột sống các cỡ	miếng ghép với chất liệu Peek : có kích cỡ 21mm x 8mm,24mm x 10mm,29mm x 12mm,31,5mm x 14mm. Với thiết kế kiểu chữ H xen kẽ giữa khe liên gai sau , miếng ghép thiết kế khóa tự động khi đặt ,với phương pháp mô ít xâm lấn và bảo tồn các dây chằng với kỹ thuật mổ mở một bên. Được chứng nhận ISO	Miếng	27	8

101	Bộ nẹp vít mô ít xâm lấn		Bộ		
101.1	Vít mô ít xâm lấn qua da (vít đa trục các cỡ)	Vít được làm bằng titanium,Vít có đường kính :từ $\phi 4.5$, 5.5 , 6.0 , 7.0mm ,đầu Vít xoay 360° với độ mở góc 60° phù hợp với thanh Rod đường kính $\phi 5.5\text{mm}$. Vít có chiều dài từ 30mm - 55mm , với bước nhảy vít đường kính 4.5 từ 30mm - 35mm , 5.5 từ 35mm - 45mm , 6.0 từ 35mm - 55mm , 7.0 từ 40mm - 55mm đầu vít được thiết 2 điểm với kích thước chiều cao đầu vít 16.5mm và đầu dài qua da 70mm chiều rộng 12.5mm tạo đường mổ nhỏ với hệ thống dụng cụ hỗ trợ tạo đường thẳng nắp ghép thanh Rod được uốn sẵn luôn dưới da, trục vít được thiết kế rỗng lòng với đường kính 1.6mm ,trục vít được phân chia thành 2 bước zen , với 1 bước zen đầu cuống sống dây tạo cho vít bám chắc hơn ,bước zen phần đầu trong thân đốt sống được thiết kế thừa ,đầu vít được thiết kế tự khai thác đảm bảo dễ dàng cho việc bắt vít an toàn hơn, Bộ vít được chứng nhận ISO,FDA	Cái	800	240
101.2	ỐC khóa trong dùng cho vít mô ít xâm lấn	Ốc vít có đường kính $\phi 9.2\text{mm}$ với chiều cao 5mm ốc khóa có 3 bước zen giữa tăng sức kéo của vít,ốc vít được đồng bộ ,Bộ vít được chứng nhận ISO,FDA	Cái	800	240
101.3	Nẹp dọc cột sống uốn sẵn từ 45mm - 95mm	Thanh dọc (rod) với đường $\phi 5.5$ được thiết kế một đầu hình lục giác ,một đầu nhọn. Thanh dọc được nối với các vít tạo thành một khối vững chắc ,thanh dọc được uốn sẵn phù hợp với đường cong sinh lý của cột sống với kích thước chiều dài từ 45mm - 95mm mỗi kích cỡ tăng 5mm . Thanh rod đồng bộ với hệ thống nẹp vít ,Bộ vít được chứng nhận ISO,FDA	Thanh	90	27
101.4	Nẹp dọc cột sống uốn sẵn từ 100mm - 200mm	Thanh dọc (rod) với đường $\phi 5.5$ được thiết kế một đầu hình lục giác ,một đầu nhọn. Thanh dọc được nối với các vít tạo thành một khối vững chắc ,thanh dọc được uốn sẵn phù hợp với đường cong sinh lý của cột sống với kích thước chiều dài từ 100mm - 200mm mỗi kích cỡ tăng 10mm , Thanh rod đồng bộ với hệ thống nẹp vít ,Bộ vít được chứng nhận ISO,FDA	thanh	90	27
102	Bộ nẹp vít bơm xi măng qua cuống				
102.1	Vít đa trục cột sống lưng rỗng lòng (vít bơm xi măng qua cuống)	Vít được làm bằng chất liệu Titanium Ti-6Al-4V,đường kính vít từ $4.5,5.0, 5.5, 6.0, 6.2, 6.5, 7.0, 7.5.8.0$, vít có chiều dài từ từ 30mm - 80mm mỗi kích cỡ tăng 5mm . Chiều cao đầu vít 16.5mm , vít được tạo rỗng lòng với đường kính 1.6mm ,vít có thể xoay 360° ,vít được thiết kế bơm xi măng với 3 lỗ trên thân tạo cho xi măng tràn đều trong đốt sống ,vít có độ mở góc xoay 60° vít được chia thành 2 phần zen ,1 nửa thân vít được tạo bước zen khai thác và khoảng cách các bước zen thừa ,1 nửa trên được tạo những bước zen mau có kích thước 15mm tạo cho vít bám chắc vào thân đốt sống tốt hơn ,vít sử dụng Thanh rod $\phi 5.5$,sản phẩm được chứng nhận FDA,ISO.	Cái	22	7

102.2	Ốc khóa trong dùng cho vít xi măng	Ốc vít được làm bằng chất liệu Titanium Ti-6Al-4V ốc vít có đường kính Ø 8.7mm x 5mm, ốc vít phải đồng bộ với vít 2 bước zen .sản phẩm được chứng nhận ISO, FDA.	Cái	22	7
102.3	Nẹp dọc cột sống từ 40mm-110mm	Nẹp làm bằng chất liệu Titanium Ti-6Al-4V, có đường kính 5.5, nẹp có kích cỡ từ dài 40mm-110mm mỗi kích cỡ tăng 10mm .Nẹp được tạo lực góc 1 đầu để dễ chỉnh hướng. Sản phẩm được chứng nhận ISO,FDA.	Thanh	10	3
102.4	Nẹp dọc cột sống từ 130mm-350mm	Nẹp làm bằng chất liệu Titanium Ti-6Al-4V, có đường kính 5.5, từ 130mm-170mm mỗi kích cỡ tăng 20mm, từ 200mm-350mm mỗi kích cỡ tăng 50mm.Nẹp được tạo lực góc 1 đầu để dễ chỉnh hướng. Sản phẩm được chứng nhận ISO,FDA.	Thanh	10	3
102.5	Kim đẩy xi măng	Kim đẩy xi măng với chất liệu thép không gỉ ,kim được tách thành 2 phần, chiều dài kim 179.4mm có đường kính Ø3mm với lòng rỗng 1.6mm,kim được thiết kế đồng bộ với vít bơm xi măng ,sản phẩm được chứng nhận FDA.	Cái	16	5
103	Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống có bóng nong		Bộ	10	3
103,1	Hệ thống bộ trộn và bơm áp lực xi măng	- Hệ thống bộ trộn và bơm áp lực xi măng không cần tiếp xúc trực tiếp với xi măng và được bơm từ phía ngoài tia X, có tính năng tự động kiểm soát áp lực . Quá trình bơm được kiểm soát và đo lường theo chu kì 1/4 vòng. Có thể điều chỉnh áp lực tối đa 120 bar và dung tích lên đến 10cc. Bao gồm súng bơm xi măng và ống nối dài có khóa Luer-Lock chất liệu EPDM, thép không gỉ; bộ trộn chất liệu PP, EPDM; phễu chất liệu ABS; bóng lắc chất liệu kim loại. Đạt tiêu chuẩn MDR, xuất xứ từ nước G7; - Tăm định vị: được sử dụng đánh dấu và định vị trước hoặc trong quá trình phẫu thuật. Chất liệu silicon, có chất cản quang giúp tăng khả năng hiển thị dưới hình ảnh y tế. Kích thước: 205mm*133mm. - Xi măng: được đóng gói 2 thành phần gồm một ống chất lỏng monomer vô trùng 9.2g (99.3% gồm Methyl methacrylate, 0.7% N-N dimethyl-p-toluidine, 20 ppm Hydroquinone) và một gói 25.8g bột polymer bọc vô trùng 2 lớp (thành phần 19.2% Poly methyl methacrylate, 35.3% Methyl methacrylate/ styene copolymer, 0.5% Benzoyl peroxide, 45% Ziconium Dioxide). Xi măng có độ nhớt trung bình, tỏa nhiệt dưới 45° C. Xi măng được trộn 30 giây, 6 phút sau khi trộn xi bắt đầu đông đặc, an toàn để nhồi, có thể được tiêm trong tối đa 22 phút ở nhiệt độ 20 độ C. - Kim chọc loại 10G với 3 loại hình dạng của mũi kim: mũi kim cương, mũi vát, mũi nhọn. Cannula có chiều dài làm việc 132mm, tổng chiều dài 159mm và đường kính 3.6mm. Kim chọc 10G có chiều dài làm việc 155mm, tổng chiều dài 175mm, đường kính 3mm. - Kim đẩy xi măng đường kính 2.4mm, chiều dài làm việc 223mm, tổng chiều dài 240mm; Kim bơm xi măng đường kính 3mm, chiều dài làm việc 200mm, tổng chiều dài 222.2mm. - Kim khoan đường kính 3mm, chiều dài làm việc	Bộ	10	3
103,2	Xi măng sinh học		Gói	10	3
103,3	Tăm định vị		Cái	10	3
103,4	Kim chọc dò		Cái	20	6
103,5	Kim chọc đẩy xi măng		Cái	40	12
103,6	Kim chọc khoan		Cái	20	6
103,7	Xi lanh bơm phòng bóng		Cái	20	6

103,8	Bóng nong thân	210mm, tổng chiều dài 243.3mm. - Bộ xy lanh bơm phòng bóng 14ml gồm: đồng hồ đo áp lực lên tới 55 ATM (800psi), van kết nối 3 đường vào. - Bóng nong thân đốt sống có chiều dài : 10mm, 15mm, 20mm. Dung tích bơm bóng tối đa size 10mm, 15mm, 20mm là 3cc, 4cc, 5cc, chiều dài bơm phòng tối đa là 18.7mm, 24.4mm, 28.5mm, đường kính bơm phòng tối đa là 15.0mm, 15.3mm; áp xuất bơm phòng tối đa là 700psi.	Cái	20	6
104	Bộ bơm xi măng có bóng loại bóng cong	Bao gồm: 1. 'Kim chọc dò cuống sống, gồm vỏ và nòng: - Kim có chiều dài hoạt động 120 mm $\pm$ 5 mm, đường kính ngoài Φ4.2 $\pm$ 0.1 mm, đường kính trong Φ3.5 $\pm$ 0.1 mm. 2. 'Kim chọc khoan tạo đường hầm, gồm thân và tay cầm: - Chiều dài hoạt động 205 mm $\pm$ 5 mm, đường kính ngoài Φ3.5 $\pm$ 0.1 mm. - Đầu cong gồm nhiều khối nối liên kết với nhau bằng đinh tán, lực nén tại vị trí nối giữa khối nối và thanh nối $\geq$ 20N, cho phép tạo độ cong linh hoạt và duy trì được hướng đi trong thân đốt sống. 3. 'Bóng nong dạng cong, chiều dài bóng có đủ kích thước từ 10mm - 25mm, đường kính kênh làm việc 3.6$\pm$0.1mm, chiều dài làm việc 218$\pm$10mm, dung tích: 4 - 8ml, đường kính cong R25. Áp lực tối đa: 400PSI 4. 'Bơm phòng bóng nong: Thiết kế pittong. Trang bị đồng hồ đo áp lực, tay cầm công thái học dạng chữ T. Thể tích 20cc, áp lực tối đa 30atm. 5. Kim chọc đẩy và nhồi xi măng dạng cong, gồm ống bơm và tay cầm: - Chiều dài hoạt động 205 mm $\pm$ 5 mm, đường kính ngoài Φ3.5 $\pm$ 0.1 mm. - Cấu tạo gồm: + Ống bơm xi măng: dạng cong, đưa xi măng vào trong thân đốt sống qua kênh tạo sẵn. + Tay cầm có kết nối Luer Lock kết nối với dụng cụ đẩy và nhồi xi măng 6. 'Kim chọc đẩy và nhồi xi măng, gồm vỏ và nòng, chiều dài 300mm, dung tích 2,5ml. - Phần vỏ: đầu kim dạng cong, có khóa kết nối - Phần nòng: dạng thẳng, có vạch chia khoảng cách. 7. 'Bộ trộn xi măng bao gồm: 01 bộ trộn, 01 phễu rót, 04 xi lanh 5ml (với tay cầm cứng) để bơm xi măng. Bộ trộn này cho phép chuẩn bị tới 40g xi măng.	Bộ	30	9
		Xi măng độ nhớt thấp, thành phần tối thiểu bao gồm: - Bột xi măng 26g (thành phần: 14.2g PMMA; 11.7g Zirconium dioxide; 0.1g Benzoyl peroxide); - Dung dịch pha xi măng 10ml (thành phần: Methyl methacrylate trong khoảng 9.35g; dưới 0.05g N-N dimethyl-p-toluidine). - Thời gian trộn 30 giây, thời gian chờ 90 giây, thời gian làm việc 21 phút, thời gian đông cứng 11 phút ở 19 độ C	Bộ	30	9

105	Bộ dụng cụ đồ xi măng loại không bóng	1. Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống không bóng loại 10G - 02 kim chọc dò đầu vát kèm ống thông loại 10G; 01 Khoan tạo đường hầm loại 10G; 04 kim chọc + que đẩy xi măng loại 10G; 2. Bộ trộn và bơm xi măng 2 trong 1. Sản phẩm kết hợp hai chức năng vừa trộn vừa trực tiếp bơm xi măng trên cùng 01 thân bơm chính (xy lanh). Bộ thiết bị gồm có: + 01 thân bơm chính (xy lanh): Có thanh trộn, phần cán cầm thanh trộn dễ dàng bề gây để lắp thanh vận tạo áp lực đẩy xi măng, dung tích thân bơm là 35ml/cc, đường kính ngoài 32mm, đường kính trong 27mm, Có chia vạch xác định dung tích (5-35ml). + 01 khóa kết nối ngoài rời; 01 nắp khóa rời; 01 thanh vận đẩy xi rỗng nòng dài 135mm có ren xoáy tạo áp lực; + 01 phễu . - Tiêu chuẩn ISO 13485, FDA 510(k) - Xuất xứ : các nước OEDC	Bộ	56	17
		. Xi măng xương. - Bao gồm 20g bột và 9,2g dung dịch pha (lỏng) - Độ cân quang cao chiếm 30% - Là loại xi măng có độ nhớt cao, thời gian làm việc lâu, phản ứng tỏa nhiệt thấp Thành phần bột gồm: Polymethyl methacrylate(PMMA); Barium sulphate(BaSO4); Benzoyl peroxide(BPO) Thành phần dung dịch pha (lỏng) gồm: Methylmethacrylate(MMA); N,N-dimetyl-p-toluidine(DMPT); Hydroquinone (HQ) - Tiêu chuẩn ISO 13485. - Tất cả sản phẩm được tiệt trùng bằng khí EO. - Xuất xứ: Các nước OECD.	Hộp	56	17
106	Bộ dụng cụ đồ xi măng tạo hình thân đốt sống loại có bóng (loại 2 bóng bao gồm xi măng)	Bộ gồm : 1. Bộ bơm xi măng tạo hình thân đốt sống có bóng - 02 kim chọc dò kèm ống thông loại 10G; 01 Khoan tạo đường hầm loại 10G; 06 kim chọc + que đẩy xi măng loại 10G; 02 Bóng nong đốt sống loại 10G, dài 15mm, dung tích 4ml áp lực tối đa 400psi; - 02 Bơm áp lực 2. Bộ trộn và bơm xi măng 2 trong 1. Sản phẩm kết hợp hai chức năng vừa trộn vừa trực tiếp bơm xi măng trên cùng 01 thân bơm chính (xy lanh). Bộ thiết bị gồm có: + 01 thân bơm chính (xy lanh): Có thanh trộn, phần cán cầm thanh trộn dễ dàng bề gây để lắp thanh vận tạo áp lực đẩy xi măng, dung tích thân bơm là 35ml/cc, đường kính ngoài 32mm, đường kính trong 27mm, Có chia vạch xác định dung tích (5-35ml). + 01 khóa kết nối ngoài rời; 01 nắp khóa rời; 01 thanh vận đẩy xi rỗng nòng dài 135mm có ren xoáy tạo áp lực; + 01 phễu. - Tiêu chuẩn ISO 13485, FDA 510(k) - Xuất xứ : các nước OEDC.	Bộ	92	28

		. Xi măng xương. - Bao gồm 20g bột và 9.2g dung dịch pha (lỏng) - Độ cản quang cao chiếm 30% - Là loại xi măng có độ nhớt cao, thời gian làm việc lâu, phản ứng tỏa nhiệt thấp Thành phần bột gồm: Polymethyl methacrylate(PMMA); Barium sulphate(BaSO4); Benzoyl peroxide(BPO) Thành phần dung dịch pha (lỏng) gồm: Methylmethacrylate(MMA); N,N-dimetyl-p-toluidine(DMPT); Hydroquinone (HQ) - Tiêu chuẩn ISO 13485. - Tất cả sản phẩm được tiệt trùng bằng khí EO. - Xuất xứ: Các nước OECD.	Bộ	92	28
107	Bộ dụng cụ bơm xi măng qua da không bóng loại kim cong đi kim một bên	Hệ thống bộ trộn và bơm áp lực xi măng không cần tiếp xúc trực tiếp với xi măng và được bơm từ phía ngoài tia X, có tính năng tự động kiểm soát áp lực . Quá trình bơm được kiểm soát và đo lường theo chu kỳ 1/4 vòng. Có thể điều chỉnh áp lực tối đa 120 bar và dung tích lên đến 10cc. Bao gồm súng bơm xi măng và ống nối dài có khóa Luer-Lock chất liệu EPDM, thép không gỉ; bộ trộn chất liệu PP, EPDM; phễu chất liệu ABS; bóng lắc chất liệu kim loại;	Bộ	20	6
107,1	Hệ thống bộ trộn và bơm áp lực xi măng	- Tầm định vị: được sử dụng đánh dấu và định vị trước hoặc trong quá trình phẫu thuật. Chất liệu silicon, có chất cản quang giúp tăng khả năng hiển thị dưới hình ảnh y tế. Kích thước: 205mm*133mm.	Bộ	20	6
107,2	Xi măng sinh học	Xi măng: được đóng gói 2 thành phần gồm một ống chất lỏng monomer vô trùng 9.2g (99.3% gồm Methyl methacrylate, 0.7% N-N dimethyl-p-toluidine, 20 ppm Hydroquinone) và một gói 25.8g bột polymer bọc vô trùng 2 lớp (thành phần 19.2% Poly methyl methacrylate, 35.3% Methyl methacrylate/ styene copolymer, 0.5% Benzoyl peroxide, 45% Zirconium Dioxide). Xi măng có độ nhớt trung bình, tỏa nhiệt dưới 45° C. Xi măng được trộn 30 giây, 6 phút sau khi trộn xi bắt đầu đông đặc, an toàn để nhổi, có thể được tiêm trong tối đa 22 phút ở nhiệt độ 20 độ C.	Gói	20	6
107,3	Tầm định vị	Kim chọc dò thân đốt sống: Có các chiều dài: 100, 130, 120, 180, 190, 130mm tương ứng với các đường kính kim rỗng nòng bên ngoài: 3.0, 3.0, 3.7, 2.8, 2.0, 4.2mm, đường kính bên trong: 2.1, 2.1, 3.0, 2.1, 1.4, 3.7mm.	Cái	20	6
107,4	Kim chọc dò	Kim bơm xi măng dạng cong, chất liệu Peek: Chọc cuống xương một bên. Phần kim cong dài 23mm, đường kính ngoài 2.8mm, đường kính trong 2.2mm. Đạt tiêu chuẩn CE/ MDR	Cái	20	6
107,5	Kim chọc bơm xi măng	Bộ nẹp được thiết kế 2 trong 1 nhỏ gọn với chất liệu PEEK có đường kính, 30mm x 8mm , miếng ghép đĩa đệm có chiều rộng 14mm x chiều cao 5,6,7mm được kết hợp với 3 vít đường kính 4.0mm-4.5mm , nẹp được Thiết kế lỗ đặc biệt ngăn vít khỏi kéo ra.Bộ sản phẩm được chứng nhận đạt tiêu chuẩn ISO	Cái	20	6
108	Bộ nẹp vít đàn hồi cột sống cổ		Bộ	16	5
109	Bộ nẹp cổ trước 1 tầng		Bộ	7	2

109.1	Nẹp cổ trước 1 tầng	- Nẹp được làm từ (Ti6Al4V Eli ISO 5832-3) - GRADE V - Nẹp có chiều dài từ 17-33mm - Độ dày 2mm - Bề rộng 18,5mm - Nẹp dùng vít có đường kính 4.0 & 4.5 - Các lỗ trên nẹp có độ mở 8-10 độ. - Sản phẩm được chứng nhận FDA. - Xuất Xứ : G7.	Cái	7	2
109.2	Vít cột sống cổ trước	- Nẹp được làm từ Titanium(Ti6Al4V Eli ISO 5832-3) - GRADE V - Bề rộng đầu vít 5,6mm. - Đầu vít lục giác 2.5mm - Vít có đường kính 3.5/4.0/4.5mm - chiều dài từ 12-20mm mỗi kích thước cách nhau 2mm - Sản phẩm được chứng nhận FDA. - Xuất Xứ : G7.	Cái	24	7
110	Bộ nẹp cổ trước 2 tầng		Bộ	8	2
110.1	Nẹp cổ trước 2 tầng	- Nẹp được làm từ (Ti6Al4V Eli ISO 5832-3) - GRADE V - Nẹp có chiều dài từ 33-55mm - Độ dày 2mm - Bề rộng 18,5mm - Nẹp dùng vít có đường kính 4.0 & 4.5 - Các lỗ trên nẹp có độ mở 8-10 độ. - Sản phẩm được chứng nhận FDA. - Xuất Xứ : G7.	Cái	8	2
110.2	Vít cột sống cổ trước	- Nẹp được làm từ Titanium(Ti6Al4V Eli ISO 5832-3) - GRADE V - Bề rộng đầu vít 5,6mm. - Đầu vít lục giác 2.5mm - Vít có đường kính 3.5/4.0/4.5mm - chiều dài từ 12-20mm mỗi kích thước cách nhau 2mm - Sản phẩm được chứng nhận FDA. - Xuất Xứ : G7.	Cái	48	14
111	Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng	Miếng ghép được làm bằng chất liệu Peek ở đầu giúp kiểm soát ,được thiết kế hình viên đạn, kích cỡ từ 8,9,10,11,12,13,14,15,16 có chiều dài 28mm ,với định hình 2 điểm đánh dấu vật liệu Tantalum ,1 điểm dài 3mm giúp cho việc đặt dễ dàng kiểm soát độ nông ,sâu .Sản phẩm được chứng nhận ISO,FDA.	Miếng	103	31
112	Đĩa Đệm Cột Sống Cổ	Đĩa đệm cột sống cổ bán tròn, vật liệu PEEK-OPTIMA độ đàn hồi 3.6 GPa tương thích xương vô, độ uốn 0° và 5°, cao 4/5/6/7/8mm - rộng 11.5/13.5mm, sâu 14/16mm. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO. Xuất xứ G7	Miếng	18	5
113	Bộ nẹp vít hàm mặt, sọ não sử dụng vít đường kính 1.6; 1.7; 2.0mm				

113.1	Nẹp mini titan 4 lỗ	- Vật liệu Titan nguyên chất lớp 2 theo tiêu chuẩn ISO 5832-2 - Nẹp có 4 lỗ, dày 1.0mm, rộng 5mm, dài 23mm sử dụng hệ thống vít 2.0mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC. - Xuất xứ: G7	Cái	83	25
113.2	Nẹp mini titan 6 lỗ	- Vật liệu Titan nguyên chất lớp 2 theo tiêu chuẩn ISO 5832-2 - Nẹp có 6 lỗ, dày 1.0mm, rộng 5mm, dài 35mm, sử dụng hệ thống vít 2.0mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC. - Xuất xứ: G7	Cái	60	18
113.3	Nẹp mini titan 8 lỗ	- Vật liệu Titan nguyên chất lớp 2 theo tiêu chuẩn ISO 5832-2 - Nẹp có 8 lỗ, dày 1.0mm, rộng 5mm, dài 47mm, sử dụng hệ thống vít 2.0mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC. - Xuất xứ: G7	Cái	15	5
113.4	Nẹp medi titan thẳng 2 lỗ	- Vật liệu Titan nguyên chất lớp 2 theo tiêu chuẩn ISO 5832-2 - Nẹp có 2 lỗ, dày 0.6mm, sử dụng hệ thống vít 1.6-1.7mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC. - Xuất xứ: G7	Cái	30	9
113.5	Vít mini titan	- Vật liệu Hợp kim titan (Ti6Al4V) theo tiêu chuẩn ISO 5832-3 - Loại vít tự khoan và vít tự taro đường kính từ 1.6-2.0mm. Độ dài 5-11mm. Có tối thiểu các cỡ 1.6x4mm, 1.6x5mm, 1.7x5mm, 1.7x6mm, 2.0x5mm, 2.0x7mm - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC. - Xuất xứ: G7	Cái	1.440	432
113.6	Nẹp medi titan chữ Y kép, loại 6 lỗ	- Vật liệu Titan nguyên chất lớp 2 theo tiêu chuẩn ISO 5832-2 - Nẹp có 6 lỗ, dày 0.6mm, sử dụng hệ thống vít 1.6-1.7mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC. - Xuất xứ: G7	Cái	30	9
113.7	Nẹp medi titan tròn	- Vật liệu Titan nguyên chất lớp 2 theo tiêu chuẩn ISO 5832-2 - Nẹp có 5 lỗ, dày 0.6mm, sử dụng hệ thống vít 1.6-1.7mm. - Tiêu chuẩn chất lượng: ISO 13485, EC. - Xuất xứ: G7	Cái	100	30
114	Bộ nẹp vít cột sống đa trục các cỡ		Bộ		

114.1	Vít đa Trục	- Chất liệu: Hợp kim Titanium phù hợp với thanh nẹp dọc đường kính 5.5mm - Đầu vít (profile) cực nhỏ Ø= 12.5 mm có cấu trúc rất đặc biệt nhằm dễ dàng kết nối với trụ cụ. Đầu vít có phần đệm Titanium nguyên chất hỗ trợ bắt thanh dọc và tăng độ bền cấu trúc. Hiệu ứng áp lực thành giúp truyền lực xuyên suốt cấu trúc. - Đường kính thân vít: 4,5mm/5mm/6mm/7 mm/ 8mm, dễ phân biệt theo màu sắc. Chiều dài vít: 25-110 mm, với mỗi bước tăng: 5 mm; từ độ dài 60mm trở lên, bước tăng 10mm - Chiều cao trên thanh dọc: 4mm, phần chạy trên thanh dọc 11mm - Thân vít đa trục, tự taro, kiểu đơn, ren vít thiết kế lồng vào nhau (interlocking) và ren vát (undercut thread), kèm ốc khóa trong - Góc xoay lên tới 42 độ Sử dụng hiệu quả trong phẫu thuật xâm lấn tối thiểu MIS (hoặc tương đương) Đạt tiêu chuẩn CE, ISO. Xuất xứ G7	Cái	500	150
114.2	Ốc khóa trong	Ốc khóa trong cột sống lưng * Có thiết kế ren vát bên ngoài ăn khớp với ren trong của đầu vít, tránh tự tháo * Vật liệu: Hợp kim Titanium Đạt tiêu chuẩn CE, ISO. Xuất xứ G7	Cái	500	150
114.3	Thanh Dọc Cột Sống Thẳng từ 35mm-120mm	- Chất liệu: hợp kim Titanium (hoặc tương đương) - Khối trụ với hai đầu tù - Đường kính: 5.5 mm - Chiều dài nẹp: từ 35mm đến 60mm mỗi kích thước cách nhau 5mm, chiều dài từ 60 mm đến 120mm mỗi kích thước cách nhau 10mm, . Đạt tiêu chuẩn CE, ISO. Xuất xứ G7	thanh	80	24
114.4	Thanh Dọc Cột Sống Thẳng từ 120mm-200mm	- Chất liệu: hợp kim Titanium (hoặc tương đương) - Khối trụ với hai đầu tù - Đường kính: 5.5 mm - Chiều dài nẹp: từ 120mm đến 180 mm mỗi kích thước cách nhau 30mm, chiều dài từ 200mm. Đạt tiêu chuẩn CE, ISO. Xuất xứ G7	thanh	80	24
115	Nẹp khóa đầu dưới xương chày	Nẹp dày 4.0mm, nẹp rộng 14mm, đường kính lỗ nẹp 4.10mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 15mm; từ 5 lỗ đến 15 lỗ trái/ phải tương ứng các chiều dài từ 80mm đến 210mm. Chất liệu hợp kim Titanium	Cái	300	90
116	Nẹp khóa xương đòn có móc, trái/ phải các cỡ, hợp kim titanium	Nẹp dày 3.5mm, nẹp rộng 10mm, đường kính lỗ nẹp 4.10mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 15mm; từ 4 lỗ đến 7 lỗ trái/ phải tương ứng với các chiều dài từ 70mm đến 115mm. Chất liệu hợp kim Titanium	Cái	100	30
117	Nẹp khóa xương đòn trái/phải các cỡ, hợp kim titanium	Nẹp dày 3.0mm, nẹp rộng 10.0mm, đường kính lỗ nẹp 4.10mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 14mm; 6, 7, 8 lỗ trái / phải tương ứng với các chiều dài 85mm, 100mm, 115mm. Chất liệu hợp kim titanium	Cái	200	60

118	Nẹp khóa đầu trên xương cánh tay các cỡ, hợp kim titanium	Nẹp dày 3.5mm, nẹp rộng 14mm, đường kính lỗ nẹp 4.10mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 12mm; từ 3 lỗ đến 12 lỗ tương ứng các chiều dài từ 87mm đến 195mm. Chất liệu hợp kim Titanium	Cái	100	30
119	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay mặt ngoài có móc, trái/ phải các cỡ, hợp kim titanium	Nẹp dày 2.5mm, nẹp rộng 11.5mm, đường kính lỗ đầu dưới 2.80mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 13mm; từ 3 lỗ đến 14 lỗ trái/phải tương ứng các chiều dài từ 65mm đến 208mm. Chất liệu hợp kim titanium	Cái	50	15
120	Nẹp khóa đầu dưới xương cánh tay mặt ngoài trái/phải các cỡ, hợp kim titanium	Nẹp dày 2.5mm, nẹp rộng 11.5mm, đường kính lỗ nẹp 4.10mm, đường kính lỗ đầu dưới 2.80mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 13mm; từ 3 lỗ đến 14 lỗ trái/phải tương ứng các chiều dài từ 65mm đến 208mm. Chất liệu hợp kim titanium	Cái	50	15
121	Nẹp khóa bản nhỏ các cỡ, hợp kim titanium	Nẹp dày 3.5mm, nẹp rộng 11mm, đường kính lỗ nẹp 4.10mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 13mm; từ 4 lỗ đến 12 lỗ tương ứng các chiều dài từ 59mm đến 163mm. Chất liệu hợp kim Titanium	Cái	100	30
122	Nẹp khóa đầu dưới xương mác trái/phải các cỡ, hợp kim titanium	Nẹp dày 2.5mm, nẹp rộng 10mm, đường kính lỗ nẹp 4.10mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 12mm; từ 3 lỗ đến 11 lỗ trái/ phải tương ứng các chiều dài từ 61mm đến 157mm. Chất liệu hợp kim titanium	Cái	100	30
123	Nẹp khóa bản rộng các cỡ, hợp kim titanium	Nẹp dày 5.5mm, nẹp rộng 17.5mm, đường kính lỗ nẹp 5.10mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 18mm; từ 6 lỗ đến 16 lỗ tương ứng các chiều dài từ 116mm đến 296mm. Chất liệu hợp kim Titanium	Cái	300	90
124	Nẹp khóa đầu trên xương đùi trái/phải các cỡ, hợp kim titanium	Nẹp dày 6.0mm, nẹp rộng 19mm, đường kính lỗ nẹp 5.10mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 18mm; từ 2 lỗ đến 16 lỗ trái/ phải tương ứng với các chiều dài từ 139mm đến 391mm. Chất liệu hợp kim titanium	Cái	100	30
125	Nẹp khóa đầu dưới xương đùi trái/ phải các cỡ, hợp kim titanium	Nẹp dày 6.0mm, rộng 17.5mm, đường kính lỗ nẹp 5.10mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 20mm, đầu nẹp rộng 32mm; từ 5 lỗ đến 13 lỗ trái/phải tương ứng các chiều dài từ 154mm đến 314mm. Chất liệu hợp kim Titanium	Cái	100	30
126	Nẹp khóa đầu trên xương chày trái/phải các cỡ, hợp kim titanium	Nẹp dày 5.0mm, nẹp rộng 17mm, đầu nẹp rộng 25mm, đường kính lỗ nẹp 5.10mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 20mm; từ 3 lỗ đến 13 lỗ trái/ phải tương ứng các chiều dài từ 102mm đến 302mm. Chất liệu hợp kim Titanium	Cái	100	30

127	Nẹp khóa bản hẹp các cỡ, hợp kim titanium	Nẹp dày 4.5mm, nẹp rộng 14mm, đường kính lỗ nẹp 5.10mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 18mm; từ 6 lỗ đến 14 lỗ tương ứng các chiều dài từ 116mm đến 260mm. Chất liệu hợp kim Titanium	Cái	300	90
128	Vít khóa đường kính 2.7mm, dài các cỡ, hợp kim titanium	Đường kính vít 2.7mm, đường kính mũ vít 3.5mm, bước ren 1.0mm, đường kính lõi vít 2.0mm; chiều dài vít từ 6mm đến 40mm. Chất liệu hợp kim titanium	Cái	1.000	300
129	Vít khóa đường kính 3.5mm dài các cỡ, hợp kim titanium	Đường kính vít 3.5mm, đường kính mũ vít 5.0mm, bước ren 1.0mm, đường kính lõi vít 2.8mm, chiều dài vít từ 14mm đến 60mm. Chất liệu hợp kim titanium	Cái	1.000	300
130	Vít khóa đường kính 5.0mm dài các cỡ, hợp kim titanium	Đường kính vít 5.0mm, đường kính mũ vít 6.5mm, bước ren 1.5mm, đường kính lõi vít 4.0mm, chiều dài vít từ 20mm đến 90mm. Chất liệu hợp kim titanium	Cái	2.000	600
131	Vít xương cứng đường kính 3.5mm các cỡ, hợp kim titanium	Đường kính vít 3.5mm, đường kính mũ vít 6.0mm, bước ren 1.25mm, đường kính lõi vít 2.4mm, chiều dài vít từ 10mm đến 50mm. Chất liệu hợp kim titanium	Cái	1.000	300
132	Vít xương cứng đường kính 4.5mm các cỡ, hợp kim titanium	Đường kính vít 4.5mm, đường kính mũ vít 8.0mm, bước ren 1.75mm, đường kính lõi vít 3.0mm, chiều dài vít từ 14mm đến 90mm. Chất liệu hợp kim titanium	Cái	2.000	600
133	Vít xóp khóa đường kính 4.0mm dài các cỡ, hợp kim titanium	Đường kính 4.0mm, đường kính mũ vít 5.0mm, bước ren 1.75mm, đường kính lõi vít 2.0mm, chiều dài vít từ 14mm đến 60mm. Chất liệu hợp kim titanium	Cái	500	150
134	Vít xóp khóa đường kính 5.0mm dài các cỡ, hợp kim titanium	Đường kính vít 5.0mm, đường kính mũ vít 6.5mm, bước ren 2.0mm, đường kính lõi vít 3.5mm, chiều dài vít từ 30mm đến 110mm. Chất liệu hợp kim titanium	Cái	500	150
135	Vít khóa rộng nòng đường kính 7.3mm, dài các cỡ, hợp kim titanium	Đường kính vít 7.3mm, đường kính mũ vít 10.0mm, bước ren 2.75mm, đường kính lõi vít 5.0mm, đường kính nòng rộng 2.5mm, chiều dài vít từ 30mm đến 95mm. Chất liệu hợp kim titanium	Cái	300	90
136	Nẹp tăng áp bản hẹp các cỡ, thép không gỉ	Nẹp dày 4.0mm, nẹp rộng 12.0mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 16.0mm, từ 6 lỗ đến 14 lỗ tương ứng với các chiều dài từ 103mm đến 231mm. Chất liệu thép không gỉ	Cái	100	30
137	Nẹp tăng áp bản nhỏ các cỡ, thép không gỉ	Nẹp dày 3.0mm, nẹp rộng 10.0mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 12.0mm, từ 6 lỗ đến 10 lỗ tương ứng với các chiều dài từ 74mm đến 122mm. Chất liệu thép không gỉ	Cái	100	30
138	Nẹp tăng áp bản rộng các cỡ, thép không gỉ	Nẹp dày 5.0mm, nẹp rộng 16.0mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 18.0mm, từ 6 lỗ đến 16 lỗ tương ứng với các chiều dài từ 103mm đến 263mm. Chất liệu thép không gỉ	Cái	100	30

139	Nẹp khóa chữ T/vít 3.5mm các cỡ, hợp kim titanium	Nẹp dày 2.0mm, nẹp rộng 10.0mm, đường kính lỗ nẹp 4.10mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 10mm, đầu chữ T rộng 24mm, 3 lỗ đầu; 3, 4, 5, 6, 8 lỗ thân tương ứng các chiều dài 47mm, 57mm, 67mm, 77mm, 87mm. Chất liệu hợp kim Titanium	Cái	100	30
140	Nẹp khóa mắt xích các cỡ, hợp kim titanium	Nẹp dày 3.0mm, nẹp rộng 11.0mm, đường kính lỗ nẹp 4.10mm, khoảng cách giữa các lỗ nẹp 13mm; từ 4 lỗ đến 14 lỗ tương ứng các chiều dài từ 53mm đến 183mm. Chất liệu hợp kim titanium	Cái	200	60
141	Vít đa trục các cỡ (kèm ốc khóa), titanium	Chiều rộng mũ vít 14mm, chiều cao mũ vít 15mm, ốc khóa trong bước ren 1mm, đầu vít tự taro và tự khoan. Độ sâu bước ren 0.75mm. Khoảng cách bước ren 2.7mm. Góc xoay 20 độ. Đường kính vít 4.5/ 5.0/ 5.5/ 6.0/ 6.5/ 7.0/ 7.5mm. Vít đường kính 4.5mm có chiều dài từ 25mm đến 50mm; vít đường kính 5.0/ 5.5/ 6.0/ 6.5mm có chiều dài từ 30mm đến 55mm; vít đường kính 7.0mm có chiều dài từ 30mm đến 95mm; vít đường kính 7.5mm có chiều dài từ 30mm đến 100mm. Chất liệu: Titanium (Ti6Al4V Eli ISO 5832-3) Vít kèm 01 ốc khóa chất liệu titanium đính trên đầu mũ vít	Cái	134	40
142	Vít đơn trục các cỡ (kèm ốc khóa), titanium	Chiều rộng mũ vít 14mm, chiều cao mũ vít 15mm, ốc khóa trong bước ren 1mm, đầu vít tự taro và tự khoan. Độ sâu bước ren 0.75mm. Khoảng cách bước ren 2.7mm. Đường kính vít 4.5/ 5.0/ 5.5/ 6.0/ 6.5/ 7.0/ 7.5mm. Vít đường kính 4.5mm có chiều dài từ 25mm đến 50mm; vít đường kính 5.0/ 5.5/ 6.0/ 6.5/ 7.0/ 7.5mm có chiều dài từ 30mm đến 55mm. Chất liệu: Titanium (Ti6Al4V Eli ISO 5832-3) Vít kèm 01 ốc khóa chất liệu titanium đính trên đầu mũ vít	Cái	1	0
143	Vít đa trục trượt các cỡ (kèm ốc khóa), titanium	Chiều rộng mũ vít 14mm, chiều cao mũ vít trượt 28mm, ốc khóa trong bước ren 1mm, đầu vít tự taro và tự khoan. Độ sâu bước ren 0.75mm. Khoảng cách bước ren 2.7mm. Góc xoay 20 độ. Đường kính vít 5.5/ 6.0/ 6.5/ 7.0/ 7.5mm. Chiều dài vít từ 30mm đến 55mm. Chất liệu: Titanium (Ti6Al4V Eli ISO 5832-3) Vít kèm 01 ốc khóa chất liệu titanium đính trên đầu mũ vít	Cái	29	9
144	Vít xóp đường kính 4.0mm dài các cỡ, thép không gỉ	Đường kính vít 4.0mm, đường kính mũ vít 6.0mm, mặt mũ vít hình lục lăng đường kính 2.5mm, bước ren 1.75mm, đường kính lõi vít 1.9mm, đường kính thân vít 2.4mm, đoạn ren ngắn, chiều dài vít từ 10mm đến 60mm. Chất liệu thép không gỉ	Cái	200	60
145	Vít xóp đường kính 6.5mm dài các cỡ, thép không gỉ	Đường kính vít 6.5mm, đường kính mũ vít 8.0mm, mặt mũ vít hình lục lăng đường kính 3.5mm, bước ren 2.75mm, đường kính lõi vít 3.0mm, đường kính thân vít 4.5mm, chiều dài ren 32mm, chiều dài vít từ 40mm đến 90mm. Chất liệu thép không gỉ	Cái	100	30

146	Vít cứng đường kính 3.5mm dài các cỡ, thép không gỉ	Đường kính vít 3.5mm, đường kính mũ vít 6.0mm, mặt mũ vít hình lục lăng đường kính 2.5mm, bước ren 1.25mm, đường kính lõi vít 2.4mm, chiều dài vít từ 8mm đến 60mm. Chất liệu thép không gỉ	Cái	500	150
147	Vít cứng đường kính 4.5mm dài các cỡ, thép không gỉ	Đường kính vít 4.5mm, đường kính mũ vít 8.0mm, mặt mũ vít hình lục lăng đường kính 3.5mm, bước ren 1.75mm, đường kính lõi vít 3.0mm, chiều dài vít từ 12mm đến 60mm. Chất liệu thép không gỉ	Cái	1.000	300
148	Nẹp dọc (thanh dọc) đường kính 6.0mm, titanium	Đường kính nẹp dọc 6.0mm, chiều dài nẹp dọc từ 40mm đến 600mm. Chất liệu titanium (Ti6Al4V Eli ISO 5832-3)	Cái	73	22
149	Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng, loại cong, các cỡ	Miếng ghép chất liệu PEEK (ASTM F2026). Chiều dài miếng ghép 24/28/32mm, chiều rộng miếng ghép 10mm, chiều cao miếng ghép 6/7/8/9/10/11/12/13mm, một đầu miếng ghép vát góc 4 độ, gai nhọn giúp bám chắc, điểm đánh dấu cân quang chất lượng. Dung tích khoang ghép xương từ 0.27cc đến 1.00cc.	Cái	1	0
150	Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng, loại thẳng, các cỡ	Miếng ghép chất liệu PEEK (ASTM F2026). Chiều dài miếng ghép 22/24mm, chiều rộng miếng ghép 10mm, chiều cao miếng ghép 6/7/8/9/10/11/12/13mm, răng miếng ghép vát góc 45 độ. Dung tích khoang ghép xương từ 0.3cc đến 0.8cc	Cái	1	0
151	Vít đa trục rỗng bơm xi măng các cỡ (kèm ốc khóa), titanium	Chiều rộng mũ vít 14mm, chiều cao mũ vít 15mm, ốc khóa trong bước ren 1mm, đầu vít tự taro và tự khoan, thân vít có lỗ và khoảng trống để bơm xi măng. Độ sâu bước ren 0.75mm. Khoảng cách bước ren 2.7mm. Đường kính vít 4.5/ 5.0/ 5.5/ 6.0/ 6.5/ 7.0/ 7.5mm. Chiều dài vít từ 30mm đến 55mm. Chất liệu: Titanium (Ti6Al4V Eli ISO 5832-3) Vít kèm 01 ốc khóa chất liệu titanium đính trên đầu mũ vít	Cái	5	2
152	Miếng ghép đĩa đệm cột sống lưng điều chỉnh mờ, các cỡ	Miếng ghép chất liệu PEEK (ASTM F2026). Miếng ghép có thể điều chỉnh mờ. Chiều dài miếng ghép 24mm, chiều rộng miếng ghép 10mm, chiều cao miếng ghép 6/7/8/9/10/11/12/13mm, răng miếng ghép vát góc 45 độ. Dung tích khoang ghép xương từ 0.35cc đến 0.9cc	Cái	1	0
153	Miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ các cỡ	Chiều cao miếng ghép 4/5/6/7/8mm, chiều dài miếng ghép 12/14mm, chiều rộng miếng ghép 14/16mm. Chất liệu PEEK (ASTM F2026). Dung tích khoang ghép xương từ 0.28cc đến 0.9cc	Cái	1	0
154	Miếng ghép đĩa đệm cổ có khóa các cỡ	Miếng ghép chất liệu PEEK (ASTM F2026). Chiều cao miếng ghép 4/5/6/7/8mm, chiều dài miếng ghép 12/14mm, chiều rộng miếng ghép 14/16mm, răng miếng ghép vát góc 45 độ, điểm đánh dấu cân quang chất liệu titanium (Ti6Al4V Eli ISO 5832-3). Dung tích khoang ghép xương từ 0.22cc đến 0.37cc	Cái	1	0

155	Miếng ghép đĩa đệm cổ điều chỉnh mờ, các cỡ	Chiều cao miếng ghép 5/6/7/8/9mm, chiều dài miếng ghép chiều rộng miếng ghép 14mm, răng miếng ghép vát góc 45 độ, điểm đánh dấu cân quang chất liệu PEEK (ASTM F2026). Dung tích khoang ghép 0.15cc đến 0.37cc	Cái	1	0
156	Miếng ghép đĩa đệm cổ có khóa độc lập các cỡ	Miếng ghép chất liệu PEEK (ASTM F2026). Chiều cao miếng ghép 5/6/7/8mm, chiều dài miếng ghép 12/14mm, chiều rộng miếng ghép 14/16mm, răng miếng ghép vát góc 45 độ, điểm đánh dấu cân quang chất liệu titanium (Ti6Al4V Eli ISO 5832-3). Dung tích khoang ghép xương từ 0.4cc đến 0.8cc	Cái	1	0
157	Vít cho miếng ghép đĩa đệm cột sống cổ có khóa độc lập	Đường kính vít 3.0mm, đường kính mũ vít 3.5mm, chiều dài vít 10, 12, 14, 16, 18mm. Chất liệu titanium (Ti6Al4V Eli ISO 5832-3)	Cái	1	0
158	Bộ nội soi tái tạo dây chằng chéo				
158,1	Lưỡi bào khớp đóng tiết trùng	Lưỡi bào khớp sử dụng công nghệ cửa sổ 3 lớp kết hợp vừa cắt xương, vừa cắt bỏ mô. Có chiều dài 130mm, các đường kính là 3mm, 4mm và 5mm. Xuất xứ từ các nước G7, đạt tiêu chuẩn CE	Cái	100	30
158,2	Lưỡi bào khớp bằng sóng Radio Frequency	Đầu đốt lưỡng cực sử dụng sóng RF. Có chức năng hút nước. Phần dây hút nước dài 0.4m, Phần dây điện kết nối với tay cầm dài 4m. Đầu đốt cong 90°, Chiều dài làm việc 150mm, chiều dài tay cầm 145mm, đường kính thân 4,4mm. Sử dụng cho phẫu thuật nội soi khớp háng, khớp gối và khớp vai Xuất xứ từ các nước G7, đạt tiêu chuẩn CE	Cái	100	30
158,3	Dây dẫn dịch tưới cho máy bơm tưới hoạt dịch ổ khớp, tiết trùng loại chạy máy loại 2 đầu vào ra	Dây dẫn nước sử dụng phẫu thuật nội soi. Đầu vào dây cắm 2 chai nước tới máy bơm là loại sử dụng nhiều lần trong ngày, chiều dài 2.76m. Dây nối từ máy bơm tới trocar là loại sử dụng một lần, chiều dài 3.22m. Xuất xứ từ những nước G7, đạt tiêu chuẩn CE/ MDR	Cái	100	30
158,4	Vít dây chằng giữ mảnh ghép gân có thể điều chỉnh chiều dài	Vít dây chằng giữ mảnh ghép gân có thể điều chỉnh chiều dài cấu tạo gồm phần vít chặn titanium và vòng dây sọc vằn giúp cải thiện khả năng quan sát khi phẫu thuật. Thiết kế cơ chế khóa 3 điểm với nẹp titan 4 lỗ chiều dài khoảng 12mm, rộng khoảng 3.86mm, dày khoảng 1,52mm giúp cho việc cấy ghép thay thế dễ dàng. Một cỡ vừa với mọi trường hợp. Vòng dây bằng chỉ số 5 có thể tự điều chỉnh chiều dài từ 15 tới 105mm. Lực kéo đạt lên tới 2100N. Xuất xứ từ các nước EU, đạt tiêu chuẩn CE/ MDR	Cái	200	60

158,5	Chỉ khâu gân siêu bền	Chỉ siêu bền #2, chất liệu UHMWPE, màu trắng/xanh để dễ dàng quan sát, chiều dài 39 inch (99cm). Đầu kim dạng bán nguyệt loại MO-6, dài 26mm. Xuất xứ từ các nước G7, đạt tiêu chuẩn CE và FDA	Cái	100	30
158,6	Mũi khoan ngược	Mũi khoan ngược có mẫu lật, đường kính 4.5mm - 12mm (bước tăng 0.5mm), chiều dài 355mm Đạt tiêu chuẩn ISO 13485, đạt tiêu chuẩn FDA	Cái	50	15
158,7	Miếng bọc gân sinh học loại 1	Miếng bọc gân sinh học là ma trận ngoại bào dị loại nguồn gốc từ mô phúc mạc sử dụng trong các thủ thuật y học thể thao nhằm gia cố và sửa chữa mô mềm suy yếu như gân cơ chóp xoay, dây chằng, cơ tứ đầu, gân gót và các loại gân khác. Sản phẩm được xử lý để loại bỏ các kháng nguyên trong khi vẫn giữ nguyên các đặc tính và thành phần mong muốn của khung mô với độ dày trung bình 0.24mm (không vị trí nào mỏng quá 0.15mm) đảm bảo độ bền kéo 26.22 ± 11.21 N/cm. Sản phẩm được sử dụng khô hoặc trước khi sử dụng được ngâm nước bằng nước muối hoặc dịch cơ thể tự thân như máu, dịch hút tủy xương hoặc cô đặc máu như huyết tương giàu tiểu cầu. Kích thước: 4 cm x 5 cm. Tiệt trùng. Đạt tiêu chuẩn FDA.	Miếng	10	3
VIII	Phần 8: Thiết bị y tế (vật tư y tế) sử dụng trong chẩn đoán, điều trị khác				
1	Bộ đo áp lực của máy DSA	Dom đo huyết áp xâm lấn dùng cho máy DSA Dùng được trong IBP, niệu, lọc máu Tuong thích flush device 3ml/h Chất liệu không có latex, khớp nối khô ráo không có chất lỏng giữa cảm biến và doom Tiêu chuẩn ISO 13485	Bộ	50	15
2	Am pu người lớn, trẻ em. sơ sinh	Chất liệu nhựa PVC Thể tích khoảng: + Người lớn: 1500ml $\pm 5\%$; + Trẻ em 450ml $\pm 5\%$; + Sơ sinh 280ml $\pm 5\%$. Túi chứa khoảng: + Người lớn, trẻ em: 2500 ml $\pm 5\%$; + Sơ sinh 600ml $\pm 5\%$. Dây oxy chất liệu PVC dài khoảng 2m ($\pm 5\%$). Mặt nạ chất liệu PVC, PC hoặc tốt hơn Khoảng chết: khoảng dưới 6ml. Trở kháng hít vào, thở ra ≤ 5 cm H ₂ O tại 50LMP.	Chiếc	2.055	617
3	Đầu côn vàng	Đầu pipet bằng nhựa, có rãnh, màu vàng, dùng cho pipet 0 μ l-200 μ l. Vật liệu: Polypropylene, phù hợp với các loại Micropipet của viện đang sử dụng. Loại nhựa trong, đầu hút nhọn, Đầu côn được thiết kế ôm kín đầu cây micropipet, đảm bảo lực hút của cây micropipet. Thể tích 200 μ l.	Cái	20.150	6.045

4	Đầu côn xanh	Đầu côn xanh bằng plastic (cắm vào pipette để hút máu làm xét nghiệm), dùng trong y tế, 1000ul. STAR	Chiếc	11.700	3.510
5	Đầu đo Spo2 máy monitor	Dùng cho người lớn, dạng kẹp, dây dài 3m, đầu kết nối SCN46	Cái	613	184
6	Đầu đo Spo2 máy monitor	Dùng cho người lớn, dạng kẹp, dây dài 3m, đầu kết nối SCN14	Cái	510	153
7	Kẹp phẫu tích không máu , có máu	Làm bằng thép không gỉ, tiêu chuẩn CE, có thể hấp sấy ở nhiệt độ 134°C Chứng chỉ ISO 9001, 1348	Chiếc	54	16
8	Kẹp rốn nhựa	Sản xuất từ chất liệu nhựa PP nguyên sinh, độ trơn láng cao. - Các khớp răng đều, thẳng hàng, gờ không sắc - Tiệt trùng khí EO, không độc hại, không gây kích ứng. Q41	Chiếc	3.430	1.029
9	Kìm mang kim các loại	Chất liệu: làm bằng thép không gỉ, có thể hấp sấy được. Hấp tiệt trùng ở nhiệt độ 121oC trong vòng 30 phút. Chứng chỉ ISO 9001, 13485,CE...	Cái	54	16
10	Khẩu trang y tế	Khẩu trang y tế 4 lớp là sản phẩm khẩu trang y tế được sử dụng để ngăn ngừa bụi, vi khuẩn, virus trong và ngoài lĩnh vực y tế. Khẩu trang y tế được tạo thành từ các thành phần gồm: bề mặt khẩu trang được làm từ vải không dệt, giữa là lớp màng lọc khuẩn, thanh nẹp mũi được làm từ nhựa, dây đeo tai được từ vải bọc bên ngoài, bên trong có dây dẫn, đàn hồi tốt.	Cái	136.237	40.871
11	Mask sơ sinh	Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh không chứa độc tố, màu trắng, không có chất tạo màu. - Dây dẫn có chiều dài $\geq 2m$ được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khí mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: XS, S, M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Chiếc	410	123

12	Mặt nạ thở oxy	Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh không chứa độc tố, màu trắng, không có chất tạo màu. - Dây dẫn có chiều dài $\geq 2\text{m}$ được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: XS, S, M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Bộ	3.122	937
13	Mask thở oxy có túi dự trữ	Mặt nạ thở oxy có túi bao gồm: Dây dẫn, mặt nạ nẹp mũi, màng silicone, dây chun, đầu nối túi khí, túi khí, đầu nối dây dẫn. - Mặt nạ và dây dẫn được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh. Dây dẫn có chiều dài $\geq 2\text{ m}$. - Các cỡ: S, M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Bộ	1.810	543
14	Mác úp bóp bóng (Mặt nạ bóp bóng)	* Được làm bằng nhựa PVC trong dùng trong y tế * Không có nhựa * Vành bơm hơi đảm bảo cho việc kín khí * Vòng màu giúp dễ dàng phân biệt các cỡ * Đầu nối tiêu chuẩn (15/22 mm)	Chiếc	2.067	620
15	Mặt nạ xông khí dung	Mặt nạ được sản xuất từ nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng, không có chất tạo màu. Có bộ khí dung. - Dây dẫn có chiều dài $\geq 2\text{m}$ được sản xuất từ chất liệu nhựa PVC nguyên sinh, màu trắng trong. Dây dẫn có khóa đảm bảo khí oxy luôn được tuần hoàn. - Thanh nhôm mềm dẻo đảm bảo giữ kín khít mặt nạ và mũi bệnh nhân. - Dây chun cố định bộ mặt nạ và đầu bệnh nhân có độ đàn hồi cao. - Các cỡ: S, M, L, XL. - Sản phẩm được tiệt trùng bằng khí Ethylene Oxide (E.O)	Chiếc	11.785	3.536
16	Núm điện cực tim	Miếng dán: Dạng Foam bền, dính chặt ổn định, dễ dàng dán vào cũng như tháo ra, không làm ảnh hưởng đến da bệnh nhân	cái	32.920	9.876
17	Oxy được dụng	Độ tinh khiết $\geq 99,5\%$	Bình	655	197

18	Săng giấy (Xăng mốp)	Được làm từ vải không dệt, đã tiệt trùng bằng khí EO	Cái	5.008	1.502
19	Kéo các loại nhọn, tù	Chất liệu: làm bằng thép không gỉ, có thể hấp sấy được. Hấp tiệt trùng ở nhiệt độ 121oC trong vòng 30 phút. Chứng chỉ ISO 9001, 13485,CE...	Cái	1.021	306
20	Kéo cắt bông	Chất liệu: làm bằng thép không gỉ, có thể hấp sấy được. Hấp tiệt trùng ở nhiệt độ 121oC trong vòng 30 phút. Chứng chỉ ISO 9001, 13485,CE...	Cái	3.002	901
21	Kéo cắt chỉ thép	Chất liệu: làm bằng thép không gỉ, có thể hấp sấy được. Hấp tiệt trùng ở nhiệt độ 121oC trong vòng 30 phút. Chứng chỉ ISO 9001, 13485,CE...	Cái	7	2
22	Kéo cong phẫu thuật	Chất liệu: làm bằng thép không gỉ, có thể hấp sấy được. Hấp tiệt trùng ở nhiệt độ 121oC trong vòng 30 phút. Chứng chỉ ISO 9001, 13485,CE...	Cái	20	6
23	Kéo thẳng tù	Chất liệu: làm bằng thép không gỉ, có thể hấp sấy được. Hấp tiệt trùng ở nhiệt độ 121oC trong vòng 30 phút. Chứng chỉ ISO 9001, 13485,CE...	Cái	64	19
24	Kéo thẳng, cong	Chất liệu: làm bằng thép không gỉ, có thể hấp sấy được. Hấp tiệt trùng ở nhiệt độ 121oC trong vòng 30 phút. Chứng chỉ ISO 9001, 13485,CE...	Cái	20	6
25	Kéo thẳng, cong, tù các loại	Chất liệu: làm bằng thép không gỉ, có thể hấp sấy được. Hấp tiệt trùng ở nhiệt độ 121oC trong vòng 30 phút. Chứng chỉ ISO 9001, 13485,CE...	Cái	89	27
26	Kéo cắt bột	Chất liệu: làm bằng thép không gỉ, có thể hấp sấy được. Hấp tiệt trùng ở nhiệt độ 121oC trong vòng 30 phút. Chứng chỉ ISO 9001, 13485,CE...	Cái	2	1
27	Panh thẳng, cong các loại	Chất liệu: làm bằng thép không gỉ, có thể hấp sấy được. Hấp tiệt trùng ở nhiệt độ 121oC trong vòng 30 phút. Chứng chỉ ISO 9001, 13485,CE...	Cái	104	31
28	Kìm sinh thiết dùng nhiều lần các loại	Làm bằng thép không gỉ, có thể hấp sấy ở nhiệt độ 121°C Chứng chỉ ISO 13485	Cái	5	2

29	Băng chỉ thị tiếp xúc cho gói dụng cụ tiệt khuẩn bằng hơi nước	Băng chỉ thị nhiệt dùng trong tiệt khuẩn hơi nước - Cố định gói dụng cụ chắc chắn - Phân biệt gói dụng cụ đã qua tiệt khuẩn hay chưa • Cấu tạo: - Lớp keo dính chắc phù hợp với nhiều loại vật liệu như vải dệt chưa qua xử lý (nghĩa là 100% cotton có thể tái sử dụng và hỗn hợp cotton / poly) và vải không dệt dùng một lần, giấy và giấy / bao bì nhựa - Lớp nền là một loại giấy crepe màu be và cung cấp độ giãn cần thiết khi gói giãn nở trong quá trình tiệt khuẩn • Kích thước: 24mm x 55m • Sử dụng cho gói dụng cụ tiệt khuẩn bằng hơi nước trong các quy trình tiệt khuẩn hơi nước 250°F/121°C, 270°F/132°C, 273°F/134°C và 275°F/135°C • Vạch chỉ thị hóa chất sẽ hiển thị sự thay đổi màu sắc trực quan từ trắng / nâu nhạt sang nâu sẫm / đen khi tiếp xúc với quy trình tiệt khuẩn bằng hơi nước. • Chỉ báo sẽ không thay đổi trực quan trong vòng 6 tháng khi được bảo quản ở các điều kiện theo hướng dẫn. • Thành phần: - Giấy crepe bão hoà 40-50%, Chất kết dính 10-20%, Acrylic Polymer 2-5%, Mực chỉ thị hơi nước 0.5-2%. - Không chứa mù cao su tự nhiên. - Mực chỉ thị hóa học, được in theo kiểu sọc chéo, không chứa chì. • Đạt tiêu chuẩn chứng nhận FDA, ISO 13485-2016	Cuộn	300	90
IX	Phần 9: Thiết bị y tế (vật tư y tế) trong lọc thận nhân tạo				
1	Quả lọc thận nhân tạo các loại, các cỡ	- Màng lọc Polysulfone có tính tương hợp tốt với máu, tối ưu hóa hiệu quả điều trị. - Hệ số siêu lọc: 13 mL/h x mmHg - Độ thanh thải (lưu lượng máu 200mL/min): + Ure : 186 + Creatinine: 173 + Phosphate: 148 + Vitamin B12: 92 - Diện tích màng: 1,3 m² - Độ dày thành/đường kính sợi: 40/200 µm - Thể tích mỗi: 78 mL - Chất liệu màng: Polysulfone - Chất liệu vỏ: Polycarbonate - Chất liệu đầu quả lọc: Polyurethane - Phương pháp tiệt trùng: Hơi nước Inline/HD	Quả	4.000	1.200
2	Quả lọc thận nhân tạo các loại, các cỡ	- Chất liệu màng: Polysulfone®. - Diện tích màng (m²): 2.2 - Chất liệu vỏ Polypropylene - Chất liệu 2 đầu (nắp): Polyurethane - Chống ăm: Silicone - Thông số lọc: 5 mL/min mm HG (3,75L/min bar; max. 2 bar)	Quả	16	5

3	Dây máu HDF - Online	- Sự an toàn: + An toàn và dễ thao tác + Đảm bảo sự an toàn cao nhất và vận hành tốt nhất đối với máy thận + Đầu bảo vệ bộ cảm biến tích hợp các cửa sổ kiểm tra + Công tiêm thuốc với lá chắn bảo vệ ngón tay mở rộng - Chất lượng: + Kiểm định nghiêm ngặt + Quản lý chất lượng đạt chuẩn đối với hệ thống nghiên cứu, sản xuất và lưu hành sản phẩm + Tương hợp tốt với máy thận - Tính tương hợp sinh học + Chất liệu có tính tương thích sinh học tốt + Khả năng tương hợp với máu tốt và phản ứng độc tế bào thấp - Dây máu không chứa DEHP - Không cần dùng nước muối để môi, bolus hay dịch truyền. - Bộ dây máu gồm: Alpha clip & đoạn dây bơm máu, Cảm biến áp lực, dây Safeline, BVM (giám sát dung tích máu) - Thể tích làm đầy: 132ml - Tiệt trùng bằng Beta	bộ	1.800	540
4	Quả lọc thận nhân tạo các loại, các cỡ	Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi Polynephron, không chứa Bisphenol-A(BPA), không chứa DEHP. Diện tích: 1,7 m². Thể tích môi: 105 mL. Hệ số siêu lọc: KUF: 74 (mL/giờ/mmHg). TMP: 500mmHg. Độ dày thành sợi: 40 µm. Vỏ quả lọc: Polypropylene. Độ thanh thải (với Qb: 300ml/min): Ure: 285 ml/min Creatinine : 268 ml/min Phosphate: 254 ml/min Vitamin B12: 190 ml/min Inulin: 121 ml/min Myoglobin: 98 ml/min Hệ số sàng lọc: Vitamin B12 = 0.989 Inulin = 0.926 Myoglobin = 0.223 Albumin = 0.002 Tiệt trùng: Tia Gamma Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, EC	Quả	1.800	540

5	Quả lọc thận nhân tạo các loại, các cỡ	- Màng lọc Polysulfone có tính tương hợp tốt với máu, tối ưu hóa hiệu quả điều trị. - Hệ số siêu lọc: 16 mL/h x mmHg - Độ thanh thải (lưu lượng máu 200mL/min): + Ure : 188 + Creatinine: 175 + Phosphate: 155 + Vitamin B12: 102 - Diện tích màng: 1,6 m² - Độ dày thành/đường kính sợi: 40/200 µm - Thể tích mỗi: 96 mL - Chất liệu màng: Polysulfone - Chất liệu vỏ: Polycarbonate - Chất liệu đầu quả lọc: Polyurethane - Phương pháp tiệt trùng: Hơi nước Inline/HD - Xuất xứ: Châu Âu	Quả	3.000	900
6	Quả lọc thận nhân tạo các loại, các cỡ	Nguyên liệu: màng lọc làm từ sợi Polynephron (Polyethersulfone), không chứa Bisphenol-A(BPA), không DEHP. - Diện tích: 1.7 m². - Thể tích mỗi: 108mL. - Hệ số siêu lọc: KUF: 22 (mL/giờ/mmHg). - TMP: 500mmHg. - Vỏ quả lọc: Polypropylene. - Độ thanh thải (Với Qb: 300ml/min): Ure: 270 ml/min Creatinine : 251 ml/min Phosphate: 221 ml/min Vitamin B12: 143 ml/min. - Hệ số sàng lọc: Inulin: 0.440 Vitamin B12: 0.880 Myoglobin < 0.01 Albumin < 0.01 - Tiệt trùng: Tia Gamma - Đạt tiêu chuẩn ISO 13485:2016, EC	Quả	4.000	1.200
7	Quả lọc thận nhân tạo các loại, các cỡ	- Quả lọc Low/Middle Flux - Diện tích màng 1,6 m² - Hệ số siêu lọc (mL/hr*mmHg) 15-18 - Thể tích mỗi 85-96 ml - Tốc độ bơm máu 300ml/phút: Urea ≥245, Creatinine ≥220 - Phương pháp tiệt trùng: chiếu tia Gamma/Hơi nước - Xuất xứ: Nhóm nước G7	Quả	3.000	900
Tổng cộng: 09 phần					

PHỤ LỤC 2: MẪU BÁO GIÁ

(Kèm theo Thư mời chào báo giá số /TMBG-BVĐKHB ngày / /2025 của Bệnh viện Đa khoa Hoà Bình)

BÁO GIÁ

Kính gửi: Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình

Trên cơ sở thư mời báo giá số: /TMBG-BVĐKHB ngày / /năm 2025 của Bệnh viện Đa khoa Hòa Bình. Chúng tôi Công ty Có địa chỉ tại, số đăng ký kinh doanhđược cấp bởi..... (Trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh) gửi tới quý Bệnh viện bảng báo giá thiết bị y tế như sau:

STT	Tên hàng hóa	Tên hàng hóa theo tên thương mại (nếu có)	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ)	Hãng sản xuất	Mô tả về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật hoặc tương đương	Mã HS (nếu có)	Quy cách đóng gói	Số Giấy phép lưu hành/ Giấy phép nhập khẩu (nếu có) hoặc tương đương	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá (VNĐ) (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))	Thành tiền (VNĐ) (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))
1															
2															
...	Tổng cộng giá chào của hàng hóa đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có)														

1. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: 120 ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm 2025.

2. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.
- Giá trị của mặt hàng trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.
- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp

(Ký tên, đóng dấu)